VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Đinh Cường

số 92 • tháng 12 năm 1993

Tuyển tập thơ văn Tất Niên 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

VĂN HỌC thư tòa soạn 2
TẠ QUỐC TUẤN bản chất thực của nhà triệu . . . 3
TỊNH LIÊN
NGHIÊM XUÂN HỒNG *mưa rơi* 17
TRIỆU CHÂU hội chứng tiêu viễn sơn 18
ĐỊNH NGUYÊN *tử sinh* 34
THƯỜNG QUÁN *cánh* 35
NGUYỄN BÌNH GIANG *khước từ, miền cố quận,*
qua chiều, mẹ ơi 36
TRẦN DOÃN NHO cuộc chiến dấu 37
TRẦN HỒNG CHÂU *hành lộ nan* 47
LUÂN HOÁN *quấy bạn hè 93* 48
CHÂN PHƯƠNG *tự họa, một, tự họa, hai* . . . 50
CỔ NGƯ giấc ngủ của mặt trời 51
NGUYÊN SƠN *từ tà áo em* 56
HÀN SONG TƯỜNG *tháng chạp* 57
HOÀNG CHÍNH tên trộm 59
HOÀNG XUÂN SƠN *nhớ anh võ ngọc trác* 89
ĐẶNG HIỂN *đã qua một ngày*
không gọi nhau 90
TRẦN MỘNG TÚ *rượu thu, trăng kim nhũ,*
vào thu, mưa xanh 91
NGUYỄN NGUYÊN THANH bàn tay cụp bàn tay xòe
phạm tiến duật từ
"vòng trắng" đến "số không" 92
HOÀNG XUÂN GIANG *vàng thu tháng mười* 98
NGHIÊU ĐỀ *là cỏ qua rừng...* 99
MAI KIM NGỌC chị em 100
VĂN HỌC ghi nhận đó đây 115
VĂN HỌC tòa soạn và bạn đọc 128

thư tòa soạn

Văn Học số 92 là số báo tất niên của năm 1993. Sau số này, sẽ là số đôi 93 & 94, Xuân Giáp Tuất ra ngày 15 tháng 1 năm 1994.

Một năm 1993 đã qua, một năm Văn Học đều đặn hàng tháng đến với bạn đọc bốn phương. Và mặc dù Văn Học không chạy theo những vấn đề thời sự nóng hổi, không xông vào những cuộc tranh luận vô bổ, các bạn văn và bạn đọc lâu nay vẫn muốn có một diễn đàn trang trọng hòa nhã, vẫn âm thầm ủng hộ Văn Học, giúp cho ban biên tập vượt qua những khó khăn về tài chánh trong giai đoạn kinh tế suy thoái này.

Cuối năm Văn Học nhận được rất nhiều tin vui. Có thể nói trong năm vừa qua, cộng đồng người Việt hải ngoại đón tiếp nhiều bạn văn trong nước ra định cư nhiều hơn các năm trước. Sau đợt H.O. của các nhà văn Nguyễn Sĩ Tế, Thảo Trường, Đinh Phụng Tiến, Hà Thượng Nhân... hồi đầu năm, đến đợt H.O. của các nhà thơ Cung Trầm Tưởng, nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà văn Phan Nhật Nam, nhà văn Trần Doãn Nho, nhà văn Nguyễn Chí Kham, nhà văn Nguyễn Nguyên Phương... Gần như khoảng hai phần ba những cây bút cũ của Việt Nam Cộng Hòa hiện đã có mặt tại hải ngoại. Cùng với tuổi tác, kinh nghiệm chính trị và đời sống thực tế tại quê nhà thời gian gần đây, chắc chắn thế hệ các nhà văn H.O. sẽ mang cho sinh hoạt văn chương hải ngoại một sinh khí mới, như đợt thuyền nhân của những năm đầu thập niên 80 đã làm đổi thay văn chương hải ngoại một cách sâu xa.

Văn Học xin thay mặt các văn hữu cộng tác viên và bạn đọc gửi lời chào mừng các anh Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Phan Nhật Nam, Trần Doãn Nho, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Nguyên Phương, và mong ước các anh sớm ổn định đời sống để trở lại cầm bút.

Văn Học

TẠ QUỐC TUẤN

bản chất thực của nhà triệu

Đại đa số các sử gia và học giả Việt Nam cũng như ngoại quốc thường quan niệm nhà Triệu (207-111 TCN) làm một vương triều Việt Nam, chứ không phải là Trung Hoa, dù là một vương triều đã tách biệt khỏi Trung quốc. Tiêu biểu cho quan niệm này là lập luận sau:

Về nhà Triệu sử ta có hai quan niệm, theo các sử gia xưa thì triều đại này là của ta, còn theo một số sử gia nay thì nhà Triệu là của Trung Hoa. Quan niệm xưa ta thấy có phần đúng hơn, bởi trở ngược dòng lịch sử tới triều đại Kinh Dương Vương, khoảng năm 2879 trước Công Nguyên, thuở nước ta còn mang quốc hiệu là Xích Quỉ thì ranh giới bắc giáp Động Đình Hồ, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên), đông giáp Nam Hải. Trên vùng lục địa mênh mông này, nước Xích Quỉ thuở đó hẳn là một liên bang bao gồm nhiều nước nhỏ, tuy tiếng nói khác nhau nhưng cùng một nền văn minh quân bình tình lý, hòa hợp riêng chung với cái tên là Bách Việt. Sau đời Kinh Dương Vương liên bang này đã phân hóa, thôn tính lẫn nhau để giành quyền bá chủ, khiến cùng trở thành suy yếu để sau này không thoát nổi cái họa xâm lăng của nòi Hán phương bắc thiên trọng lý trí và vũ lực ào ạt tràn qua đánh chiếm. Vậy nhà Thục thôn tính họ Hồng Bàng, Triệu Đà thôn tính nhà Thục thuở đó chỉ là cuộc nội chiến của những nước thuộc liên bang và văn minh Bách Việt. Cũng cần biết thêm là sau khi Hán Cao Tổ trừ được Tần, diệt được Sở nhưng vẫn phải dùng chính sách ngoại giao mềm dẻo thuyết phục Triệu Đà ngưng chỉ việc dao binh. Phải đợi tới đời Hán Vũ Đế, năm 111 trước Công Nguyên, mới dứt nổi vua tôi nhà Triệu là Triệu Dương Vương và Lữ Gia, cải nước Nam Việt thành Giao Chỉ bộ, chia ra làm chín quận, đặt quan cai trị. Kể từ đấy các nước thuộc nền văn minh Bách Việt mới bị nòi Hán bắc phương hoàn toàn thống trị. (1)

Để biện minh quan điểm cho rằng quan niệm của các sử gia xưa coi nhà Triệu là một vương triều Việt Nam là đúng, tác giả đoạn văn trích dẫn bên trên đã lập luận rằng khi xưa Xích Quỉ là một liên bang gồm nhiều nước nhỏ cùng chung một nền văn minh mang tên là Bách Việt, sau này liên bang đó bị phân hóa vì các nước tranh giành quyền lợi mới thôn tính lẫn nhau. Trong liên bang Xích Quỉ đó, việc nhà Triệu thôn tính nhà Thục chỉ là một cuộc nội chiến thôi chứ không phải là một cuộc xâm lăng.

Gạt bỏ ra ngoài những sai lầm về dữ kiện, chúng ta có thể chấp nhận thuyết của tác giả nếu tác giả chứng minh được các điểm sau:

1. Triệu Đà, cũng như các con cháu kế nghiệp, là người thuộc sắc tộc Bách Việt.

2. Lãnh thổ do Triệu Đà cai trị thuộc hệ Bách Việt, hay ít nhất cũng nằm trong địa bàn quản hạt của nước Xích Quỉ.

3. Xích Quỉ là một liên bang, gồm nhiều nước cùng chung một nền văn minh, trong đó có hai "nước" là "nước" do Triệu Đà cai trị và "nước" của Thục An Dương Vương.

4. Xích Quỉ bị phân hóa vì các cuộc thôn tính của các nước thành viên.

Đáng tiếc là tác giả đã không làm như vậy mà chỉ giữ thái độ coi nhà Triệu đương nhiên là một vương triều Việt Nam để từ đó kết luận việc Triệu Đà thôn tính nhà Thục chỉ là một cuộc nội chiến thôi.

Khi chúng tôi chứng minh bản chất thực của nhà Triệu vốn là Trung Hoa hơn là Việt Nam, chúng tôi sẽ đồng thời trả lời các điểm 1, 2 và 3 bên trên. Còn điểm thứ 4 không cần chứng minh vì nó không liên quan tới đề tài của bài biên khảo này. Nếu cần lắm, chúng ta có thể đưa ra các nhận xét sau:

Thứ nhất, Xích Quỉ chỉ là một quốc gia đơn thuần chứ không phải là một liên bang. Tác giả đã lầm Xích Quỉ với Bách Việt. Bách Việt là danh từ chỉ sắc tộc chứ không phải chỉ một quốc gia hay liên bang. Chỉ có các dân thuộc sắc tộc này, nghĩa là các chi tộc, như Mân Việt, Đông Việt, Âu Việt (hay Tây Âu), Lạc Việt, v.v..., mới lập ra các quốc hay nước. Xích Quỉ là nước của chi tộc Lạc Việt.

Thứ hai, trong quốc gia đơn thuần Xích Quỉ, do Kinh Dương Vương lập, có nhiều bộ lạc. Có thể là các bộ lạc này đã thôn tính

nhau để cuối cùng chỉ còn lại 15 bộ lạc. Chỉ có các cuộc thôn tính của các bộ lạc trong nước Xích Quỉ này mới thực có tính cách nội chiến; còn bất cứ cuộc thôn tính nào phát xuất từ bên ngoài, không thuộc các bộ lạc trong nước Xích Quỉ, phải coi là ngoại xâm, nhất là khi kẻ xâm lăng không thuộc cùng sắc tộc Bách Việt.

Thứ ba, 15 bộ lạc còn lại dã cuối cùng qui phục vua Hùng thứ 1, nhờ đó nhà vua đã thành lập một quốc gia mới mang tên là Văn Lang. Ranh giới nước Xích Quỉ mà tác giả nêu ra có lẽ dã dựa theo sách Việt Nam Sử lược của Trần Trọng Kim. Trái lại, theo Đại Việt Sử ký Toàn thư của Ngô Sĩ Liên, sử liệu đầu tiên do người Việt Nam biên soạn dã ghi chép về vương triều đầu tiên của Việt Nam, Hồng Bàng (2879-257 TCN), và nhiều sử liệu khác thì đó chính là ranh giới của nước Văn Lang. Tuy các sử liệu không nói rõ, chúng ta phải hiểu là nước Văn Lang không phải là nước Xích Quỉ đổi tên, tuy nó thoát thai từ nước này. Bờ cõi nước Xích Quỉ chúng ta không rõ, nhưng có thể hiểu là nó hoàn toàn nằm trong lãnh thổ Trung quốc. Trái lại, nước Văn Lang chỉ có một phần phía bắc và phía tây mới thuộc lãnh thổ Trung quốc (từ hồ Động Đình tỉnh Hồ Nam ở phía bắc và từ tỉnh Tứ Xuyên ở phía tây tới biên giới Hoa Việt), phần còn lại nay là Bắc phần và bắc Trung phần Việt Nam.

*

Có nhiều lý do chứng minh nhà Triệu không phải là một vương triều Việt Nam và thời gian nhà Triệu cai trị nước Việt phải coi là một thời kỳ Bắc thuộc.

Đứng về phương diện dòng dõi không có ông vua Triệu nào là người thuộc Việt tộc cả.

Các sử liệu Việt Nam và Trung Hoa đều chép rằng Triệu Đà là một người Trung Hoa. Triệu Đà quê quán châu Chân Định bên Trung quốc. (2) Xét địa thế, Chân Định là một huyện thuộc phủ Chân Định tỉnh Trực Lệ ngày nay. Như vậy Triệu Đà thuộc Hán tộc (3) chứ không phải là Việt tộc. Thực vậy, trên phần đất ngày nay gọi là Trung quốc, khi xưa, nghĩa là trước thời bành trướng lãnh thổ của Tần Thủy hoàng đế (221-208 TCN) và nhà Hán, có hai sắc dân sinh sống là Hán tộc và Việt tộc. Người Hán tộc sống ở phía bắc sông Dương Tử (còn gọi là Trường Giang) và người Việt tộc ở phía nam. Sự giao hợp giữa hai sắc dân này trước thời Tần và Hán có lẽ

đã có, nhưng chưa đủ để có sự đồng hóa họ thành một sắc dân duy nhất như đã xảy ra sau này. Mặt khác, không có gì chứng minh rằng gia đình Triệu Đà đã từ phía nam sông Dương Tử dọn lên miền bắc sinh sống để có thể bảo rằng họ Triệu vốn gốc Việt tộc.

Hơn nữa, Triệu Đà và các người kế nghiệp đều có vợ là người Trung Hoa. Không một người đàn bà Lạc Việt hay Âu Việt nào (vốn là hai chi tộc đã tạo nên nước Văn Lang thời Hồng Bàng hay Âu Lạc thời nhà Thục) được chọn làm vợ cho bất cứ một ông vua họ Triệu nào cả. Điều này cũng dễ hiểu. Các vua nhà Triệu không lấy hai hạng người này làm vợ vì lý do là họ thuộc thành phần kẻ chiến bại không xứng đáng với địa vị mẫu nghi thiên hạ. Lại nữa, theo sử liệu Trung Hoa thì người dân trên đất Việt vốn là hậu duệ của các người vì phạm tội đã bị đày tới đây. Nếu sử liệu này đúng thì việc không ông vua Triệu nào lấy đàn bà con gái Việt là do mặc cảm tự tôn cố hữu của người Trung Hoa, không muốn người thuộc hoàng tộc kết hôn với con cháu kẻ bị tù đày. Nếu vì nhà Triệu đóng đô ở Phiên Ngung (gần thành Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, trên lãnh thổ Trung quốc ngày nay) mà có thể đã có những người đàu bà thuộc chi tộc khác của Bách Việt, nhất là chi tộc Nam Việt, một chi tộc sống rất nhiều ở Quảng Đông, được chọn làm phi tần của một ông vua Triệu nào đó thì đấy cũng không phải là lý do bảo rằng nhà Triệu là một vương triều Việt Nam được.

Chúng ta không phủ nhận việc con trai Triệu Đà là Trọng Thủy đã kết hôn với Mỵ Châu, con gái Thục An Dương Vương. Cuộc hôn nhân này đã chấm dứt trước khi Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc với việc Mỵ Châu bị vua cha giết chết vì cho là nàng đã phản bội quốc gia dân tộc khi tiết lộ bí mật về sức mạnh của Âu Lạc. Vì thương nhớ Mỵ Châu, Trọng Thủy cũng đã tự vẫn ngay trước khi Triệu Đà xưng vương nên không được kế nghiệp cha. Mặt khác, cuộc hôn nhân Thục - Triệu đã sinh ra được một người con trai tên là Hồ, sau này nối ngôi Triệu Đà, tức là Triệu Văn Vương (137-125 TCN). Nói cách khác, trong con người Triệu Văn Vương có nửa dòng máu là Âu Việt. Tuy nhiên, chúng ta có thể vì sự kiện này mà kết luận được rằng nhà Triệu là một vương triều Việt Nam không? Tuy chúng ta có thể trả lời là có, nhưng xét kỹ hơn thì chúng ta không thể nào dể quyết như vậy. Triệu Văn Vương và các người kế nghiệp khác đều

không lấy một người đàn bà Lạc Việt hay Âu Việt nào làm vợ. Vì thế, dòng máu Âu Việt bị giảm dần trong con người các vua Triệu cho đến khi nó không còn là một yếu tố quan trọng để xếp loại nhà Triệu chung với các vương triều Việt Nam khác nữa.

Nhận xét này đồng thời trả lời điểm 1 được nêu lên khi chúng tôi phê bình về lập luận của tác giả Thạch Thiết Can.

Vẫn dứng về phương diện dòng dõi, chúng ta còn có một sự kiện khác giúp chứng minh nhà Triệu không phải là một vương triều Việt Nam.

Triệu Đà là một võ quan nhà Tần (221-206 TCN) và được Tần Thủy hoàng đế cử làm huyện lệnh huyện Long Xuyên thuộc quận Nam Hải (tức là tỉnh Quảng Đông bây giờ). Trong khi đó quận úy Nam Hải là Nhâm Ngao (còn gọi là Nhâm Hiêu) có ý đồ phản Tần xưng hùng, định cát cứ một phương, chẳng may bị bệnh uặng. Đời Tần Nhị thế (209-206 TCN), Nhâm Ngao trước khi chết đã khuyên Triệu Đà nối chí mình, cắt đứt mọi liên hệ với nhà Tần để dựng một nước mới. Họ Nhâm còn tự phong cho họ Triệu chức quận úy Nam Hải.

Từ quận Nam Hải, năm 208 TCN, Triệu Đà đã đem quân chiếm Âu Lạc và sáp nhập nước này vào quận Nam Hải để lập thành một nước riêng gọi là Nam Việt. Triệu Đà nhân đó đã tự lập làm Vũ Vương nước Nam Việt. Mặc đù sau này vì bất bình với chính sách của nhà Hán (206 TCN - 265 SCN) Triệu Đà đã có lúc xưng đế hiệu là Nam Việt Vũ đế năm 183 TCN, họ Triệu lúc nào cũng vẫn nhớ tới nguồn gốc Trung Hoa của mình và đã làm đủ mọi thứ để chứng tỏ nguồn gốc của mình. Thí dụ năm 196 TCN, khi Hán Cao Tổ (206-194 TCN) sai sứ Lục Giả sang phong vương cho Triệu Đà, lúc họ Lục vào gặp, Triệu Đà đã không đứng dạy tiếp chỉ, cứ ngồi xổm cho Lục Giả vào yết kiến. Đến khi Lục Giả dọa là nếu họ Triệu không chịu thụ phong, thì Hán đế có thể tức giận hủy hoại mồ mả và giết hại thân thích của Triệu Đà hãy còn ở bên Trung quốc thì Triệu Đà vội vàng đứng dạy làm lễ tạ ngay. Triệu Đà còn có lần nói với Lục Giả là trong nước Việt (hiểu là gồm luôn cả phần đất của nước ta) không có ai đủ để cho ông ta nói chuyện được cả, còn Lục Giả (tức là người Hoa tộc) lại khiến cho họ Triệu được nghe những điều mà ông ta không được nghe. Điều này chứng tỏ rằng tuy đã

xưng vương ở miền Nam, Triệu Đà không sao quên được gốc gác Trung Hoa của mình và vẫn thích được học hỏi nơi người Hoa tộc hơn là nơi người Việt tộc.

*

Xét về phương diện chính trị càng thấy là nhà Triệu không có tư cách để được xếp ngang hàng với các vương triều Việt khác.

Tuy đã lập một xứ tự chủ, Triệu Đà lại thụ phong với nhà Hán năm 196 TCN, nghĩa là chịu đặt Nam Việt dưới quyền của triều đình Trung Hoa, khi chưa hề bị nhà Hán đánh bại lần nào. Trong lịch sử Việt Nam, Triệu Đà là người đầu tiên đã chịu thần phục Trung quốc, mở đầu cho một tình trạng kéo dài tới hậu bán thế kỷ thứ 19. Trước Triệu Đà, các vua Hùng và Thục không hề có hành động nào tương tự. Tất cả đều coi mình ngang hàng với các vua Trung Hoa. Hành động của Triệu Đà chỉ có thể giải thích được rằng Triệu Đà vốn chỉ là một viên quan Trung Hoa, đã quen thần phục triều đình Trung Hoa, nên dù nay đã hùng cứ một phương mà vẫn còn mang nặng đầu óc của một viên quan Trung Hoa, mang tâm thức của một người Trung Hoa, nên lúc nào cũng phải thần phục Trung quốc. Đó là một tâm trạng chỉ có thể có được nơi người dân một nước đối với nhà cầm quyền của quốc gia đó thôi, chứ không phải là của một người dân nước này đối với một chính phủ ngoại quốc, nhất là khi người đó lại là vua của một nước thực sự tự chủ.

Một thí dụ khác là việc Lữ Hậu (còn gọi là Cao Hậu) -- lâm triều (187-179 TCN) sau khi Hán Cao tổ mất -- nghe lời gièm pha mới cấm không cho người Hán buôn bán đồ vàng, đồ sắt và những đồ điền khí với người Nam Việt. Nghi ngờ là Trường Sa Vương xúi Lữ Hậu làm như vậy và dựa vào Trung quốc để tiêu diệt Nam Việt, Triệu Đà bèn bỏ tước vương, tự tôn mình làm Nam Việt Vũ đế và phát binh tấn công các thôn ấp miền biên cương của Trường Sa (tỉnh Hồ Nam ngày nay), đánh bại nhiều huyện. Đến khi Hán Văn đế (179-156 TCN) lên ngôi cho Lục Giả đem thư sang khuyên Triệu Đà thần phục nhà Hán, đặt quan coi giữ mồ mả cha mẹ tổ tiên Triệu Đà ở Chân Định và lo việc thờ phượng, và cho con em Triệu Đà làm quan thì Triệu Đà thần phục nhà Hán ngay. Trong thư phúc đáp, họ Triệu đã xin được làm "kẻ phiên thần" của Hán đế, từ bỏ đế chế để nhường Hán đế. Triệu Đà còn xưng mình là "Man di đại trưởng

lão phu", là "muội tử", là "kẻ cố lại nước Việt", nghĩa là dùng những danh từ mà các vua chúa Việt Nam chính tông khác không bao giờ xưng cả. Họ Triệu còn giải thích là vì tức giận với Cao Hậu nên mới xưng đế hiệu, "chẳng qua tự đế nước mình", chứ không dám có mưu tính gì đến Trung quốc. Điểm quan trọng nhất là Triệu Đà đã thưa:

"Lão phu ở đất Việt đã bốn mươi chín năm nay, bây giờ đã có cháu rồi, nhưng mà sớm khuya trằn trọc, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám trông sắc đẹp, tai không dám nghe đàn vui, là chỉ vì cớ không được phụng thờ nhà Hán. Nay nhờ bệ hạ đoái thương cho phục lại hiệu cũ, thông sứ như xưa, lão phu nhớ ơn, dẫu chết cũng không nát. (4)

Thái độ và ngôn từ của Triệu Đà như vậy đúng là của một thần dân Trung Hoa đối với Hán triều, không phải là của một người Việt -- chứ đừng nói là của một ông vua Việt -- đối với ngoại bang.

Việc Triệu Đà tách rời Nam Việt, trong đó có lãnh thổ nước ta, ra khỏi quyền của Hán triều chẳng qua chỉ là một việc làm tạm bợ, vì tức giận nhất thời, cốt để bất chẹt nhà Hán, chứ không phải thực tâm Triệu Đà muốn thành lập một quốc gia độc lập, một vương triều tự chủ. Chả thế mà hai lần (đời Hán Cao tổ và đời Hán Văn đế), khi nhà Hán cho sứ Lục Giả sang thuyết phục, không mất một mũi tên nào, chỉ khêu gợi nguồn gốc của họ Triệu và cho thân nhân họ Triệu hưởng chút lợi là Triệu Đà đã vội vã thần phục nhà Hán ngay, bỏ đế hiệu mới và bằng lòng với "hiệu cũ".

*

Trong Việt sử Tiêu án, Ngô Thời Sĩ đã viết như sau về nhà Triệu đối với nước ta:

Duy đối với nước ta thì Triệu Đà không có công gì, mà còn là mối họa đầu tiên đấy. Sao lại nói thế? Là vì nước Nam từ đời Hoàng đế đến đời nhà Chu, chỉ có sai sứ sang cống, tự thành riêng một nước. Tuy hùng cường như Tần Thủy Hoàng, có đạo quân Vương Tiễn hùng mạnh đánh đâu được đấy, mở mang Bách Việt, mà chưa từng nói đến Giao Chỉ. Từ khi Triệu Đà chiếm giữ Ngũ Lĩnh, lại thôn tính cả nước của An Dương, được vài đời thì mất, khiến cho đồ bản, sổ sách nước Nam phải nhập vào nhà Hán, để làm lợi cho Trung quốc, nào là châu báu chất đầy phủ, quả quít và quả vải xếp thành nhà.

Nếu không có Triệu Đà gây nên mối binh đao, thì tuy rằng Hán Vũ đế có muốn mở rộng nước, thích lập công, bất quá cũng chỉ diệt họ Triệu để lấy lại quận, huyện của nhà Tần xưa mà thôi, chứ cũng không nuốt đến Giao Chỉ. Nước ta bị nội thuộc vào nước Tàu từ đời Hán đến đời Đường, truy nguyên thủ họa chả Triệu Đà thì còn ai nữa? Huống chi Triệu Đà chia nước ta làm quận, huyện, duy chỉ biết biên số thổ địa, thu thuế má, cung cấp ngọc bích cho nhà Hán, đầy túi tham của Lục Giả thôi. Còn về phần giáo hóa, phong tục không để ý đến một chút nào." (5)

Phê bình của Ngô Thời Sĩ thật chính xác. Nhà Triệu không có công trạng gì đối với nước ta cả.

Một điểm đáng chú ý là, theo sử liệu, tuy nhiều lần bị nhà Hán hay các chư hầu của nhà Hán khiêu khích, nhà Triệu không bao giờ dám phản ứng gì cả. Trừ có một lần thôi: đó là khi họ Triệu cử binh mã sang đánh quận Trường Sa như đã nói trên. Còn các lần khác không thấy sử nói là nhà Triệu chống lại. Tỉ như vào khoảng năm 135 TCN, đời Triệu Văn vương, vua Mân Việt (tỉnh Phúc Kiến ngày nay) đem quân sang đánh phá nơi biên thùy Nam Việt, triều đình nhà Triệu không dám chống lại, chỉ sai sứ sang bên Hán triều cầu cứu.

Chúng ta phải đợi đến cuối đời nhà Triệu, khi nhà Hán cho An Quốc Thiếu Quí, tình nhân của Cù Thị, mẹ Triệu Ai Vương (113-111 TCN), sang dụ Ai Vương đem Nam Việt dâng cho nhà Hán, Tể tướng Nam Việt Lữ Gia mới chống lại bằng cách đem quân cấm binh vào giết An Quốc Thiếu Quí, Cù Thị và Ai Vương, rồi tôn Kiến Đức lên làm vua (111 TCN) để chống lại quân Hán do Lộ Bác Đức và Dương Bộc chỉ huy sang xâm lăng. Tuy nhiên đây chỉ là hành động của kẻ dưới chứ không thực là của vua nhà Triệu và Lữ Gia làm như vậy cốt để bảo vệ ngai vàng nhà Triệu chứ không phải để duy trì nền độc lập của Nam Việt nói chung và của dân Lạc Việt, Âu Việt nói riêng.

Mặt khác, trái với hai vương triều Hồng Bàng và Thục đã đóng đô tại một địa điểm ngay trên đất Việt -- nhà Hồng Bàng tại Phong Châu (huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên) và nhà Thục tại Phong Khê (huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên) -- Triệu Đà lại chọn Phiên Ngung

làm kinh đô, nghĩa là họ Triệu đã định đô trên đất Tàu chứ không phải là trên đất Việt.

Lại nữa, khi sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, Triệu Đà đã cải nước này thành một quận của Trung quốc, đặt tên là Tượng quận. Về việc này có mấy điểm đáng chú ý.

Trước hết, đây là một hành động đặc biệt Trung Hoa. Thực vậy, ở Trung quốc từ thế kỷ thứ 7 TCN, mỗi khi một quốc gia bị một quốc gia khác thôn tính, quốc gia đó thường bị đổi thành quận hay huyện của quốc gia thôn tính. Nước Âu Lạc cũng không thoát khỏi nạn này khi rơi vào tay Triệu Đà, một võ quan Trung Hoa.

Hơn nữa, danh từ "Tượng quận" không phải là do chính Triệu Đà đặt ra. Đó là danh từ mà nhà Tần đã đặt cho nước Âu Lạc sau khi một tướng Tần khác là Đồ Thư đã đánh chiếm nước này vài năm trước đó, năm 214 TCN. Việc Triệu Đà dùng lại một tên có sẵn do nhà Tần đã đặt cho Âu Lạc chứng minh là Triệu Đà lúc nào cũng chỉ nghĩ đến Trung quốc thôi, không hề nghĩ gì đến nước Việt, dân Việt cả. Nếu nhà Triệu quả thực là một vương triều Việt Nam như nhiều người chủ trương thì ít nhất nhà Triệu cũng phải làm một hành động nào đó, dù chỉ là tượng trưng, để nhắc nhở cho người dân Việt biết là họ còn được nhà Triệu quan tâm đến. Trong hơn năm ngàn năm lịch sử, không một vương triều thuần túy Việt Nam nào lại đặt quốc hiệu theo tên do triều đình Trung Hoa đặt. Thực vậy, sau này mặc dù tên phần đất của người Việt nhiều lần bị các triều Trung Hoa cai trị thay đổi -- như là Giao Chỉ, Giao Châu, An Nam, Tĩnh Hải, v.v... --, mỗi lần một lãnh tụ Việt, kể cả những người vốn gốc Trung Hoa, nổi lên đánh đuổi được người Tàu và lập một triều đại thuần túy Việt, các vị này đều dùng một quốc hiệu hoàn toàn Việt. Chẳng hạn nhà Tiền Lý (544-602) sau khi đánh đuổi bọn đô hộ nhà Lương (479-544) đã dùng quốc hiệu Vạn Xuân, nhà Hậu Lê (1427-1788) sau khi giải phóng quốc gia khỏi tay người Minh đô hộ nước ta (1407-1427) đã đặt lại tên nước là Đại Việt, v.v... Ngay cả sau khi nước Việt đã hoàn toàn độc lập, tuy Trung quốc vẫn tiếp tục gọi tên nước ta là An Nam, một tên do nhà Đường Trung Hoa đặt, các vương triều thuần túy Việt vẫn dùng quốc hiệu riêng để chỉ nước Việt, như nhà Đinh (968-980) với quốc hiệu Đại Cồ Việt; nhà Hậu Lý (1010-1225) và nhà Trần (1225-1400) với tên Đại Việt; đời Hồ

(1400-1407) quốc hiệu là Đại Ngu; nhà Hậu Lê (1428-1788) trở lại tên Đại Việt, một tên được dùng cho tới nhà Nguyễn (1802-1945) mới đổi thành Việt Nam rồi Đại Nam.

Như vậy, về vấn đề lựa chọn tên đặt cho phần đất của người Việt, nhà Triệu đã chứng tỏ họ không phải là một vương triều Việt, mặc dù họ đã gọi tên nước họ cai trị là Nam Việt. Nam Việt đây ngụ ý chỉ một bộ tộc không có liên quan gì đến bộ tộc Lạc Việt hay Âu Việt là hai bộ tộc tạo nên nước Việt ngày nay.

Ngay từ "quận" trong danh xưng "Tượng quận" cũng không phải là từ Việt. Như trên đã nói, quận là một đơn vị hành chính địa phương Trung Hoa, có từ khoảng thế kỷ thứ 7 TCN. Trái lại, đơn vị hành chính địa phương nước Việt thời tiền Bắc thuộc là "bộ". Sử chép rằng đời Hồng Bàng nước Văn Lang được chia làm 15 bộ. Còn đời Thục, tuy sử không nói rõ, chúng ta có thể suy đoán là định chế bộ vẫn được duy trì. Sau khi lấy được nước Văn Lang, vua An Dương nhà Thục chỉ cải quốc hiệu thành Âu Lạc thôi, còn các tổ chức của nhà Hồng Bàng vẫn được giữ nguyên không thay đổi. Mãi đến sau khi Đồ Thư đánh chiếm Âu Lạc thì Âu Lạc mới bị cải thành quận trong một thời gian, như đã nói bên trên. Khi Thục An Dương Vương đánh đuổi quân Tần đi rồi, quốc hiệu Âu Lạc lại được dùng.

Chúng ta cũng cần nói thêm là sau khi đã chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà ngoài việc sáp nhập Âu Lạc vào phần đất Tàu do ông cai trị còn thi hành tổ chức chính trị và hệ thống pháp luật Trung Hoa để cai trị Nam Việt (kể cả phần đất Âu Lạc xưa). Dành rằng nhà Triệu đã lưu giữ một số viên chức người Việt, như Lạc hầu, Lạc tướng..., nhưng đó chẳng qua chỉ là một nhu cầu không thể tránh được mà bất cứ một nước nào khi chiếm được một nước khác bắt buộc phải làm, nhất là khi hai bên không cùng chung một ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán, định chế, chứ không phải vì nhà Triệu có ý tôn trọng chủ quyền của người Việt. Vả lại, đứng đầu guồng máy cai trị phần đất vốn là Âu Lạc là hai viên quan Trung Hoa đại diện triều đình nhà Triệu, gọi là sứ hay diễn sứ, chứ không phải là người Việt.

Sau hết, chính dưới triều Triệu mà văn hóa Trung Hoa đã chính thức được nâng đỡ và truyền bá dễ dàng trên đất Việt. Người dân Việt bị bắt buộc phải theo văn hóa Trung Hoa, kể cả về ngôn ngữ,

khởi điểm cho công cuộc Hoa hóa người Việt trong nỗ lực của Trung quốc đồng hóa các dân tộc không thuộc nòi Hán.

Xét như vậy nhà Triệu tỏ ra là một vương triều Hoa hơn là Việt. Do đó nhà Triệu không thể xếp vào hàng các vương triều Việt được.

*

Trong phần dẫn nhập chúng ta cũng đã nói rằng thuyết của Thạch Thiết Can có thể chấp nhận được nếu tác giả chứng minh được là (a) lãnh thổ do nhà Triệu cai trị thuộc hệ Bách Việt, hay ít nhất cũng nằm trong địa bàn quản hạt của nước Xích Quỉ; và (b) Xích Quỉ là một liên bang gồm nhiều nước cùng chung một nền văn minh, trong đó có hai "nước" là "nước" do Triệu Đà cai trị và "nước" của nhà Thục. Như chúng ta đã thấy, tác giả đã không làm như vậy.

Nước Nam Việt của nhà Triệu do hai phần đất tạo thành: quận Nam Hải và nước Âu Lạc. Xét về khía cạnh sắc tộc, nước Nam Việt này đúng là thuộc hệ Bách Việt. Dân cư quận Nam Hải đại đa số thuộc chi tộc Nam Việt, còn Âu Lạc là lãnh thổ của người Lạc Việt và người Âu Việt. Trong khi đó Nam Việt, Lạc Việt và Âu Việt lại là ba chi tộc thuộc sắc dân Bách Việt, có thể nói là cùng chung một nền văn minh, văn minh Bách Việt. Tuy nhiên chi tiết này không đủ chứng minh được là nhà Triệu là một vương triều Việt Nam.

Một vương triều sẽ được coi là vương triều của một nước nếu nó mang những đặc tính của nước đó và chỉ hoàn toàn phục vụ cho nước đó. Nếu không thì bắt buộc phải coi là vương triều ngoại quốc, dù vương triều đó có cai trị nước này bao lâu đi chăng nữa. Cũng vậy, muốn được coi là vương triều Việt Nam, nhà Triệu phải mang đủ các đặc tíuh Việt Nam và phải phục vụ, hy sinh cho Việt Nam, chứ không phải chỉ vì nhà Triệu cai trị một nước thuộc văn minh Bách Việt. Ngoài ra, chúng ta không thể chỉ vì một nước thuộc một hệ văn minh nào đó mà có thể kết luận là nước đó đã đồng hóa với một nước khác cũng nằm trong hệ văn minh đó và chính phủ nước đó có bản chất là chính phủ nước kia. Chẳng hạn chúng ta không thể coi chính phủ nước Pháp là chính phủ nước Ý chỉ vì nước Pháp và nước Ý cùng thuộc một hệ văn minh, cũng như chúng ta không thể coi vương triều Lý của Triều Tiên là một vương triều Nhật Bản bởi vì Triều Tiên cùng nằm trong một hệ văn minh với Nhật Bản.

Đứng về phương diện lãnh thổ, nước Nam Việt của nhà Triệu chỉ nằm có một phần trong địa bàn quản hạt của nước Xích Quỉ không thôi: đó là lãnh thổ cũ của nước Âu Lạc. Còn phần lãnh thổ quận Nam Hải cũ thì ở bên ngoài địa bàn của Xích Quỉ. Do đó, tuy nước Nam Việt của nhà Triệu thuộc hệ Bách Việt, chúng ta không thể nói rằng Xích Quỉ là một liên bang gồm có "nước" Nam Hải của Triệu Đà và "nước" Âu Lạc của nhà Thục. Trước khi Âu Lạc bị xâm chiếm và sáp nhập, Nam Hải chỉ là một quận chứ không phải là một nước. Tuy Triệu Đà noi theo di huấn của Nhâm Ngao mà cắt đứt Nam Hải ra khỏi quyền cai trị của nhà Tần, Nam Hải vẫn chỉ là một quận thôi, dù là quận tự chủ, vì họ Triệu không bao giờ cải biến quận Nam Hải thành một quốc gia. Các sử liệu đều nói là sau khi bị xâm chiếm, nước Âu Lạc đã bị Triệu Đà sáp nhập vào "quận" Nam Hải, chứ không phải là "nước" Nam Hải. Như vậy nước Nam Việt không phải là một liên bang để có thể được đồng hóa với liên bang Xích Quỉ như lời tác giả đoạn văn trích dẫn.

*

Nếu thực chất của nhà Triệu là Trung Hoa, tại sao sử sách xưa và nay lại xếp nó vào hàng các vương triều Việt Nam?

O.W. Wolters đã gián tiếp trả lời câu hỏi này. Theo ông, người đầu tiên đề cao bản chất Việt Nam của nhà Triệu là sử gia Lê Văn Hưu -- tác giả Đại Việt Sử ký (1272), bộ Việt sử đầu tiên do người Việt biên soạn -- khi sử gia muốn chứng minh là nếu hoàng đế kiểu Trung Hoa có thể cai trị Trung quốc thì cũng có thể cai trị ở bất cứ nơi nào khác, kể cả Việt Nam, và hoàng đế Việt Nam vẫn có thể triều cống hoàng đế Trung Hoa mà không có phương hại gì đến tính cách độc lập của mình, như trường hợp Triệu Đà. Ông Wolters kết luận là Lê Văn Hưu làm như vậy để chứng minh bản chất của vua Trần Thái Tôn. (6)

Lý do do ông Wolters nêu ra hợp lý, có thể chấp nhận được, nếu chúng ta nhớ rằng vì nhà Trần (1225-1400) thoán đoạt ngôi vua nhà Hậu Lý (1010-1225) đã không được lòng dân, cần phải chứng minh tính chất hợp pháp của vương triều ngõ hầu thu phục lòng dân, nhất là vào thời kỳ quốc gia bị nhà Nguyên Mông bên Trung quốc đe dọa. Tuy nhiên, một lý do này cũng chưa đủ để giải thích tại sao nhà Triệu lại được coi là vương triều Việt Nam.

Một lý do khác cũng hợp lý là rất có thể vì nhà Triệu đã hai lần tỏ ra chống đối nhà Hán: một lần khi Triệu Đà chống lại Cao Hậu và lần kia khi Triệu Kiến Đức chống lại âm mưu thôn tính nước Nam Việt, như đã nói bên trên. Vào lúc quốc gia bị quân Nguyên Mông đe dọa xâm lăng, bất cứ hành vi nào khuyến khích hay làm gương cho tinh thần kháng chiến chống ngoại xâm cũng được hoan nghênh, truyền tụng. Về sau các sử gia khác đã không suy xét lại và cứ theo Lê Văn Hưu mà đặt cho nhà Triệu ngồi chung với các vương triều Việt Nam khác.

Việt sử Tiêu án đã phê bình như sau về việc coi nhà Triệu như một vương triều Việt:

Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà khởi ở Long Xuyên, lập quốc ở Phiên Ngung, muốn cắt đứt bờ cõi, gồm cả nước ta vào làm thuộc quận, đặt ra giám chủ để cơ mi lấy dân, chứ chưa từng đến ở nước ta. Nếu coi là đã làm vua nước Việt, mà đến ở cai trị nước ta, thì sau đó có Lâm Sĩ Hoằng khởi ở đất Bàn Dương, Hưu Nghiễm khởi ở Quảng Châu, đều xưng là Nam Việt Vương, cũng cho theo Quốc kỷ được ư? Triệu Đà kiêm tính Giao Châu, cũng như Ngụy kiêm tính nước Thục, nếu sử nước Thục có thể đưa Ngụy tiếp theo Lưu Thiện, thời quốc sử ta cũng có thể đưa Triệu tiếp theo An Dương. Không thế, thì xin theo lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc vậy.(7)

*

Vì bản chất của nhà Triệu là Trung Hoa nên cần phải đặt nó vào hàng các viên quan cai trị Trung Hoa chứ không thể nào khoác cho nó tấm áo Việt Nam được. Cũng vì thế mà thời kỳ nước ta bị nhà Triệu cai trị phải được coi là một thời kỳ Bắc thuộc. Thực vậy, trong thời gian 207-111 TCN, Âu Lạc đã mang một số đặc tính của một quốc gia bị đô hộ.

Trước hết, Âu Lạc đã bị Trung quốc đánh chiếm, sáp nhập và cải thành một đơn vị hành chính ngoại lai. Tuy triều đình Trung Hoa (trong trường hợp này là Hán triều) không trực tiếp cai trị Âu Lạc như ở các thời kỳ sau, không có quyền quyết định gì hết đối với nước Nam Việt, trong đó có cả Âu Lạc, mặc dù vẫn có thể ảnh hưởng đến chính sách của nhà Triệu, và không bổ nhiệm các viên chức cai trị người Hoa, các sự kiện này không thể xóa bỏ sự thực là nhà Triệu

là một vương triều Trung Hoa và Âu Lạc đã bị Trung quốc cai trị. Vấn đề vương triều nào cai trị trực tiếp, Triệu hay Hán, không là yếu tố thay đổi được tính cách đô hộ của Trung quốc đối với Âu Lạc. Khi bị sáp nhập vào quận Nam Hải, Âu Lạc đã mất hết chủ quyền quốc gia và mọi tự do, không còn là một quốc gia độc lập nữa. Mọi hoạt động đều do nhà cầm quyền Trung Hoa, tức là nhà Triệu, ấn định, cho phép, hay ép buộc. Người dân Âu Lạc không còn được tự mình làm chủ mình nữa.

Đứng về phương diện cơ cấu và tổ chức chính quyền, mặc dù các viên chức Âu Lạc vẫn được lưu dụng, họ phải chịu sự chỉ huy và quản trị của hai viên điển sứ người Hoa, đại diện cho triều đình nhà Triệu, không còn được tự do hành động vì quyền lợi của quốc gia, dân tộc. Ngay cả trong thời gian 111 TCN - 40 SCN, khi nhà Hán Trung Hoa trực tiếp cai trị nước ta, các viên chức Âu Lạc vẫn còn được lưu dụng, mãi cho tới từ sau cuộc khởi nghĩa của hai chị em bà Trưng Trắc và Trưng Nhị trở đi thì họ mới không được dùng nữa. Tuy nhiên không một sử gia hay học giả nào, Việt Nam cũng như ngoại quốc, lại không coi thời gian này là thời kỳ nước ta nội thuộc Trung quốc cả. Mặt khác, các định chế của Trung hoa cũng dần dần được áp dụng thay thế cho các định chế Âu Lạc. Chế độ quận huyện, hệ thống giao thương, vật dụng canh tác, v.v... đã được dập theo khuôn mẫu Trung Hoa.

Ngay cả văn hóa Lạc Việt cũng bị xóa bỏ, thay bằng văn hóa Trung Hoa. Người dân Âu Lạc không còn được giữ ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ nghi của riêng mình. Guồng máy Hoa hóa người Việt bắt đầu từ nhà Triệu, chứ không phải từ khi người Trung Hoa trực tiếp cai trị nước Việt từ năm 111 TCN trở đi.

---

1. Thạch Thiết Can, "Hồn Sông Núi," Cờ Vàng, Xuân Tân Dậu, 1981, tr. 94-95.

2. Chân Định nguyên tên gọi là Đông Viên; đến đời Hán (206 TCN - 265 SCN) mới đổi tên là Chân Định.

3. Đúng ra phải gọi là Hoa tộc, nhưng vì tên Hán tộc vẫn được dùng trong các tài liệu nên chúng tôi cũng dùng tên này.

4. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử lược, Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1971, tập 1, tr. 32.

5. Bản dịch Việt ngữ của Hội Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á châu, Sài Gòn, 1960, tr. 34.

6. O.W. Wolters, "Assertion of Cultural Being in Fourteenth-Century Vietnam," Journal of Southeast Asian Studies, tháng 9/1979, tr. 439, và tháng 3/1980, tr. 86, cước chú 60.
7. Việt sử Tiêu án, sđd, tr. 25-26

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

Mưa rơi

Mưa rơi trong tâm tôi
Mưa cũng rơi ngoài ngõ
Mưa rơi dịu dịu buồn
Buồn gì sao vợi vợi

Ngõ buồn hay tâm buồn?
Buồn này từ nhiều kiếp
Hiu hắt thổi tới đây
Làm tê thân lụm cụm

Giơ cánh tay gầy guộc
Khẽ vén cánh màn thưa
Nhìn hạt mưa đìu dặt
Thánh thót qua giàn dưa

Dưa kia mọc trong tâm
Hay dưa mọc ngoài tâm
Ngõ hẹp trải heo hút
Trong ngoài ai biết đâu?!

Mưa rơi từ đâu đến
Mưa rơi rơi đến đâu...
Cảnh vật chợt lạ hoắc
Nở nụ cười lặng câm...

TRIỆU CHÂU

hội chứng tiêu viễn sơn

KỊCH MỘT MÀN RƯỠI

Lời Người Viết: *Câu truyện là một chuyện có khi là có thật do người viết nghịch ngợm nối kết lại từ những phát biểu đây đó. Câu truyện có thể được trình bày như một vở kịch, chừng một màn rưỡi. Cái nửa cuối của màn hai như thế nào thì chính người viết cũng không biết. Xin để sau này có người viết tiếp, và có khi kéo dài thành nhiều màn nữa cũng không chừng. Con người ta sinh ra vốn có tự do.*

MÀN MỘT

Màn mở trên một cảnh động đất mới êm. Nhưng những cơn hậu chấn kéo dài, co giật không nguôi cùng những cụm khói lan tới chân trời còn ửng hồng, xuống tới những hàng ghế khán giả. Đâu đây ầm ì như có tiếng súng, tiếng người hò hét đình công, lời cầu kinh bằng tiếng Á Rập, tiếng máy bay thả lương thực cấp cứu, tiếng thổ dân lùng giết nhau trong rừng già Phi châu, tiếng Trung Hoa ồn ào quanh bàn mà chược - hay là tiếng Nhật trong một thị trường chứng khoán tại Đông Kinh cũng không chừng - tiếng người Nga dông dạc bên bờ Hắc Hải...

Không khí có mùi thuốc súng và gạch vữa bụi mù đến nghẹt thở.

Nhân vật hiện diện chỉ có hai người. Nhưng, nhiều tiếng nói sẽ bất thần xen vào giữa vở kịch. Họ là những Người Phụ Diễn.

Bên cánh hữu là một ông già quái dị với mái tóc dài phủ tới vai và chòm râu rậm rạp che kín cổ. Đôi mắt xanh đen của nhân vật là điều làm người ta chú ý nhất: đôi mắt của những nhà tiên tri, những nhà truyền giáo, những người có thói quen đối thoại với Thượng Đế và nói với loài người như ngó vào bức vách.

Bên cánh tả là một nhân vật còn quắc thước, có vẻ lịch lãm và diêm dúa của những người chịu ảnh hưởng của nền văn hóa và nếp sống La Tinh. Ông nói năng lôi cuốn và hùng hồn như một nhà ngoại

giao. Nhưng những im lặng của ông mới là nặng nề: nhân vật này quen đối thoại với chính nùnh.

Người thứ ba, không có mặt trên sân khấu, chỉ là tiếng nói vọng, chính là người kéo màn, người kể truyện, người đưa đẩy những nhân vật phụ diễn nói ngang vào vở kịch.

Màn chưa mở thì chúng ta đã nghe tiếng Người Kể Truyện kể lể, về "Hội chứng Tiêu Viễn Sơn". Như sau:

Người kể truyện: (*Màn mở ra thật chậm*).

– Những ai từng say mê truyện võ hiệp của Kim Dung đều nhớ tới bộ truyện "Thiên Long Bát Bộ", trong đó ẩn hiện như hai con rồng là hai nhân vật Mộ Dung Bác và Tiêu Viễn Sơn. Họ có mối thù không đội trời chung, tìm nhau để diệt nhau trong suốt mấy chục năm, trên khắp vùng Trung Nguyên bát ngát ra tới những sa mạc hoang vu. Vào cuối bộ truyện, nhờ một ông sư áo xám, một bậc cao tăng không tên, họ đã gặp nhau và toại nguyện. Cả hai đều thấy kẻ thù của mình, do thủ thuật của vị cao tăng kỳ ảo nói trên, lăn ra chết. Sau đó, Tiêu Viễn Sơn, một trong hai kẻ cừu thù, được vị sư hồi sinh, và hỏi: "điều mơ ước nay đã thành, họ Mộ Dung kia đã bị tiêu diệt, giờ này ông thấy sao?"

Tiếng phim bộ Hồng Hông lèng xèng trên sân khấu.

– Tiêu Viễn Sơn thấy một sự trống vắng lạ thường, một nỗi buồn man mác. Như luyến tiếc thời còn tập trung mọi ý chí để diệt cho bằug được họ Mộ Dung. Hội chứug Tiêu Viễn Sơn là nỗi trống vắng của một phần thế giới, sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, sau khi Chiến Tranh Lạnh kết thúc..."

Đến đó, màn chưa mở hết, người ta đã thấy nhân vật thứ hai đứng dậy. Ông ta là Carlos Fuentes, một nhà văn lớn của Mễ Tây Cơ, tác giả của những tác phẩm thời danh như "La Muerte de Artemio Cruz" hay "Zona Sagrada", được dịch ra hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Như nhiều nhà văn nhà thơ lớn của Mỹ châu La Tinh, Fuentes cũng là một nhà ngoại giao. Đại sứ tại Pháp, tại Liên Hiệp Quốc, ông là một trí tuệ của các tổ chức quốc tế. Như nhiều người cầm bút trong nền văn hóa La Tinh, ông nghĩ mình thuộc về cánh tả, có sức lôi cuốn trong lý luận của người cánh tả.

Carlos Fuentes: (*Bật dậy tắt điếu xì gà nhìn xuống khán giả*).

– Cái lối ví von này đúng mà cũng sai. Đúng là sau Chiến Tranh

Lạnh, con người ta như một lũ trẻ mồ côi đi tìm một mái trú ẩn. Loanh quanh từ Đông sang Tây ngạn sông Elbe ở Âu châu, hay từ Bắc xuống Nam ngạn sông Rio Grande tại Mỹ châu, họ không tìm được một chốn dung thân mà chỉ thấy suy thoái kinh tế, nạn thất nghiệp, họ tuyệt vọng không còn tin tưởng gì được ở chính quyền và các đảng phái. Tôi còn nhớ, vài năm trước, có người còn hồ hởi báo tin là lịch sử đã kết thúc, chủ nghĩa cộng sản đã phá sản, chủ nghĩa tư bản chiến thắng, từ nay loài người sẽ đời đời hạnh phúc.

Khi sân khấu sáng rõ ra, nhân vật thứ nhất vẫn im lìm. Ông ta đặt lại cái vali dưới chân. Và lặng thinh nhìn ra biển. Đúng mười năm trước, Solzhenitsyn đã tuyên bố: "Tôi sẽ trở về khi còn sống". Tức là chế độ cộng sản sẽ sụp đổ trong thời hạn đó. Đúng hai mươi năm sau cuộc lưu đầy, Alexander Solzhenitsyn sẽ đặt chân lại lên đất Nga. Người ta chờ đợi sự hồ hởi của người dắc thắng, nhưng người như Solzhenitsyn thì chỉ nhìn ra biển. Trong khi đó, Fuentes tiếp tục độc thoại. Trong lời nói nghe có tiếng người biểu tình, có tiếng nhà máy đóng cửa, có tiếng kêu gào của một tỷ người đói khát của Thế Giới Thứ Ba đột nhiên thấy thế giới chỉ còn hai - những nước giàu và những nước nghèo - và đang thành hai hay ba trăm khối vụn...

Fuentes: (*Tiếp tục, giọng buồn bực*)

– Bốn năm sau khi được giải thoát khỏi những ý thức hệ giản lược của thời Chiến Tranh Lạnh và khỏi sự tê liệt kinh hoàng của mối lo nguyên tử, thế giới đang rơi vào một hỗn loạn lớn vàục sạo đi tìm những tín điều mới. Chủ nghĩa quốc gia, tinh thần bài ngoại, chủ nghĩa duy chủng, tinh thần tôn giáo trọng căn... Vì vậy mà tôi cho rằng lời ví von trên không đúng. Thực ra, những vấn đề của chúng ta, bị phủ lấp bởi cuộc Chiến Tranh Lạnh, vẫn còn nguyên vẹn như vậy và vẫn chưa có giải pháp. Đế quốc dỏ của quỷ dữ đã được thay thế bởi một giống quỷ dữ là sự lầm than tuyệt đối của cái gọi là Thế Giới Thứ Ba, và của cả cái thế giới thứ ba trong Thế Giới Thứ Nhất là những người nghèo đói trong các nước công nghiệp. Họ đang đối phó với cơn khủng hoảng ngày càng trầm trọng của nền văn minh đô thị... ma túy, bạo động, giáo dục suy đồi, y tế tồi tệ, an ninh xã hội không có. *Im lặng một chốc*. Đấy là thực đơn hàng ngày của họ, của những "phó thường dân" tại Rio de Janeiro. Đấy là hiện tượng tiêu biểu cho vụ Rodney King tại Los Angeles.

Solzhenitsyn: (*Đôi mắt xanh xám chợt rực ánh đen. Ông từ tốn đưa tay như cánh chim xoải rộng trên những hệ lụy của Los Angeles*)

– Từ lâu lắm rồi, loài người cứ dinh ninh là đã đi theo trào lưu tiến hóa. Dĩ nhiên là có sự tiến bộ, nhưng tiến về đâu? Tiến như thế nào, và trong bước tiến đó, chúng ta có mất mát gì không? Chính nỗi hăng hái xốc tới với niềm tin tưởng là người ta sẽ giải quyết mọi khía cạnh của cuộc đời và cả nhân loại sẽ nhờ đó thay đổi, mới dẫn ta tới chỗ này. Đó là niềm lạc quan rực lửa khiến những người như Marx chẳng hạn đã cho rằng Lịch Sử tất yếu đưa ta tới Công Bằng, mà chẳng cần Thượng Đế. Sự tiến bộ, về một mặt nào đó đã thực sự vượt qua nhiều ước mơ của con người. Nhưng, đấy chỉ là những thành tựu của nền văn minh kỹ thuật, nổi bật nhất là những thoải mái vật chất và những phát minh về quân sự... Sự tiến bộ đã có, nhưng cũng để lại những hậu quả mà các thế hệ trước khó lường ra nổi. Tôi muốn nói đến tình trạng khủng hoảng của chính ý niệm Tiến Bộ đó.

Fuentes:

– Làm gì có tiến bộ? Chiến Tranh Lạnh đã như bức màn che mất sự thật vì cách phân biệt giữa cộng sản với tự do, tả với hữu. Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ người ta mới thấy cơ man nào là vấn đề chưa giải quyết, mà ai sẽ giải quyết đây? Các chính quyền bạc nhược và tham ô hay các chính đảng đại diện cho những ý thức hệ chủ quan và lạc hậu, từ cánh tả sang cánh hữu? Vả lại, giờ này mà phân biệt tả hữu thì có còn đúng chăng? Khi người giàu trở thành giàu hơn, người nghèo mãi nghèo đi, người ta làm sao gọi là có tiến bộ được?

Solzhenitsyn:

– Tôi đang nói về điểm đó. Tiến như thế nào? Chính vì nhiều người cứ tưởng rằng lịch sử tiến hóa theo một hướng tất định nào đó và con người ta nhờ đi theo đúng quy luật lịch sử - với một chút bạo động như phương tiện cho cứu cánh - sẽ tiến tới Công Bằng. Cứ nhìn như vậy giờ này ta mới thấy rằng không có tiến bộ vì không có công bằng. Tôi thấy rằng mình có thể phê bình cái ý niệm tiến bộ đó trên nhiều khía cạnh lắm. Chẳng hạn như với những tài nguyên giới hạn của địa cầu người ta cứ đòi đạt được những tiến bộ vô giới hạn nên tận lực khai thác làm tan hoang cả môi trường sinh sống. Một trong những điều tích cực nhất trong sự sụp đổ của chế độ cộng sản là

người ta đã phá vỡ được một hệ thống kinh tế điên cuồng nhất, hoang phí nhất. May mà thiên hạ bắt đầu biết và một số nước công nghiệp bắt đầu báo động...

Fuentes:

– Thì từ hai mươi năm trước, những nhà nghiên cứu trong Club de Rome đã nghiêm khắc phê phán tình trạng phá hủy môi sinh và tiên đoán là lối phát triển của các nước công nghiệp như vậy sẽ không bền...

Người kể truyện: (*Đột nhiên nói vọng từ ngoài vào*).

– Ông già viết văn gốc nông dân kia là người đáng yêu, nhưng ông ta nói sang bên cạnh vấn đề. Trong sự tiến hóa của nhân loại, luôn luôn có một nhóm người thủ cựu đứng bên lề, cằn nhằn những tiến bộ của sự hiểu biết, của nền văn minh cơ khí, làm điên đảo cái chân tâm con người, làm hư hại cái trật tự thiên nhiên của trời đất, vân vân... Cũng chỉ là cái *état de culture đòi trở về cái état de nature mà thôi. Những tổ chức bảo vệ môi sinh thời nay lấy lại lập luận của những cánh bảo thủ hay phản cách mạng từ nhiều thế kỷ trước chứ có gì lạ. Cái Club de Rome đó đưa ra những lượng định rất hấp dẫn cho cánh tả mà hầu hết đã thành sai lạc sau hai mươi năm. Nói cho cùng, các nước công nghiệp Tây phương đã bắt đầu tiến trình tàn phá ngay từ thời Kha Luân Bố đặt chân qua châu Mỹ cho tới khi các đế quốc Tây phương đem hải đội đi khai thác các lục địa khác...*

Người phụ diễn 1: (*Cướp lời*).

– Ông lại định nhắc khéo Fuentes về tình trạng khai thác Trung Nam Mỹ hay sao vậy? Thực ra, mối quan tâm của ông già nhà quê di tản tại Cavendish không phải là đáng trách. Từ cổ chí kim con người ta luôn luôn luyến tiếc một thời hoàng kim xa xưa nào đó, nhưng tôi cần minh xác là trong lịch sử loài người, không có bất cứ một lúc nào mà mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên lại có tính cách hài hòa lý tưởng, để ta luyến tiếc tìm về. Mỗi hình thái sinh hoạt của con người lại tạo ra một trạng thái hài hòa mới, một "sinh hệ" mới, và chính tiến bộ khoa học kỹ thuật của con người đang làm ra những phó sản mà ta gọi là ô nhiễm khiến bầu khí quyển thay đổi sang một trật tự mới. Trong sự tuần hoàn đó, nếu có những bất lợi xảy ra thì cũng chỉ là giai đoạn mà thôi. Những người tranh đấu cho môi sinh có cái tâm từ thiện mà cái đầu lệch lạc nên chỉ

nhắm vào hiện tượng không thấy ra bản chất của vấn đề. Trong vũ trụ, trái đất chúng ta là một sinh vật, một vật thể đang sinh sống và thích ứng với điều kiện mới. Người ta hay báo động này nọ, làm phim, viết sách, tôi thì không, nhưng chỉ xin báo động là loài người phải công nghiệp hóa canh nông thì mới dủ sống được và nên bảo vệ rừng núi lẫn các đại dương. Đấy mới là những lá phổi của sinh hệ chúng ta. Vấn đề ở đây, để trả lại máy vi âm cho quý vị, là cách cư xử giữa con người với nhau, không phải là vấn đề của chúng ta với môi sinh...

Lời người kể: (*Don dả*)

– Ông ta là nhà bác học James Ephraim Lovelock người Anh, từng giảng dạy tại Luân Đôn, Houston, Harvard và làm việc cho NASA. Hiện đang lui về nghiên cứu một mình về môi sinh. Ông là một trong những bộ óc kỳ lạ nhất về môi sinh học và cũng là cha đẻ ra nền tảng của lý thuyết môi sinh hiện đại. Nhưng, quý vị có không biết tới ông cũng là sự thường. Ông ta không thuộc trường phái chạy theo *media* viết sách, làm phim hoặc xuống đường chống lò nguyên tử, cứu cá voi... Xin trả lại sân khấu cho Solzhenitsyn.

Solzhenitsyn:

– Tôi yêu cái nhìn rất bao quát và lạc quan đó của Lovelock, nhưng ta đang nói về những viễn ảnh thời gian dài ngắn khác nhau chăng? Trở lại chuyện con người với con người, tôi nêu điểm phê bình thứ hai về ý niệm Tiến Bộ mà người ta thường đề cao: tâm hồn con người ta dường như không đi sát với cái lối tiến bộ đó. Chúng ta thiếu tự chế, đòi hỏi ham hố rất nhiều tiện nghi để đi tới đâu? Tây phương đang mở rộng những cánh cửa ra thế giới, khoa học kỹ thuật đang thu hẹp địa cầu và dồn dập đưa tới từng nhà những hình ảnh phiến diện của nhân loại ở khắp nơi. Nhưng tâm hồn người ta lại không mở lớn ra mà ngày càng thêm nghèo nàn, bé tẹo. Sinh hoạt văn hóa đang trở nên nông cạn, đời sống tâm linh khô cằn, đầy lo sợ. Y như sau khi lao mình vào một cuộc truy hoan, chúng ta đang thấy dâng lên một nỗi buồn lớn, một nỗi khắc khoải ngột ngạt. Vấn đề của chúng ta chính là vấn đề tâm linh, là quan hệ giữa chúng ta với Thượng Đế. Nên coi Tiến Bộ - mà không ai ngăn cản nổi nữa - là một ân sủng của đấng Tối Cao, trao xuống để thử lòng người về những chọn lựa cực kỳ khó khăn sẽ tới.

Fuentes: (*Hùng hồn pha chút gay gắt*).

– Nhưng không phải là ai ai cũng có thể lao vào cuộc truy hoan hay được hưởng những tiện nghi của tiến bộ. Tại Mỹ châu La Tinh tôi, có tới 300 triệu người đang sống nghèo khổ vì lương sụt, việc mất, đói ăn, trẻ sơ sinh yểu mệnh ngày một nhiều. Họ có liên quan gì tới nỗi trống vắng đó khi bụng trống mắt mờ vì đói? Ngày xưa, Claude Lefort gọi ông là "người thừa" cũng không sai. Chế độ Xô Viết coi ông là người thừa. Ngày nay, sau khi nó tan rã ông quay về thành một người thừa khác trên những đổ vỡ ngổn ngang của nước Nga và bị trí thức Nga ngày nay coi thường. Chúa có nói gì đâu khi Mễ Tây Cơ có nhiều tỷ phú nhất sau Mỹ, Đức, Nhật, trong khi có 30 triệu người Mễ vẫn sống trong những khu ổ chuột? Đừng kéo Thượng Đế xuống đây, vấn đề là con người ta không tìm ra một giải pháp tổ chức sinh hoạt con người cho công bằng và tất cả các đoàn thể chính trị từ tả sang hữu đều phá sản, trong khi sự công phẫn của quần chúng đang âm ỉ dội lên. "Thiên nhiên vốn ghét chân không", nếu không có một giải pháp nào cho tình trạng hôm nay, sẽ có những tư tưởng độc hại tự động trám vào chỗ trống đó. Ta sẽ thấy hồi sinh chủ nghĩa quân phiệt bên cánh hữu, chủ nghĩa Mao-ít cực đoan, một loại chủ nghĩa Pol Pot của nhóm Con Đường Sáng bên cánh tả... Điều bi thảm nhất là mình có thể thấy giải pháp Trung quốc - kinh tế thị trường và chính trị chuyên chính - trở thành phổ biến tại Liên Xô cũ và tại Nam Mỹ.

Solzhenitsyn:

– Nếu quả như vậy thì thật là điều đáng buồn. Tháng trước, khi những chính biến xảy ra tại Mạc Tư Khoa, con trai tôi là một tay vĩ cầm đã theo nhạc trưởng Rostropovich trở về hòa nhạc trên Công trường Đỏ như một biểu hiện ủng hộ những khuynh hướng dân chủ tại Nga. Tôi yêu nghệ thuật khi nó không ngấm vào cái rốn của nó mà nhìn ra ngoài, nhìn lên cao. Ông đưa ra một dự đoán bi thảm, tôi không thể nào đồng ý hơn. Chế độ cộng sản chưa hoàn toàn tan rã trên lãnh thổ của Liên Bang Xô Viết cũ. Tại nhiều nước cộng hòa, cơ cấu đảng vẫn được bảo toàn nguyên vẹn và những đảng viên vẫn ở tư thế sẵn sàng: cái chủ nghĩa đó đã ăn sâu vào trong nếp suy tư và sinh hoạt của người ta. Trong khi đó, sự hình thành của một thứ chủ nghĩa tư bản man rợ cũng bắt đầu tàn phá, với những mức độ

chưa từng thấy tại Tây phương. Cả hai thế lực "duôi cộng sản dầu tư bản" đang ở trong tình trạng cộng sinh. Những ảo tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã hết, nhưng cái thực tại mà chủ nghĩa đó đòi thanh toán thì vẫn còn: những thế lực gian hùng nắm giữ những vị trí xã hội then chốt để khai thác người khác cho quyền lợi riêng. Những đảng viên cộng sản cũ chính là những thế lực đó. Vì vậy mà hiểm họa đỏ vẫn chưa phải là hết nếu con người ta không học được bài học của thế kỷ này.

Người kể truyện:

– Bài học đó là gì? Tiến bộ khoa học đưa tới sự thoái lui của đạo đức? Tiến bộ khoa học trang bị phương tiện tàn phá cho những tên bạo chúa? Khoa học khiến chiến tranh càng dễ xảy ra?

Solzhenitsyn:

– Chiến Tranh Lạnh kết thúc đã chấm dứt tình trạng quân bình kinh khiếp của võ khí nguyên tử, và chấm dứt luôn trạng thái bình thản của con người khi các vấn dề được xếp nếp thành hai khối. Trăm ngàn vấn đề khác đang xảy ra, và vấn dề đức tin của con người - những kích thước tâm linh của loài người một thời bị mối nguy nguyên tử dồn nén xuốug - chắc chắn sẽ bùng dậy trong nay mai. Chúng ta sắp bước qua một thế kỷ mới. Nhìu lại thế kỷ XX mà nhiều người từng tiên đoán là thế kỷ của lý trí, của tiến bộ, chúng ta đã trải qua những tàn phá kinh hoàng nhất. Thời đó, dường như chỉ mình Dostoevski là đoán ra sự xuất hiện của chủ nghĩa chuyên chính trong thế kỷ XX này! Nó là thế kỷ giật lùi của đạo đức con người. Căn cứ vào đâu chúng ta tin rằng qua thế kỷ tới, với những võ khí còn tân kỳ hơn và đang tung ra khắp nơi, loài người sẽ biết điều hơn?

Fuentes:

– Trong khung cảnh đó, tôi càng thấy sự khốn cùng của đám đông đói khát là một thùng thuốc súng. Chúng ta không nhìn lên trời hỏi ai khác được, mà phải nhìn vào sự căm phẫn đang trỗi dậy. Tôi mơ ước là cánh tả tại Mỹ châu La Tinh sẽ tìm ra giải pháp, lập ra một cơ chế dân chủ từ cơ sở lên, may ra...

Solzhenitsyn:

– Tôi hơi dè dặt với cái gọi là "dân chủ" hay "đa nguyên" mà thiên hạ đang rao bán khắp nơi. Trong một tập hồi ký lấy tên là "Gút Mắc", tôi có dành nguyên một chương cho vấn dề này khi bị một số

trí thức Nga, cựu đảng viên ky khai hay cựu phản kháng di tản, đồng loạt công kích khi nêu ý kiến nghi ngờ cái mô thức dân chủ và cái ý niệm đa nguyên nhặt được của Tây phương. Dĩ nhiên, cộng đồng tỵ nạn nào trên thế giới cũng có một nồi cháo heo của mình, và càng cúi đầu trong nước thì ra tới ngoài người ta càng hay gân cổ nặng lời với nhau. Nhưng, ông bạn hay nhắc tới châu Mỹ La Tinh mà tôi lại nhắc tới nước Nga thì người ta sẽ kéo màn tụi mình mất.

Người kể truyện:

– Không dám đâu, xin ông cứ tiếp lời.

Solzhenitsyn:

– Fuentes nói đúng, ba phần tư nhân loại, qua thế kỷ tới họ thành năm phần sáu, hiện đang sống trong lầm than. Mai này họ sẽ nêu ra một bản yêu sách ngày một dài hơn cho các nước công nghiệp. Tôi không nói ngoa đâu. Ngay từ khi chủ nghĩa Xô viết thành hình người ta đã thấy loại tư tưởng như vậy được lưu truyền. Năm 1921, một tay cộng sản dân Tatar, Sultan Galiev, đã đề nghị thành lập một "Quốc Tế Những Quốc Gia Bị Trị" để tiến tới một nền chuyên chính trên các nước kỹ nghệ! Ngày hôm nay, khi di dân từ miền Đông lũ lượt kéo qua miền Tây Âu châu kiếm ăn, Tây phương tất phải có cảm giác như mình đang thủ thành, như bị vây hãm trong pháo đài. Tây phương sẽ phải đối phó với rất nhiều vấn đề, vừa tôn trọng những sắc thái đa nguyên của các nền văn hóa trên thế giới, vừa bảo vệ những giá trị đã tốn bao công sức mới tranh thủ được, bảo vệ cả sự ổn định - duy nhất trong lịch sử - của xã hội dân sự, mà vẫn bảo đảm được cho mỗi người những quyền riêng tư.

Người kể truyện:

– *État de siège*, kiểu thế kỷ XXI? Tây phương đâm ra hơi vất vả. Ông có nghĩ đến một phản ứng hơi tiêu cực của Tây phương chăng? Họ thấy như có động đất dưới chân mình, và không biết tương lai sẽ ra sao nữa, nhìn ra ngoài thì chỉ thấy những thách đố hay đe dọa...

Người phụ diễn 2: (*Giọng từ tốn*)

– Phản ứng đó dễ hiểu. Xin cho Á châu chúng tôi nhập cuộc. Người ta thường nói rằng kỷ nguyên hiện đại bắt đầu từ thời Phục Hưng, từ Kha Luân Bố, từ khi Tây phương chiếm lĩnh những ưu thế văn hóa, kỹ thuật, kinh tế, quân sự trên toàn thế giới. Ngày nay, vào cuối thế kỷ này, Tây phương chợt thấy như mọi sự sẽ không còn như

trong năm thế kỷ vừa qua nữa. Phong trào Hồi giáo trọng căn, lực lượng kinh tế Đông Á và sự sụp đổ của Liên Xô cùng Đông Âu đã làm đảo lộn tất cả. Đến nỗi một học giả về chính trị Mỹ như Samuel Huntington còn phải nêu lên câu hỏi là liệu đã đến thời Chiến tranh giữa các nền Văn minh hay chưa! Tôi cho rằng đây là một mặc cảm bị bao vây, một thứ "hội chứng tử thủ". Và đây là một phản ứng không tốt. Trước hết, từ bên ngoài, chúng tôi phải nói rõ là việc Tây phương triệt thoái trên thế giới để lui về cố thủ, như chúng ta đã thấy và sẽ thấy rõ hơn, không phải là điều khiến mọi người đều đón mừng. Vào lúc này mà Tây phương rút chạy thì cũng tai hại như khi Tây phương thống trị các nước khác. Nếu không có Tây phương, và đặc biệt là Hoa Kỳ, thế giới sẽ ra sao trong hai cuộc "nội chiến Tây phương" của thế kỷ này? Nhưng, ngày hôm nay, nhiều chính khách Tây phương đã quên rằng nhiều tư tưởng của Tây phương cũng dẫn đến tội ác. Họ rơi vào chủ nghĩa chủ quan, nhìn thế giới với con mắt Tây phương, có khi còn lấy quyết định qua ống kính dài truyền hình CNN! Tây phương sợ khối Hồi giáo mà không thấy là khối này thiếu thống nhất, suy nhược và khó mà kết thành một lực lượng đáng ngại. "Chính nỗi sợ hãi của ngươi mới làm ta sợ"! Tây phương cũng thủ trong túi một lô những tiêu chuẩn về nhân quyền chẳng thích hợp gì với các xã hội khác. Khi Mao Trạch Đông phạm những tội tầy trời, Hoa Kỳ đi qua ve vãn họ, sau này lại kết án họ về những tội xét ra còn nhẹ hơn rất nhiều ở Thiên An Môn.

Người kể truyện:

– Thì tại cuộc Đại Văn Cách và Bước Nhảy Vọt Vĩ Đại của Mao không được thu vào ống kính. Người ta lấy những quyết định sinh tử căn cứ trên những hình ảnh trên đài truyền hình.

Người phụ diễn 2:

– Thì tại vậy. Có khác gì những vụ thảm sát tại Bosnia đã chẳng khiến Âu châu và Hoa Kỳ mảy may xúc động. Nay lại lo là thế giới Hồi giáo và Khổng nho liên kết cùng nhau tấn công Tây phương! Chỉ vì có một vụ buôn bán võ khí giữa Trung quốc với Iran. Họ quên rằng đây chỉ là một sự buôn bán, và trong giới buôn súng, dân Á châu còn đi sau Tây phương khá xa. Tôi cũng đang đi quá xa ra ngoài điểm mấy ông kia đang thảo luận. Tôi chỉ nói là Tây phương có 800 triệu dân trong một thế giới khoảng 5 tỷ rưỡi. Trong một nước, người

ta làm sao chịu được tình trạng 15% dân số làm luật cho 85% còn lại phải theo? Vậy mà Tây phương đang đòi hỏi các nước khác y hệt như vậy, rồi than là bị thiên hạ chống. Tôi không muốu dông dài với Fuentes, dù sao chúng ta cũng là đồng nghiệp. Nhưng muốn có một chút lạc quan trong khôug khí bi quau chung ở đây. Trong năm qua, tổng số sản xuất tính bằng Đô la của các nước gọi là nhược tiểu đã vượt lên tổng số sản xuất của Bắc Mỹ, Cộng Đồng Âu Châu và Nhật Bản gộp lại. Hai phần ba lượng xuất cảng của Hoa Kỳ là bán cho các nước gọi là nhược tiểu đó. Quý vị không nghĩ đến một thế hợp tác mà xây chiến hào bảo vệ ngoại thương của mình giữa ba khối trên với nhau, bất kể tới hơn 4 tỷ dân còn lại. Thủ tướng Pháp mới đây đã nhắc nhở các nước nhà giàu với nhau tại Hoa Thịnh Đốu: "vấn đề là tổ chức làm sao để bảo vệ chúng ta khỏi bị các nước dùng những thang giá trị khác cạnh tranh qua mặt chúng ta". Rồi than là mình như bị bao vây. Quý vị không còu vị trí thống trị nữa dâu vì đã làm ugược lại những gì quý vị từng đề cao: đòi hỏi nhiều, tiết kiệm ít, hưởng thụ nhiều, học hỏi ít, lao động ít đòi lương cao. Vì vậy ngân sách mới khiếm hụt, trẻ em mới thành băng đảng, năng suất mới sút giảm và cạnh tranh suy kém. Các chính khách thì cứ nhắm mắt ban phát phúc lợi lấy phiếu, rồi tăng thuế thả giàn, người nào dám nói lên sự thật thì thất cử. Vậy mà họ cứ đòi đi dậy thế giới về dân chủ. Lạ chưa! Có mỗi cái thỏa ước NAFTA mà dư luận Mỹ làm om xòm như sợ ba anh Mễ nghèo đói miệt dưới cướp mất dốp. Kỳ chưa! Tây phương đaug mất dần những giá trị tinh thần của mình và đó là vấn đề do chính Tây phương gây ra. Solzhenitsyn nói đúng, khi ta thiếu tinh thần tự chế và không kiểm soát được những ham muốn của mình thì cửa địa ngục bắt đầu mở. Dân Á Đông chúng tôi biết điều đó.

Người kể truyện: (*Hãnh diện*).

– Thấy dân Á Đông mình bảnh không? Ông Kishore Mahbunabi này là người Fuentes và tôi mời tới. Ông ta là Thứ trưởng Ngoại giao, Khoa trưởng trường Quốc Gia Hành Chánh, và từng gặp gỡ Fuentes khi làm đại diện thường trực của Tân Gia Ba tại Liêu Hiệp Quốc. Tôi mạn phép chọn người ở một uước rất nhỏ của Á châu tới hầu chuyện quý vị. Ở xứ tôi, ớt càng uhỏ càug cay và cay chẳng thua gì ớt Mễ.

Người phụ diễn 3:

– Chúng ta đang nói chuyện về văn chương, Tây phương, xứ Mễ Tây Cơ hay Đệ Tam Thế Giới đây? Tôi đồng ý với ông đồng nghiệp Á châu hơn là với ông đồng nghiệp và đồng hương đồng thời cũng là bạn văn của tôi. Xin lỗi Carlos nhé, tôi thấy là mình không nên tiếp tục gán cho Tây phương những gì xấu xa xảy ra cho xứ mình. Vả cũng chẳng nên nghĩ là ngoài Tây phương ra những dân tộc khác sẽ đời đời kiếp kiếp lạc hậu nghèo khốn. Ăn thua là tự mình và cơ chế chính trị của mình. Chúng ta đều là những người đối lập với chính quyền hiện tại và cái đảng Cách Mạng Định Chế già khú đế của Mễ Tây Cơ. Từ hơn sáu mươi năm nay, cái đảng như bôn-sơ-vích mà ngụy danh dân chủ này đã gây biết bao tai họa cho dân Mễ chứ có phải là mình bị một nước đế quốc *gringo* nào thống trị đâu. Dân Mễ khi thoát khỏi khuôn khổ chính trị và hành chánh quái dị của đảng thì có kém gì dân Á châu về năng suất đâu, điều đó Carlos phải biết chứ. Tất cả chỉ là vấn đề tổ chức xã hội mà thôi. Con người ta có xấu có tốt dủ cả, ăn thua là những định chế trong xã hội có giúp họ phát huy được những tính tốt hay không. Từ mấy năm nay, tình hình xứ mình cũng đã khác và nếu có một nước Trung Nam Mỹ đầu tiên trở thành nước công nghiệp tiến bộ thì chính là Mễ Tây Cơ, chứ có ai khác.

Người kể truyện:

– Người vừa nói là giải Nobel Văn Chương, nhà thơ siêu hiện thực của Mễ, và như nhiều nhà trí thức khác của xứ này, ông cũng là một nhà ngoại giao cho tới khi từ chức phản đối chính phủ của mình. Bạn đồng hành của Carlos Fuentes trong hàng ngũ trí thức cánh tả, từng tham dự nội chiến Tây Ban Nha chống phe quân phiệt mấy mươi năm về trước, Octavio Paz nay đã ra khỏi hàng ngũ thiên tả và thành nhà vô địch của khuynh hướng tự do.

Người phụ diễn 3:

– Đúng, nếu khuynh hướng tự do chủ trương là một xã hội chỉ phát triển với một thể chế dân chủ và một nền kinh tế tự do và không bị nhà thờ chi phối, thì tôi quả là một người theo khuynh hướng tự do. Điểm bất đồng nếu có với Carlos chính là khía cạnh kinh tế. Tôi rất nghi ngờ những khuynh hướng tự mệnh danh là tiến bộ và chủ trương xây dựng một xã hội công bằng qua một nền kinh tế do chính

quyền kiểm soát, dù là kiểm soát cho mục đích cao đẹp như Carlos vừa nói tới. Người ta chỉ thay đảng Cách Mạng hiện nay bằng một đảng Cách Mạng cánh tả, màu hồng, và đâu lại vào đấy. Không có một hệ thống dân chủ thì mọi người sẽ lại bình đẳng trong nghèo khốn dưới sự cai trị của một thiểu số được quyền "bình đẳng hơn", như lối nói của Orwell.

Fuentes:

– Tôi cũng chẳng nói khác. Tôi mong là những người trong cánh tả, không lệ thuộc vào Giáo hội, không nằm trong quỹ đạo của những công ty đa quốc mạn Bắc sông Rio Grande và chỉ mưu cầu công bằng và tiến bộ, sẽ được rộng tay mở ra một thế trận chính trị mới mà không bị nhìn qua lăng kính lệch lạc của tinh thần chống cộng lỗi thời. Tôi hiểu là ước mơ một chính quyền sạch, do những người làm nghệ thuật chân chính như Lambergis, Havel lãnh đạo, ước mơ đó cũng đã tan. Là những người sống cho văn chương và thi ca, chúng tôi thấy ngấm đòn lắm chứ!

Im lặng giây lâu. Giọng buồn buồn.

– Chúng ta sẽ phải vẽ lại bản đồ mà đi, và có tới hay không thì có Trời biết!

Solzhenitsyn:

– Đúng là chỉ có Trời biết. Cuối cùng, ta cũng phải thấy tầm hạn chế của con người, ông bạn đồng ý không? Cái hội chứng Tiêu Viễn Sơn ông bạn kia nói ở đây chỉ một điều may cho những người ngoại cuộc mà thôi. Ở trong cuộc, sau cả một cuộc đời đối đầu với chế độ chuyên chính, nhìn sự sụp đổ của Liên Xô tôi chẳng thấy mình vui, hay thấy đời trống không vì mình hết đối tượng tranh đấu. Tôi còn e rằng dân Nga sẽ bị chết ngộp dưới đống gạch vụn của chế độ vừa tan rã.

Fuentes:

– Chứ thiên hạ không nên e sợ sự trỗi dậy của đế quốc Nga? Là người yêu dân Nga với đức tin của một tín hữu cực đoan, ông không tin là dân Nga sẽ trỗi dậy hay sao? Hỏi các sắc dân lân cận xem họ nghĩ sao?

Solzhenitsyn:

– Ba năm về trước, tôi đã hết sức suy nghĩ về vấn đề này và viết

ra những điều mình mơ ước cho dân Nga, hẳn là ông cũng đã để mất tới. Tôi nghĩ rằng mình phải dứt khoát chọn lựa, giữa việc xây dựng một Đế quốc với những hao tốn vô cùng với sự cứu rỗi phần hồn lẫn phần xác của dân tộc, tôi chọn sự cứu rỗi và sẽ dành những năm tháng còn lại cho việc đó. Cái ông Tiêu Viễn Sơn nào đó mới thấy đời hoang vu khi hết kẻ thù, chứ tôi chỉ thấy một nỗi hoang mang mà thôi.

Người kể truyện:

– Ông sắp lên đường trở về và chuẩn bị nhìn lại một đất nước tan hoang, điều gì ông nghĩ rằng sẽ làm người dân Nga đứng dậy mà đi? Một đế quốc Nga bát ngát được thế giới kinh sợ như đã từng kinh sợ đế quốc Liên Xô, điều đó cũng có lực động viên lớn lắm chứ? "Dậy mà đi, đứng dậy mà đi"...

Tiếng nhạc quân hành om xòm.

Solzhenitsyn:

– Duy trì một đế quốc rộng lớn là đưa dân Nga vào chỗ chết. Sức mạnh sẽ phải đến từ cái nội lực bên trong, chứ không ở những lãnh thổ bên ngoài. Nên giải phóng những cộng hòa chung quanh, càng sớm càng hay và quay về xây dựng lại cái cốt lõi bên trong. Bằng gì ư? Bằng sự tự chế. Từ bao thế kỷ nay con người ta sống trong cảnh khan hiếm đã quen, qua thế kỷ này, gần như muốn gì là có nấy, nên trở thành ham hố như tôi đã nói. Trong những điều được giải phóng, đầu tiên sẽ là những thói tật xấu. Những trắc nghiệm của dân Nga với thể chế dân chủ non yếu và nền kinh tế thị trường quặt quẹo sẽ là những cám dỗ lớn. Chính quyền ham hố, cá nhân ham hố. Chúng ta phải tập lại một thói quen đã mất, là biết kiểm soát sự đòi hỏi và nỗi ham muốn của mình, biết khiêm cung nhìn lên đấng Tối Cao và chăm lo cho phần hồn nhiều hơn phần xác một chút. Chỉ có những nỗ lực hướng thiện của tâm hồn, tổng hợp lại với nhau, mới là sự cứu rỗi. Tôi hơi buồn cười khi thấy có người nhi nhô nói tới sự kết thúc của Lịch Sử và sự thắng thế của tư tưởng dân chủ, một hình thái coi như hoàn chỉnh về tổ chức loài người. Nhân loại chưa sớm được sự bình an đó đâu, nhưng được trui rèn trong những gian nan của thế kỷ này, ta sẽ có đủ nghị lực đi tới và nghị lực đó sẽ được truyền cho các thế hệ sau bằng cách này hay cách khác. Isaiah Berlin có nói "chúng ta chưa biết đâu là bến bờ, nên cứ tiếp tục chèo thôi". Tôi

muốn nhắn tới thế hệ sau là trên kia, đấng Tối Cao biết và chúng ta nên ngửng lên Người mà chèo.

Người kể truyện:

– Xét như vậy, không hiểu là ông và Sakharov ai là người may mắn hơn...

Solzhenitsyn: (*Đứng dậy, nhìn lên cao*)

– Tôi được Chúa cho sống lâu hơn nên phải tranh đấu nhiều hơn. Andrei với tôi chỉ có một điểm khác biệt nhỏ. Trong bộ máy chính quyền cũ nhìn ra, ông thấy cái tệ hại của chủ nghĩa cộng sản là bộ máy chuyên chế của nó. Từ địa hạt tư tưởng nhìn lại, tôi thì cho là cái ý thức hệ không ai tin mà ai cũng sợ mới là nguyên cớ. Giờ đây, khi ý thức hệ đó đã phá sản mà mình phải xoay trở đối phó với những tàn dư của bộ máy, tôi thấy là Andrei có lý. Đặt chân lên quê hương, tôi sẽ tìm tới mộ phần của Andrei. Lúc đó, có lẽ cảm giác trống vắng mới nổi dậy trong tôi. Đã đến lúc mình đi chưa đây? Cứ tiếp tục chèo thôi chứ biết sao.

Tiếng sóng nổi lên thật nhẹ trong tiếng mái chèo nhặt khoan. Không khí tối dần và âm thanh của biển tràn ngập sân khấu, loáng thoáng như tiếng thánh ca.

Màn Từ Từ Hạ

MÀN HAI

Màn mở trên một sân khấu trống trơn. Vẫn là tiếng sóng như dội ra từ phông cảnh biển cả mênh mang ẩn hiện một con tầu của thuyền nhân. Giữa sân khấu vẫn chỉ là một cái bàn, lổng chổng mấy chai bia và rượu mạnh. Ngổn ngang đây đó là một số biểu ngữ khẩu hiệu.

Người kể truyện: (*Nói vọng vào sân khấu*)

– Dĩ nhiên là vở kịch đã phải kết thúc ở đây. Nhưng, tự ái dân tộc và bốn ngàn năm văn hiến không cho phép ta lặng thinh được. Chế độ cộng sản, dân chủ, môi sinh, kinh tế, thi ca, tôn giáo, sự cứu rỗi con người, nỗi lầm than khổ cực, tình hình bất ổn của một trật tự mới đang hiện hình thành một hỗn loạn lớn, vân vân và vân vân... là những vấn đề lớn. Làm gì dân ta không có tiếng nói? Xin nhường sân khấu cho những tiếng nói đó...

Sân khấu lặng thinh. Lặng thinh. Lặng thinh.

Người kể truyện: (*Giọng bối rối*)

– Chắc là có trục trặc kỹ thuật. Xin cáo lỗi cùng quý vị khán thính giả. Xin quý vị kiên nhẫn, màn hai mới bắt đầu.

Sân khấu lặng thinh. Lặng thinh. Lặng thinh.

Người kể truyện: (*Hốt hoảng*)

– Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

Ngay giữa tiếng cáo lỗi chợt bùng lên từ máy vi âm tiếng chợ vỡ. Tiếng nhạc Karaoke, tiếng thuyền nhân kêu khóc, tiếng người dõng dạc đọc nghị quyết đảng, tiếng người hét trong tù xen lẫn những khẩu hiệu, tiếng chửi thề, lời kiến nghị... Tất cả là một sự hỗn độn lớn, kéo dài, chát chúa đến đinh tai nhức óc. Khán giả bên dưới ngỡ ngàng, xầm xì khó chịu, xôn xao bàn tán. Âm thanh lên tới cực điểm. Đèn rực sáng chớp lập lòe như trên sàn nhảy.

Đến lúc đó, khán giả ở dưới như chịu không nổi, đứng lên la ó. Và họ chồm lên sân khấu kéo màn xuống.

MÀN HẠ RẤT NHANH TRONG TIẾNG LỤA XÉ

Người kể truyện: (*Ngoan cố*)

– Quý vị thấy đấy, chỉ vì một trục trặc kỹ thuật đáng tiếc mà màn hai chưa kịp trình diễn hết đã đột ngột kết thúc, ngoài ý muốn của tác giả. Nửa màn sau ra sao, xin cứ hỏi Trời và hỏi người. Hội chứng Tiêu Viễn Sơn chỉ là sản phẩm hư cấu của trí tưởng tượng, chứ nỗi thê lương trống vắng không hề có ở trong ta...

HẾT

ĐỊNH NGUYÊN

tử sinh

Sau giấc ngủ Hạ hồng, trăng rất nguyệt
Lá nồng nàn, vàng tẩm liệm mùa Thu
Đêm tôi ở, sáng em về tiền kiếp
Lời trăm năm trót hẹn bỗng dưng thừa

Tôi ở lỡ nhân gian đời rất vội
ngửa bàn tay nhìn rõ nỗi vô tình
Vai bia mộ, tóc chập chùng bóng tối
Chờ tháng ngày chôn cất cuộc nhân duyên

Cuối kỷ niệm dưng không mình kẻ lạ
Khói sương che dấu cỏ gót chân về
Con chim mổ mùa Đông trên xác lá
Mảnh linh hồn nứt một vạt đau tê

Người vội vã bước qua từng sám hối
Tôi quay lưng những giọt lệ khôn cùng
Đêm cổ tích hoang tàn mùa tội lỗi
Sáng ca dao da thịt rữa hư không

Thu đốt lửa hai hàng cây nhật nguyệt
Nắng trong mưa rực rỡ giọt chia lìa
Lời chiêu mộ bài thơ tình không viết
Người qua đời đem hạnh phúc u mê.
(Tháng Mười Một, 93)

THƯỜNG QUÁN

cánh

Chim đập thời gian hoảng hốt
Mái vỡ đỏ lậm cháy ngùi
Một góc lửa hắt bóng đứng đấy
Bóng gợi lầm than chiều bặt tin
Đỏ ra trước gió lá bất kể
Biển vẫn phẳng - cát chẳng hoài nghi
Đắp nửa khuôn mặt bãi lụn tắt
Giờ sóng vào rập rả gối quì
Cây mở gỗ tóc tai bung xổ
Nhổ neo đêm người xin ra đi
Thiêm thiếp biển chờ, sóng rả bọt...

Chim đập còi xa
Kẻ đi cầm tay mốc trăng đơn
Lũ mù sương từng mảng đổ vỡ
Âm xích khua đường rây phân ly
Ngã trên đá đá khuôn mặt tối
Vũng nước tình yêu từng tư duy
Những chiếc ghế dạng chân mở hết
Gió xé bung tối dập đường biên
Trăng: cây rách da toát hơi thở
Con mắt chân trời đến thôi miên
Lạnh điểm môi sắc không cười khóc
Đã cắn vào nhựa lá tịch yên
Nước mở mắt: phố đang sập xuống
Lũ xám kéo màn: Chiếc cánh đen
Chiếc lưỡi thép hàm dôi động hủy
Hàng mắt đèn đồng loạt dập tên
Trượt đổ cát. Trăng: đá rả bọt.

Cánh ngực tối tăm
Điên đảo cửa chim bay tăm tắp
Cánh đập thôi nghe.

NGUYỄN BÌNH GIANG

khước từ

Khuôn mặt em là trăng
Mái tóc em là mây
Tên em là Tình Yêu
Bảng lảng chiều thơm cổ tích
Trao đời đôi vệt môi son
Tôi không là gã âm hồn,
không là thằng du côn, vô thần, ngạo ngược
Sao đêm nay ngước mặt
Trăng non chợt khuất sau đồi.

miền cố quận

Người long đong cõi sa mù
Ta neo lại với chiều thu muộn màng
Người đa mang, người đi goang
Ta lơ ngơ giữa đôi hàng tóc mây
Vọng nhau qua tiếng gọi bầy
Hờn xa lăng lắc... vơi đầy tháng năm.

qua chiều

Tháng Chạp
Những cơn mưa mùa đông
Bạc tóc mẹ già
Đi qua một thời góa bụa
Xuân xanh mẹ gửi đồng sâu.

mẹ ơi

Tươi tốt thế giàn trầu
Đứa cháu nội bé con chẳng cần nhón chân vẫn hái
Mẹ nghĩ gì,
Tháng năm mê mải
Chiều qua, chưa giập bã trầu.

TRẦN DOÃN NHO

cuộc chiến đấu

Vị Giáo trưởng ngừng nói. Khuôn mặt trầm lặng của Ngài lấm tấm những giọt mồ hôi. Ngài nhìn quanh, im lặng. Cả nhà nguyện cũng chìm trong im lặng. Những khuôn mặt tín hữu quay về phía Ngài như bất động. Chỉ có mấy ngọn đèn cầy run rẩy chiếu những bóng đen nhảy múa, làm ẩn ẩn hiện hiện bóng dáng những thiên thần ác quỷ vẽ trên tường. Thiên thần như nghiêm nghị hơn, ác quỷ như dữ dằn hơn trong cuộc chiến bất tận giữa thiện và ác.

Đưa tay áo quệt ngang mấy giọt mồ hôi trên mi mắt, vị Giáo trưởng trầm giọng:

– Ta đã quyết định dứt khoát: sáng mai ta đi. Tất nhiên là đi một mình. Các con đừng thắc mắc, bận tâm. Bởi vì việc này là việc của ta, việc của một Giáo trưởng, không phải là việc của thường nhân. Ta thay mặt Đấng Tối Cao, thay mặt cái Thiện đi tiêu diệt cái Ác. Các con yên tâm.

Ngừng một lát, vị Giáo trưởng lại nói:

– Như ta đã nói và như các con đã thấy, cuộc sống đau khổ của các con hôm nay không chỉ vì một mình con ác quỷ gây ra, mà còn vì chính các con, chính sự ăn ở, cư xử lẫn nhau giữa các con, chính vì sự đố kỵ, lòng ham muốn vị kỷ, sự tham lam trong mỗi một người. Các con không hề thành tâm tin vào điều thiện, các con chỉ lợi dụng điều thiện, nhân danh điều thiện để giành giựt, cấu xé lẫn nhau. Tất nhiên, không phải các con muốn làm điều Ác. Các con đều có lương tri, nhưng cái lương tri đó nhỏ nhoi, lệch lạc quá, chưa đủ sức trấn át con quỷ bên trong lòng các con. Thế là quỷ trong, quỷ ngoài, quỷ nhỏ, quỷ lớn gây nên đau khổ cho cuộc sống.

Vị Giáo trưởng ngừng nói. Ngài sửa lại cái mũ trùm đầu, kéo tấm áo choàng lên, bước xuống bục. Cậu bé đứng hầu bước theo, tay vẫn phất quạt. Cậu ta rùng mình khi nhìn lên tường, thấy hình

con quỷ nhảy múa với một nụ cười nham hiểm như ném thẳng vào mặt cậu. Bên dưới các hàng ghế bây giờ mới nghe thấy những tiếng động nhỏ. Tiếng quạt phe phẩy, tiếng thở dài, tiếng áo quần sột soạt. Rồi lại im lặng.

Tiếng người Giáo trưởng như tha thiết hơn:

– Con ác quỷ đã xúi vợ bỏ chồng, con bỏ cha, xúi trẻ con hỗn hào, mất dạy, xúi người lớn hằn thù, gây gổ. Hấn đến và thế là gia đình ly tán, xã hội hỗn loạn, ruộng vườn hoang phế, nhân nghĩa tiêu ma. Có phải các con vừa ghét hấn mà cũng lại cần hấn? Không có hấn làm sao các con biết bài bạc, rượu chè, hoang dâm, làm sao các con biết lừa thầy phản bạn, biết gian dối điêu ngoa. Ôi! Ta đã dạy cho các con biết bao nhiêu điều tốt lành. Ngày đêm, ta chăm lo vun bồi cái tâm các con. Nhưng rồi các con chỉ biết vâng dạ, dọc kinh, làm lễ. Rồi nói, rồi thú tội, rồi cứ thế. Phải chăng điều thiện lạt lẽo, nhàm chán, đơn điệu và vô duyên quá! Mà các con thì cần cái gì mặn mòi, sống động, thích thăng trầm, cay đắng hơn!?

Vị Giáo trưởng đang ở giữa gian phòng, vì quá xúc động với những điều mình nói ra, Ngài đã rời khỏi cái nơi tôn kính Ngài vẫn thường đứng, ngồi khi giảng kinh cho tín hữu. Ngài nhìn vào từng khuôn mặt như muốn soi rọi thấu tâm can sâu thẳm của mỗi người. Vì sao họ im lặng thế! Buồn, vui, đau khổ hay hạnh phúc? Nếu Ngài có hỏi họ bao giờ họ cũng rên rỉ, than van, và bao giờ cũng ca ngợi Ngài, ca ngợi điều thiện và hứa. Giảng kinh thì lúc nào cũng chân thành lắng nghe. Mà kinh thì họ cũng thuộc lòng như cháo. Thế thì tại sao chẳng có ai trong họ trở nên như Ngài, để con ác quỷ không còn môi trường sống?

Vị Giáo trưởng trở lên bục giảng, Ngài nói:

– Ta chẳng than thở đâu. Nhưng ta vạch cho các con thấy một phần nguyên nhân của nỗi đau khổ của các con là do chính từ các con. Việc của ta là diệt trừ con ác quỷ, còn việc của các con là diệt trừ cái tham lam, độc ác trong lòng các con. Mai ta đi. Chưa biết lúc nào ta về. Mọi việc nhà nguyện ta đã cử người lo. Các con phải sớm hôm cầu nguyện, ăn năn, thương yêu dùm bọc lẫn nhau. Ta đi một mình. Ta quyết tìm cho ra nơi ở của con ác quỷ và chiến đấu một mất một còn với hấn. Ta sẽ thắng. Điều thiện là tất thắng. Cũng có

phần gian khổ, nhưng ta tin với sự phò trợ của đấng thiêng liêng, ta sẽ sớm trở về với các con.

Có tiếng sụt sịt ở hàng ghế cuối, rồi dần dà lan ra cả gian nhà nguyện. Tiếng rì rào nói chuyện. Tiếng khóc. Một người trung niên ở hàng ghế đầu đứng lên, vòng tay, kính cẩn nói:

– Thưa Ngài Giáo trưởng, chúng con ghi tâm khắc cốt tất cả những lời Ngài dạy. Chúng con hứa giữ gìn điều thiện, tránh điều ác, tin tưởng ở đấng tối cao, thương yêu dùm bọc lẫn nhau và ngày đêm cầu nguyện cho Ngài.

Buổi cầu kinh hằng ngày chấm dứt. Vị Giáo trưởng đứng lặng nhìn những tín đồ của Ngài rời nhà nguyện với một tấm lòng thương xót vô hạn. Họ sẽ về nhà. Mỗi người sẽ trở lại nếp sống bình thường của họ. Họ có ghi tâm khắc cốt những lời Ngài dạy không? Hay là trong bóng đêm, họ vẫn trăn trở với những mưu đồ. Trong những góc hẹp của tâm hồn, họ vẫn khát khao một điều ác nào đó. Rồi sáng ra, lại vẫn gian dối, điêu ngoa, xui nguyên giục bị, lao vào cuộc cấu xé, giành giựt triền miên?!

Mọi người đã về hết. Gian nhà nguyện trống rỗng. Vị Giáo trưởng đưa mắt nhìn bức hoành tráng cuối gian nhà nguyện. Thiên thần và ác quỷ. Vị thần nét mặt cương nghị, tỏ ra giận dữ, nhưng không giấu được vẻ phúc hậu. Con quỷ thì mặt mày quái dị, trông khủng khiếp - đặc biệt là hắn vừa chiến đấu vừa cười, một nụ cười nham hiểm. Sao lại là một cuộc chiến bất phân thắng bại?

Ngài quay mình, hướng mặt lên chính điện, nơi thờ phụng Thượng đế và các thần linh, miệng lâm râm cầu nguyện.

*

Trời chưa sáng, vị Giáo trưởng đã thức dậy. Suốt đêm rồi, Ngài ngủ không yên giấc. Thiếp đi là Ngài thấy con ác quỷ. Thức giấc, Ngài lại lâm râm cầu nguyện. Trong một chỗ sâu kín nào đó của Ngài, hình như vẫn ẩn giấu một nỗi sợ hãi mơ hồ, không rõ nét. Nhưng đức tin làm Ngài bình tĩnh, luôn luôn bình tĩnh. Ngài chẳng hề sợ chết. Nhưng rõ ràng là Ngài sợ thất bại. Trách nhiệm của Ngài trước đấng tối cao, trước tín hữu nặng nề quá, to lớn quá. Nhưng Ngài phải vượt qua, phải thắng.

Ngài đứng trước chính điện, hướng về hình ảnh đấng tối cao, chắp tay khấn nguyện. Sau đó, Ngài đánh thức hai cậu thiếu niên

phục vụ dậy, chuẩn bị cho Ngài thức ăn, áo quần và các thứ lặt vặt khác. Xong, Ngài đẩy cửa bước đi. Hai cậu thiếu niên, đôi mắt rưng rưng, quỳ xuống, chắp tay theo hướng bước chân Ngài, luôn miệng đọc kinh.

Mọi vật còn ngái ngủ. Phương Đông lờ mờ. Ngài dừng lại nhìn ngôi nhà nguyện, nhìn cái sân, cây da, cái giếng, rồi quày quả bước. Lúc đầu, bước chân chầm chậm như có gì còn ngại ngùng, vướng víu. Ngài sửa tà áo, kéo cổ áo lên, vuốt tay nải. Có chút gì bâng khuâng! Nhưng rồi Ngài bước vội. Những bước chân dài, nhanh dần. Trong sương sớm, người ta thấy chiếc áo choàng đen, cái mũ trùm đầu, cây gậy. Một mình Ngài Giáo trưởng. Điều thiện hầu như một mình, đơn độc. Còn điều ác thì nhan nhản. Điều thiện thức giấc, băn khoăn. Còn điều ác thì vẫn còn ngủ vùi, thỏa mãn. Điều thiện đeo đẳng, điều ác vô tình.

Ra khỏi giáo phận, vị Giáo trưởng xăm xăm đi về phía trước, tâm hồn xôn xao. Ngài càng đi, lòng càng phơi phới, tay chân càng khỏe. Sự thúc đẩy của điều thiện thực vô cùng kỳ diệu. Nó làm cho Ngài quên đường xa, quên đêm, quên ngày, quên ăn, quên uống. Nó làm cho chân Ngài tự động chọn hướng đi. Nó làm cho mắt Ngài nhìu thấy rõ nơi Ngài muốn đến. Lòng Ngài đầy ắp ấn sủng và một nỗi hân hoan vô hạn vì sắp hoàn thành một điều thiện vĩ đại: tiêu diệt con ác quỷ, mầm mống của mọi tội lỗi.

Thế rồi Ngài đến nơi Ngài muốn đến: vùng quỷ. Trời xanh. Mây trắng. Cây cỏ. Rừng núi. Chim hoa. Người ta vẫn tưởng nơi quỷ ở thì bao giờ cũng đầy ám khí, u buồn, tang tóc. Ở đây thì ngược lại. Hình như đời sống của quỷ có cái gì sinh động hơn, phong phú hơn. Điều Ác hấp dẫn hơn điều Thiện thì mới tồn tại được. Vị Giáo trưởng biết rất rõ điều đó. Nhưng dù gì thì gì, điều Thiện cũng phải thắng. Ngài phải thắng.

Ngài dừng lại, đang nhìn quanh thì thoắt một cái, một cái bóng từ đâu đó hiện ra trước mặt Ngài. Con ác quỷ. Thoạt đầu, đó là một khuôn mặt rất hiền lành, rất đẹp. Dần dần, khuôn mặt biến dạng đi. Đó là khả năng của quỷ: thay hình đổi dạng cho phù hợp với thực tế. Quỷ thì không cần danh, chỉ cần hiệu quả. Chỉ khi phải đối đầu với điều Thiện, thì hắn mới huy động chính bản thân của hắn ra. Trước mặt hắn bây giờ là vị Giáo trưởng. Tất nhiên hắn phải xuất

hiện như con quỷ. Một tràng cười thoát ra từ miệng hắn, và đột ngột dừng lại. Hắn nói:

– Thế rồi cuối cùng ông cũng đến. Hỡi ông Giáo trưởng, ông muốn gì ở ta?

Vị Giáo trưởng từ từ dựng chiếc gậy, bỏ tay nải, sửa lại mũ. Khuôn mặt phúc hậu của Ngài như rắn lại. Đôi mắt nhìn thẳng vào con quỷ như những tia sáng rực rỡ soi thẳng vào bóng tối của sự ác. Toàn bộ con người của Ngài toát ra một ý chí kiên quyết vô hạn. Ngài nói, giọng rõ ràng, đĩnh đạc:

– Ta đến để tiêu diệt mi, tiêu diệt nguồn cội của sự ác.

Con quỷ cười:

– Hóa ra thế. Ta ngạc nhiên là ông đến có hơi muộn. Ta có mặt trước ông, trước lâu lắm kìa. Khi ông còn giam mình, cố nuốt cho trôi những nguyên lý gọi là đạo đức của các ông, thì ta đã tồn tại. Ta có muốn đối đầu với ai đâu. Chỉ có các ông vô cớ tưởng tượng ra ta là một kẻ đối đầu rồi vẽ rắn thêm chân cho ta thành quỷ. Gọi ta là quỷ, thì ta là quỷ vậy. Nhưng ông nhớ cho, ta chỉ là quỷ đối với ông thôi nhé.

Vị Giáo trưởng nói:

– Mi đi đến đâu là mi gieo tai họa đến đó. Vì mi mà vợ chồng ly tán, anh em chia lìa, cha con xung đột. Mi lừa người này, mi phỉnh người kia. Mi dùng lời ngon tiếng ngọt để dụ hoặc thanh niêu, dùng vật chất của cải để quyến rũ thiếu nữ. Mi xô đẩy mọi người vào chỗ sa đọa, gian dối, diêu ngoa. Mi làm cho mọi người chỉ biết đến một điều duy nhất: quyền lợi. Chính vì mi mà trần gian này đêm ngày đầy tiếng khóc, đầy đau thương, thống khổ. Trong giáo phận của ta, từ ngày mi đến, hầu như người ta chẳng ai biết đến hạnh phúc, biết đến niềm vui. Ai cũng lặn hụp trong dục vọng, troug khoái lạc thấp hèn. Chính vì mi mà tội lỗi phát sinh. Tội lỗi không thể tồn tại được. Mi phải bị tiêu diệt.

– Hỡi kẻ đại diện cho sự Thiện, ông đã nói đúng, nhưng mà không thực. Ta nhắc lại: đúng mà không thực. Điều Thiện của ông chỉ có một nơi xứng đáng với nó: bục giảng nhà nguyện. Ta muốn nói: chỉ nên dùng nó để trang điểm. Ông muốn đem nó ra đặt giữa núi rừng, hoa lá, giữa cuộc đời, ta e ông lầm chăng? Ta đến với con người vì họ cần ta, vì ta mang cho họ những gì tự nhiên nhất: đói thì

ăn, khát thì uống, thích thì chơi, buồn thì ngủ, vui thì cười, đau thì khóc, thương thì giữ, ghét thì bỏ. Với ta, chẳng có gì phải cưỡng cầu hết. Họ khen ta cũng được mà nguyền rủa ta cũng được. Còn điều Thiện của ông thì nguyên tắc quá, cưỡng cầu quá. Vâng, nó đẹp. Nó cao cả, nhưng nó rỗng tuyếch. Ôi, phải chi trong sự thiện của ông, cái dám tín đồ tội nghiệp của ông tìm thấy cơm, thấy mắm, thấy tiền, thấy sắc... thì hay biết mấy!

– Đúng là giọng lưỡi diêu ngoa của một con quỷ. Ta chẳng muốn tranh biện hơn thua với mi. Nhưng ta nói cho mi rõ: con người, ngoài cái phần cảm tính thấp hèn mà mi lợi dụng kia ra, còn có cái phần tinh hoa, cao thượng. Những ai bị mi dụ hoặc thì chỉ khoái lạc chốc lát rồi đau khổ triền miên. Còn ta, ta hướng con người về hạnh phúc, về sự thiện, về đấng Thượng đế toàn năng. Mi chỉ là một sự trật trệu, một vết hoen ố của trần gian, cần phải tẩy rửa.

– Ha, ha, ha! Con quỷ mà được nguyền rủa là một con quỷ. Thì ta có hề muốn làm người đâu, thậm chí có làm thánh ta cũng chẳng ưa. Ta là quỷ và ta sống cho ra quỷ, thế cũng là "đạo đức" rồi. Quỷ thì lật lọng, hoa ngôn xảo ngữ, nham hiểm, tàn ác. Ta định nghĩa về ta như thế đủ chưa? Loài người các ông thiếu nhiều thứ, nhưng chắc thừa chữ nghĩa. Các ông sợ chữ nghĩa, chứ còn ta, chữ nghĩa thì nhằm nhò gì. Các ông gọi ta là "quỷ" thì ta cứ là quỷ. Các ông gọi ta là "kẻ thù" thì ta cứ là kẻ thù. Điều nực cười là các ông tìm cách tiêu diệt ta. Ông chẳng phải là người đầu tiên làm việc này đâu. Ta chỉ tự hỏi là cái trần gian này đột nhiên vắng mặt ta, thì thế nào nhỉ? Lúc đó, điều Thiện các ông chẳng biết để làm gì. Có khi nào ông nghĩ đến điều đó chưa, ông Giáo trưởng?

Vị Giáo trưởng định nói, nhưng cảm thấy đi tranh biện về chân lý với một con quỷ là điều lố bịch, nên Ngài hét lớn:

– Câm mồm, con ác quỷ. Mi phải chết.

Thế là cuộc chiến bắt đầu.

Tất nhiên, chúng ta không thể biết họ đã chiến đấu với nhau như thế nào, bằng khí giới gì. Vì đó không phải là hai cá thể hay hai thế lực nữa. Có lẽ đó là cuộc chiến giữa hai hình tượng, hai khái niệm.

Cuối cùng, có một bên bại trận.

Con quỷ nằm dưới đất, tả tơi, quằn quại, vật vã. Còn vị Giáo trưởng đứng thẳng, một chân dạp lên hình con quỷ, tay cầm thanh

kiếm sáng loáng. Khuôn mặt phúc hậu của Ngài không có gì mệt mỏi. Bằng một động tác kiên quyết, Ngài hướng mũi kiếm vào ngực con quỷ, đâm xuống với tấm lòng hân hoan vô hạn. Nhát kiếm này sẽ kết liễu điều Ác trên thế gian. Từ nay trở về sau, thế giới này sẽ chỉ còn điều tốt, điều hay. Thế giới này sẽ vĩnh viễn hạnh phúc.

Đột nhiên, con quỷ la lớn:

– Xin Ngài dừng tại lại.

Mũi kiếm chỉ còn cách trái tim của con quỷ vài ly thì đột ngột dừng lại. Ngài Giáo trưởng ấn kiếm vào ngực hắn, đợi xem trong những giờ phút cuối cùng, hắn sẽ dở trò gì ra nữa.

Con quỷ nói, giọng van vỉ, thống thiết:

– Thưa Ngài, con hoàn toàn biết tội của mình. Con thừa nhận là con đã gây ra bao tai họa cho con người. Con đáng tội chết, nhưng con xin Ngài tha cho con một lần.

– Không - Giọng vị Giáo trưởng danh thép.

– Ngài nhân từ, phúc hậu. Ngài là hào quang, là sự sống. Ngài là chân lý tuyệt vời. Con hứa con sẽ xin theo Ngài, con sẽ lột xác, sẽ tuyệt đối noi theo lời Ngài chỉ dạy.

– Không. Một con quỷ thì không thể làm điều thiện được.

Vị Giáo trưởng lại dơ kiếm lên. Giọng con quỷ lại càng thống thiết:

– Con xin thề là con chẳng muốn làm quỷ nữa. Ngài xem bây giờ con có còn là quỷ nữa đâu. Con chỉ là một sinh linh tội nghiệp, bé nhỏ trong tay Ngài. Ngài nỡ nào giết một kẻ đã bị Ngài dạp xuống dưới chân, một kẻ bây giờ hết sức ăn năn, hối lỗi, từng giờ từng phút muốn được tha thứ để đi theo Ngài.

Vị Giáo trưởng nhìn xuống. Quả như hắn nói, khuôn mặt hắn bây giờ trông hiền lành, thảm thương như khuôn mặt một tội nhân trên dàn hỏa thiêu. Nhưng không thể tin lời một con quỷ. Ngài lại ấn kiếm xuống.

– Ngài Giáo trưởng ơi - Giọng con quỷ ngọt và buồn thấm thía - Ngài nỡ nào giết con, tội nghiệp con.

Mũi kiếm lơi ra. Con quỷ nói tiếp:

– Hay con đề nghị thế này.

– Cái gì?

– Con xin Ngài hoãn giết con một thời gian ngắn, để con có thì giờ lột xác, tu tập.

– H... ừ... ừ... m.

– Ngài biết rõ là con chẳng trốn đi đâu được, Ngài muốn giết lúc nào thì giết. Con chỉ xin một cơ hội.

– H... ừ... ừ... m.

– Trước hết, con xin tự tu tập, làm điều tốt. Toàn bộ của cải mà con có được một cách bất chính, con xin giao lại cho Ngài và giáo phận. Xin Ngài cứ tự tiện dùng để cứu giúp những người khốn khó, để Ngài chăm lo đời sống cho tín hữu của Ngài.

– ...

– Ngài cứ cho con ra về, và hoàn toàn yên tâm rằng, kể từ nay trở đi, Ngài sẽ chỉ còn bận tâm một việc thờ phụng Đấng Tối Cao.

– ...

– Cứ mỗi buổi sáng khi thức dậy, Ngài lật gối lên, con để sẵn tài sản của con ở đó để Ngài tiện dùng. Xin Ngài lấy để chi dùng cho giáo phận. Tài sản của con bây giờ là tài sản của Ngài, của giáo phận. Con hứa với Ngài là con sẽ lần lượt trao hết cho Ngài và ngày đêm thành tâm sám hối. Xin Ngài rủ lòng thương mở cho con một lối thoát. Xin Ngài, xin Ngài...

Con quỷ quỳ gối, chắp hai tay hướng về vị Giáo trưởng, đôi mắt đầy ăn năn, hối lỗi. Khuôn mặt hắn càng lúc càng hiền hậu, đẹp đẽ.

Vị Giáo trưởng trầm ngâm, yên lặng.

Cuối cùng, Ngài cất kiếm, lặng lẽ thu xếp hành lý ra về.

*

Vị Giáo trưởng trở về.

Đêm đầu tiên, Ngài ngủ một giấc ngon lành. Sáng sớm, Ngài thức dậy với tâm hồn sảng khoái, thơ thới. Ngài đến trước chính điện đọc kinh. Đọc kinh xong, Ngài lâm râm cầu nguyện. Cầu nguyện cho tín đồ, cho giáo phận, cho điều Thiện, cho Ngài. Và lần này, Ngài cầu nguyện cho con quỷ, cầu hắn sớm lột xác để trở thành kẻ phục vụ cho điều Thiện.

Ngài trở về phòng, điều đầu tiên là lật gối thử. Vàng. Từng thỏi, từng thỏi óng ánh trông rất đẹp mắt. Lòng Ngài rộn ràng hẳn lên. Thế là con quỷ đã giữ lời hứa. Ngài lượm từng thỏi, gọi người đại

diện lên, giao toàn bộ số vàng cho ông ta để lo cứu giúp những gia đình nghèo khổ, đói khó.

Sáng hôm sau, vị Giáo trưởng lại lật gối lên và lấy vàng. Và cứ thế, mỗi buổi sáng, ngoài những việc thường lệ vẫn làm hằng bao nhiêu năm nay, vị Giáo trưởng còn thêm một việc đầy ý nghĩa, nếu không là có ý nghĩa nhất: lấy vàng và chi dụng cho mọi sinh hoạt của giáo phận. Đời sống của tín đồ ngày một khá hơn. Ngôi nhà nguyện ngày một lớn hơn, vĩ đại hơn, rực rỡ hơn. Sinh hoạt của vị Giáo trưởng ngày càng phong phú hơn, thú vị hơn. Mọi người thi đua nhau làm điều thiện, nói điều thiện. Cả giáo phận như chìm ngập trong không khí thánh thiện, hạnh phúc. Những buổi cầu kinh bớt dần, những lời cầu nguyện cũng bớt thành tâm, vì rút cuộc, người ta chẳng phải cầu xin một điều gì ở đấng tối cao nữa. Bóng dáng con ác quỷ như lùi hẳn vào quên lãng.

Một hôm, vị Giáo trưởng lật gối lên và không thấy những thỏi vàng như thường lệ. Ngài lục lọi khắp trên giường, chiếu. Cũng không có gì. Mở hộc tủ. Không có gì. Ngài ngồi xuống trầm ngâm suy nghĩ. Tại sao? Con quỷ đã phản bội lời hứa? Đã trở chứng? Hay là hắn quên? Thôi thì để ngày mai xem thử.

Sáng hôm sau, thức dậy, chưa đi làm lễ sáng, Ngài đã lật gối. Chẳng có gì. Ngài đọc kinh trong một tâm trạng bối rối vô hạn. Khi trở về phòng, Ngài lật gối một lần nữa. Lại chẳng có gì. Suốt ngày hôm đó, Ngài ở luôn trong phòng. Thỉnh thoảng Ngài lại đến lật gối. Vô ích. Gối chăn lạnh lùng, câm nín. Những thỏi vàng óng ánh vắng mặt.

Những ngày kế tiếp cũng thế. Dưới gối không hề có vàng. Vị Giáo trưởng từ chỗ bối rối, buồn rầu đến trở nên giận dữ. Ngài bỏ luôn mấy lượt lễ. Thế là con quỷ đã lừa phỉnh Ngài. Đúng là không thể tin vào lời hứa một con quỷ!

Qua một đêm trằn trọc, thao thức, Ngài quyết định lên đường đi tìm lại con quỷ. Và buổi sáng hôm đó, trong lúc mọi người đang yên giấc, Ngài ra đi. Trái với lần trước, lần này, Ngài lặng lẽ ra đi, không dặn dò tín hữu, không chuẩn bị, và không cả cầu nguyện.

Sau một cuộc hành trình vất vả, Ngài đến nơi ở của con quỷ. Nhưng con quỷ đi vắng. Ngài tiếp tục đi tìm. Con quỷ vẫn bặt tăm.

Một hôm, khi đi ngang thị trấn, Ngài đang định đi tìm một nơi

tá túc qua đêm, thì bỗng Ngài nghe một tiếng cười rang rảng phát ra từ tửu điếm. Ngài giựt mình, dừng lại và nhận ra ngay tiếng cười quen thuộc của con quỷ. Ngài lầm bầm "mày chạy đâu thoát khỏi tay ta".

Ngài đến trước tửu điếm nhìn vào. Một bọn khá đông, cả người lẫn quỷ, đang ăn nhậu. Chúng nâng chén, chúng khề khà, chúng nhai nhồm nhoàm, chúng cười, chúng hát. Vị Giáo trưởng giận dữ bước vào. Chúng vẫn tiếp tục nhậu. Mùi rượu và mùi đồ ăn bốc lên nồng nặc. Con ác quỷ, mặt đỏ gay, nốc cả ly rượu lớn rồi cười hô hố, đầy khoái cảm. Chính giọng cười đó khiến vị Giáo trưởng nhận ra hắn, dù hắn đang mang khuôn mặt đẹp trai của một thanh niên. Ngài bước tới bàn. Bọn chúng vẫn nhậu. Không còn kiên nhẫn được nữa, Ngài rút gươm, chỉ vào mặt con quỷ, hét lớn:

– Con quỷ kia, mày phải chết.

Lúc bấy giờ, cả bọn mới hoảng hốt, bỏ chạy tán loạn. Chỉ còn con quỷ. Miệng hắn ngồm ngoàm thức ăn. Có lẽ hắn đang nhai một cục xương hay miếng gân gì đó. Một cọng rau còn ngo ngoe bên mép. Khuôn mặt thì rất người, nhưng Ngài - và chỉ có Ngài - mới nhận thấy những nét quỷ ẩn giấu đằng sau. Hắn cười:

– Ông còn đến đây làm gì? Nhà cao, cửa đẹp, tín đồ giàu có, sung sướng rồi, ông muốn gì nữa?

– Ta những tưởng mi cải tà quy chánh, hướng về điều Thiện. Không ngờ mi đã thói nào tật ấy, trở về đường cũ, lừa dối cả ta. Giờ thì chẳng còn gì để nói nữa. Ta đến để kết liễu đời mi.

Con quỷ cười:

– Tùy ông vậy.

Lại chiến đấu.

Cuối cùng có một bên bại trận.

Vị Giáo trưởng nằm dưới đất, mặt mày nhem nhuốc, quần áo tả tơi. Con quỷ đứng thẳng, tay cầm kiếm, nhìn lên trời, cười ha hả. Bầu trời như tối sầm lại. Thoang thoảng trong không gian có mùi tử khí. Một lát, hắn nhìn vị Giáo trưởng, nói:

– Ông có điều gì muốn nói nữa không, hỡi kẻ đại diện cho điều Thiện.

Vị Giáo trưởng thều thào:

– Mi giết ta, nhưng mi đừng lầm tưởng mi đã tiêu diệt được điều Thiện. Điều Thiện là duy nhất, là bất khả xâm phạm.

– Ông lầm rồi. Ta có hề muốn tiêu diệt điều Thiện đâu.

Vị Giáo trưởng nhổm người dậy, hỏi:

– Thôi tùy mi. Ta không van xin, năn nỉ đâu. Điều cuối cùng ta muốn hỏi mi là tại sao lần trước mi yếu, mà bây giờ lại mạnh thế?

Con quỷ nói:

– *Ta chẳng mạnh thêm đâu. Nhưng có lẽ tấm lòng ông đã khác.* Trước đây, ông đi diệt con quỷ. Bây giờ, ông đi... đòi vàng. Có phải vậy không, thưa ông Giáo trưởng?

Im lặng rất lâu. Cuối cùng, hình như vị Giáo trưởng gật đầu.

Con quỷ nâng thanh gươm lên.

Chẳng biết con quỷ có đâm vào trái tim vị Giáo trưởng không. Nhưng sau đó, người ta nghe hắn cười, một tiếng cười rất cổ tích, rất quỷ, và cũng rất người.

Âm vang của nó đọng lại cả nghìu năm.

Huế 4-91

Trần Doãn Nho

TRẦN HỒNG CHÂU

hành lộ nan

Ngũ niên khách địa hựu phùng quân
Hồng trang y cựu cánh nịch nhân
Minh châu nhất tiếu dữ thùy tặng
Giang đầu phong khởi hành lộ nan

Tạm dịch:
Đất khách năm năm lại gặp người
Hồng nhan say đắm vẫn như xưa
Nụ cười châu ngọc về ai nhỉ
Sông thu gió lộng khó lên đường!

LUÂN HOÁN

quấy bạn hè 93

1. Lưu Trọng Hồ, Ottawa
Toan trở về suông với chiều vàng
tiếc công, khe cửa nhắn đôi hàng
bất ngờ dược sĩ đi trờ tới
dẫn độ về thăm mì Quảng Nam.

2. Trần Hoài Thư, Plainfield N.J.
Nắng sót một chùm trên tóc khô
mà thơm nguyên cả thuở giang hồ
dang tay ôm lại tình huynh đệ
quí Sách, nằm quên nghĩ đến thơ.

3. Vĩnh Điện, Baltimore Maryland
Lại diện kiến nhau, ông H.O.
đàn đâu? bỏ mất cả ba lô?
Trăng rằm? Không phải, trăng chưa mọc
thoảng sáng một thời nhạc với thơ.

4. Dinh Cường, Annadale Virginia
Phu mỏ Than vào đúng mỏ Than
Sóc theo chân chủ vội dọn bàn
Chim, Hoa, Thục nữ nằm quanh vách
cùng thở thơm lừng nỗi bi quan

5. Phó Ngọc Văn, Virginia
Uống ké một hơi, cốc bia ngon
quán trưa đông khách mà cô đơn
nhìn chưa rõ bạn, còn say nắng
giữ kịp trong lòng tiếng cảm ơn.

6. Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Virginia
Vắng bạn, bạo gan, tôi ưu tiên
đứng bên người đẹp, tập cười duyên
mai sau đời thấy tôi trong ảnh
tươi rói như là cỏ tháng Giêng.

7. Cát, Virginia Beach
Sáng dập vào tim, thân đứng trơ
hồn theo nắng gió chạy quanh, mơ
rừng mình toan nhảy chồm ôm biển
rơi tõm tôi vào hương ấu thơ.

CHÂN PHƯƠNG

tự họa, một

tên tấm da ngày đêm
lãng quên xâm đen những cánh chim

bãi vắng đòi hôn lễ
hoang đảo bắt nộp trái tim

bập bềnh giữa dòng nước xoáy
con mắt không chiều kích

ai sẽ trích dẫn tấm gương?
ai tra cứu nệm giường?

biển xóa mọi ẩn dụ về mình trên cát lạnh.

tự họa, hai

tháng bảy lấp vài trái tim
vòng tay trôi theo tháng tám

cogito lối mòn ngập lá
tathagata dòng nước đóng băng

nhét đôi môi vào bao thuốc rỗng
châm diêm đốt hư không

ôm ghi ta
song ca cùng vỏ ốc.

CỔ NGỮ

giấc ngủ của mặt trời

"le soleil des vivants n'échauffe plus les morts"
Alphonse de Lamartine

Chiều đã xuống thật dầy. những bóng thập tự ngã chồng lên những bóng chữ vạn lệch lạc, rồi tan lẫn vào khối dậm màu của từng hàng bia mộ đang nhòe dần trên nền đất đỏ nhờ nhờ. Bao nhiêu náo động, ồn ào, hỉ, nộ, ái, ố, tình, tiền, tù, tội của xã hội loài người dường như dừng cả lại ngoài kia, dường như bị chặn đứng lại bởi bức tường gạch thấp lè tè. xám rêu mốc, nhưng chiều cao vô hình của nó có lẽ ngất ngưởng tận trời xanh. Vô hình và hữu hình. Có phải vì cuộc đời trần tục quá nặng nề uên người ta mơ tưởng đến một thế giới bên kia siêu thoát và thanh thản hơu không? Cou người thường thích đắm mình vào nhữug cõi không tưởug, những diều giả tưởng để quên đi nỗi phiền muộn hằng ngày.

Còn ở đây, tất cả là sự thật. Chân chất của đất và đá. Của cỏ và hoa. Có còn gì để lừa dối nhau, để hằn thù nhau, để hãm hại nhau? Không một người hàng xóm nào làm bực mình những người chung quanh bằng con mắt tò mò, bằng miệng lưỡi to nhỏ, bằng diệu uhạc kích động, hay tệ hơn nữa, bằng tiếng cãi cọ om xòm. Ở đây là yên lặng. Một thành phố mà trên mỗi con dường không có tiếng còi inh ỏi, tiếng rao hàng, tiếng bánh xe thắng rởn óc, tiếng gầm rú của muôn loại động cơ, tiếng lào xào của trăm nghìn giọng nói. Một thành phố mà trong mỗi ngôi nhà không có đèn diệu hay đèn dầu, không có truyền hình, ra di ô, tủ lạnh... Con người sau khi nhắm mắt sao mà giản dị thế, không màng món ngon vật lạ, chẳng thèm mốt nọ mốt kia, quên cả sách vở, báo chí, thậm chí quên cả giành giật dưỡng khí với đồng loại chung quanh! Chỉ còn là một giấc ngủ dài,

một giấc ngủ không môi hôn nào có tài phép để đánh thức dậy được, giấc ngủ muôn đời giữa chiếc nôi gỗ ngột ngạt, trong điệu ru ma quái của cỏ cây, của côn trùng và ếch nhái...

Có đúng vậy không Hảo? Mày sẽ nghĩ gì khi tao, một người sống đứng giữa thế giới người chết để suy nghĩ vẩn vơ về những điều không bao giờ tao có thể xác minh được, trừ phi tao cũng sẽ như mày, nằm xuống yên lặng dưới ba thước đất. Dường như mỗi câu tao dành để hỏi mày bây giờ đều đã ẩn chứa sẵn trong đó một tiếng trả lời. Cuộc đời là một chuỗi những câu hỏi và câu trả lời vô tận. Đứa bé sợ sệt đặt trăm ngàn dấu hỏi to tướng trước cuộc đời bao la. Người già lo lắng chọn câu trả lời thỏa đáng về một cõi vô minh nào đó đằng sau giấc ngủ nghìn thu. Câu hỏi của tao dành cho mày, câu hỏi của một thằng đàn ông đang bước vào tuổi ba mươi dành cho một thằng thanh niên chết yểu ở tuổi hai mươi. Mày sẽ trẻ mãi không già, có đúng vậy không Hảo, Hảo gàn? Bây giờ có lẽ tao hiểu mày nhiều hơn lúc tụi mình còn ngồi chung một lớp, mày có triết lý sống của mày, Hảo gàn ạ. Tao nhớ trong một giờ chính trị năm học tú tài, cả lớp chia làm hai phe duy tâm và duy vật, còn mày đứng giữa, xoa tay cười khì:

– Tôi chẳng theo phe nào cả, những thằng duy vật không có trái tim và những thằng duy tâm thiếu khối óc, còn tôi, tôi vừa muốn làm thơ vừa muốn lái máy cày!

Mày dám thách thức cả mấy mươi đứa bạn cùng lớp, cả bà giáo dạy chính trị có mấy chục tuổi đảng. Mày dám thách thức cả Đức Giáo Hoàng lẫn Lê Nin, Các Mác, thằng bạo phổi! Và từ đó mày mang cái hỗn danh Hảo gàn. Đối với Lập, một đứa tin sự hiện hữu của Thiên Chúa hiển nhiên như thiên hạ tin một với một là hai, đối với tao, một đứa chỉ biết đặt hy vọng vào đôi tay và khối óc, mày là một thằng nổi loạn, khác đời. Nhưng cũng may là cái tầm nhìn hẹp hòi của nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan gì gì đó trong mỗi thằng không làm đứt đi sợi dây bằng hữu. Và bây giờ, hơn mười năm sau, tao mơ hồ cảm nhận mỗi con người đã được định sẵn một số mệnh khi bước vào đời, còn ở đất Pháp, thằng Lập đã biết thế nào là giá trị của vật chất, của đời sống bon chen, của quy luật đấu tranh để sinh tồn. Hai cực của thanh nam châm đã chập lại để chia sớt

điện tích cho nhau, và mày ở giữa, là vành bán nguyệt của cái thanh nam châm hình chữ U đó, Hảo gàn ạ!

Mày sẽ mãi mãi sống trong kỷ niệm của tụi tao. Mày là kỷ niệm của tụi tao, một thằng bạn cao cao, gầy gầy, trầm ngâm triết lý nhưng cũng phá ngầm không kém gì ai. Bây giờ thì mỗi đứa một nơi. Mày ở gần tao nhất mà cũng là xa tao nhất. Mày nằm đây, trên mảnh đất mày đã sinh ra và lớn lên, nhưng những hơi thở cuối cùng của mày lại tắt đi ở bên kia biên giới. Tên của mày làm dài thêm danh sách những thằng tuổi trẻ ngã xuống trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa, một cuộc chiến tranh làm hoen ố thêm trang sử mười mấy năm của nước Việt Nam hiện đại vốn đã đầy máu, nước mắt, nhục nhằn và tủi hận. Nhưng tao cũng tạm hài lòng giùm mày, khi ít ra, mộ của mày cũng nằm đây, bình thường như bao ngôi mộ khác, trong một "nghĩa trang nhân dân" cũng bình thường như bao nghĩa trang khác, không bị giăng mắc bằng những câu khẩu hiệu rỗng tuyếch, vô duyên...

Bình Minh đang thắp lên mấy nén nhang. Gần mười năm nay, Bình Minh để tang mày bằng quần đen và áo trắng. Dáng của Bình Minh co ro quả phụ, như mẹ mày, như chị Hai tao, như tất cả những người đàn bà có chồng chết trận trong bất kỳ một cuộc chiến tranh nào. Mày còn nhớ khôug, trong một bài hát nào đó, Trịnh Công Sơn đã vẽ nên hình ảnh người quả phụ tuyệt đẹp:

Em đi qua cầu
Có gió bay theo
Thổi bùng khăn tang
Trắng giữa khung chiều...

Người quả phụ ngoài đời lam lũ, giản dị hơn nhiều. Bình Minh để tang mày trong tim, trong óc, dâu cần một giải khăn sô. Và tao yêu Bình Minh vì Bình Minh yêu mày, chung thủy với mày, Hảo gàn ạ. Ngày trước, khi mày hôn Bình Minh, khi tao ôm Trinh vào lòng và Lập quấn quít bên cạnh Bạch Hạc, có đứa nào nghĩ đến ngày hôm nay, khi tao muốn tỏ tình với Bình Minh trước mộ mày, trước mặt mày. Bờ vai của Bình Minh mảnh mai quá, nhưng lại là bờ vai con gái mềm mại mà tao cần có để che chở và vuốt ve. Cho phép tai, Hảo nhé...

*

Mạnh vừa đặt tay lên vai em. Đôi bàn tay khi nãy đã lật đất để trồng cho anh mấy dây hoa mười giờ, có hình dáng và màu sắc của một đóa tầm xuân nhưng lại lê la trườn mình sát đất. Chỉ cần ánh sáng, một chút đất và nước, một thân mười giờ không rễ, không hạt cũng sẽ đâm nhánh, trổ hoa. Giản dị như anh vậy, như cuộc sống và suy nghĩ của anh, sự giản dị của cây cỏ, của khí trời và mưa nắng. Em yêu anh vì sự giản dị đó, mà không phải một người con trai nào cũng có được, khi ở cái tuổi mười tám, thích làm người hùng, thích đi chinh phục, thích nhìn hào quang của mình lấp lánh phản chiếu trên những đôi mắt đen tròn của bầy con gái chung quanh. Và bây giờ, ngôi mộ của anh, chiếc giường và mái nhà cuối cùng của anh cũng giản dị, cái giản dị nghèo túng, thanh bạch của một gia đình đông con với một người mẹ tảo tần buôn bán. Chỉ có những bông hoa của Mạnh và em đem đến là cầu kỳ thôi. Nhưng rồi chúng cũng tàn héo đi, chỉ còn lại những dây mười giờ là bén rễ bên cạnh anh... Anh có lạnh lắm không anh? Thẻ hương em đem đến vừa hết, chỉ còn đúng ba nén hương cuối cùng sưởi ấm cho anh thôi. Em vẫn có thói quen thắp hương cho cả những ngôi mộ chung quanh mỗi lần đến thăm anh, vì em nhớ anh vẫn thích chia sẻ mà, phải không anh?

Mạnh vẫn để yên tay trên vai em, ở vị trí mà một lần nào đó, tay anh đã đặt lên rồi lướt dọc theo cổ và tặng em nụ hôn đầu tiên của anh. Nụ hôn đầu tiên của em. Nụ hôn học trò có dư vị của giấy mực và phấn bảng. Còn nụ hôn cuối cùng lại phảng phất mùi chiến tranh và tang tóc. Anh ra đi với nụ cười nhẫn nại chịu đựng trên môi, và anh trở về, liệm kín trong quan tài gỗ tạp. Em còn nghe như đâu đây có tiếng gào của mẹ, tiếng nấc nghẹn của Lập, tiếng nghiến răng của Mạnh và những tiếng thút thít chung quanh em của Diệu, Trinh, của Bạch Hạc. Còn em chỉ biết lảm nhảm gọi tên anh đến lạc cả giọng, những kể lể không đầu không đuôi, không ý không tứ, như chỉ để dành riêng cho một mình anh hiểu mà thôi. Từ ngày đó đến nay, bao nhiêu năm đã trôi qua, vậy mà những hình ảnh tang tóc ấy vẫn cứ bám chặt lấy tâm trí em cũng như những nụ hôn của anh vẫn phảng phất đâu đây, lướt qua môi em theo từng cơn gió... Có lần, Trinh nói với em:

– Tao biết mày vẫn còn yêu Hảo gàn, nhưng chẳng lẽ mày luẩn quẩn hoài bên mộ Hảo đến tàn đời hay sao?

Câu nói đó xoáy thẳng vào óc em, làm em choáng váng, và, nếu không cầm lòng được, lúc đó chắc em đã tát cho Trinh một cái nên thân. Nhưng dần dà, em thấy Trinh có cái lý của nó, cái lý lẽ của một đứa con gái lúc nào cũng chạy theo vật chất, với một bề ngoài lộng lẫy nhưng tâm hồn lại trống rỗng và chai đá. Rồi Mạnh xuất hiện trong tâm tưởng em từ lúc nào, em cũng không rõ. Hình ảnh của Mạnh, bên cạnh hình ảnh của anh, càng lúc càng rõ nét và sống động hơn. Nhiều lúc em cảm thấy lương tâm cắn rứt, em cảm thấy có lỗi với anh, với tình yêu của chúng mình, với sự chung thủy của em. Nhưng rồi em cũng hiểu cuộc đời cũng tựa như dòng sông, và những con thuyền nhỏ nhoi lênh đênh trên đó không thể nào đứng yên hay chống chọi ngược dòng được. Mạnh và em đều cần người an ủi, cần một mái ấm riêng, và anh, có lẽ lại chính là sợi tơ hồng ràng buộc Mạnh và em lại với nhau, để em cảm thấy ấm áp hơn khi có Mạnh đứng cạnh đây, che chắn từng luồng gió lạnh ùa về từ từ phía của nghĩa trang mênh mông, hoang vắng này...

Em về, nghe anh. Bàn tay em đang nằm gọn trong bàn tay Mạnh, yên ổn và tin tưởng. Em có cảm giác tình yêu từ trái tim Mạnh đang chuyền theo những mạch đập để hòa lẫn vào từng giọt máu trong thân thể em. Mong sao bàn tay Mạnh sẽ nâng đỡ em vượt qua những chông gai, chướng ngại trên suốt đoạn đường còn lại của cuộc đời, bàn tay đã bắt chặt lấy tay anh ngày nào, và giờ đây, vẫn còn hăng hắc mùi nhựa cây mười giờ vừa trồng khi nãy. Ngủ đi anh nhé. Ngày mai, những bông mười giờ sẽ nở, như những mặt trời tí hon rực rỡ sưởi ấm chỗ anh nằm, tô điểm cho ngôi nhà của anh...

Bình Minh ngước nhìn Mạnh. Hình như trong đôi mắt Mạnh đang thấp thoáng hình ảnh một thanh niên cao, gầy với khuôn mặt trầm ngâm, tư lự. Rồi hình ảnh ấy nhòa đi để thay vào bằng đôi mắt to buồn của Bình Minh, long lanh phản chiếu ánh đèn đường vàng vọt. Họ nép vào nhau, bước chậm, và tiếng chân họ như những tiếng động cuối cùng vang vang nhỏ dần trên vùng đất đã ngập tràn yên lặng.

Dường như đâu đó, đêm thầm nở một nụ cười...

Cổ Ngư

NGUYÊN SƠN

từ tà áo em

Tà áo em bay
Trong chiều lộng gió
Mùa thu hững hờ
Khép nép ngoài hiên
Con đường không tên buồn hiu hàng cọ
Rũ xác thân gầy theo bước chân em
Tà áo em xanh
Che trời ngọc biếc
Và tôi nửa ngờ
Xếp lá vàng bay
Nơi bờ mi ngoan chiều xa vời vợi,
Tuổi chưa biết buồn thôi đã sang trang
Từ tà áo em, bay lên mùa thu
Trong khuôn viên trường xào xạc bước chân
Xôn xao hàng me nỗi lòng cây cỏ
Tôi, gã si tình, đi trong hoang vu
Từ tà áo em,
thênh thang đường mây
Lênh đênh trên đường lạc loài có hay
Nghe câu đồng dao giữa mùa thu tới
Em vẫn vô tình, nên tôi lang thang
Tà áo em bay
Hương ngàn nội cỏ
Cho tôi thẫn thờ,
Viết mấy tình thư
Đêm dường như nghe mùa thu tình tự
ở sau cổng trường tối đứng tương tư.

HÀN SONG TƯỜNG

Giải Như Chi

tháng chạp

Như cơn gió
Còn gì mà giữ
Như cánh chim
Chẳng ngại đường xa
Tháng Chạp đến - một lần mê thiếp
Sầu thương xưa còn một chút tình ngờ
Đừng bay nữa
Cánh chim in mặt nước
Với hàng cây
Lá đã lìa cành
Tháng Chạp vô tình
Lá vẫn rơi mau
Quấn quít mãi - bước chân qua tội nghiệp
Em cứ thở - bằng gió mùa heo hút
bằng phù du
bằng câu nói của ai
Đời chia phôi
Một nửa cho người
Nửa thầm kín trong tim em sống sót

Uống cạn hết từng hạt mưa tháng Chạp
Tháng xanh xao trên dấu tích người
Cuối năm em về
Mặt đất tinh khôi
Trần thế đó
mà người chẳng biết
Như mãi mãi
Vì sao để nhớ
Để lãng quên
Để ai đó của em
Để mà chi
Cánh gió... chim ngàn
Như giấc mộng
Thổi qua cơn hồng thủy
Cánh cửa hẹp - người về chia chác
Tháng Chạp gần - gần một dải tay
Bình minh tàn
Hoàng hôn tím phương xa
Người có thử một chuyến đi biệt xứ
Người có biết - mặt hồ in bóng nhạn
Cánh chim giăng - để gió cuốn đi
Cuốn cả em đi - cuốn cả lá đi
Đường xa tắp - cánh chim lăn trong gió
Đường mưa bụi - nghe mưa say mướt
Mặt hồ xưa - cùng bóng dáng em
Để một lần chợt đến rồi quên.

HOÀNG CHÍNH

tên trộm

1–

– Có hy vọng gì không?

– Mẹ muốn nói hy vọng cái gì?

Như đã chuẩn bị sẵn câu trả lời, bà mẹ vừa mở nắp vung nồi cơm vừa nói:

– Thì ra trường, được về làm ở Sài Gòn - Bà dịu giọng - rán phấn đấu đi con ơi; ở Sài Gòn thì còn chạy chọt được mà sống qua ngày, đi xa thì chỉ có mà chết đói.

Hấn dâm bực mình, gắt:

– Trời ơi, nhà mình có ai là liệt sĩ đâu mà mẹ dòi hỏi.

Thiệt tình. Bà già riết rồi cũng dâm ra lẩm cẩm. Hấn nghĩ thầm, ông gì thì hồi đó làm việc ở chế độ cũ. Hấn hình dung cái ông lính già ngay thật, tới giờ chót còn cố tuân hành lệnh cấp chỉ huy tối cao, chờ trong đơn vị để "bàn gia trong vòng trật tự" với những người anh em chiến thắng. Tại sao bố ngay thật đến thế không biết. Lúc ấy, phải như bố bỏ đại mấy cái hồ sơ, mấy cái món quân trang, quân dụng gì gì đấy mà chạy về nhà đưa vợ con ra bến tàu, có phải là thức thời không. Nghĩ mà chán. Bố là dân theo Tây học mà cũng quân tử chẳng khác gì ông cố, cái thời còn làm cụ đồ Nho tối ngày cứ quân, sư, phụ, và tam tòng tứ đức như con vẫn được nghe bố kể...

– Mày rõ thật thà như đếm!

Bà mẹ chép miệng, phàn nàn. Bà ơi là bà. Phải chi mà hồi đó bà cho mấy con nhỏ em con nó đi giao liêu này nọ, thì giờ này đâu đến nỗi. Bà thì chỉ biết có nấu nướng với vá may mà thôi. Hấn cay đắng nghĩ thầm, nhưng không dám nói ra. Có gì sai trái với chuyện một người đàn bà chỉ biết nấu nướng với may vá cơ chứ. Đó chẳng phải là mẫu người vợ, người mẹ lý tưởng đó sao? Chính hấn, đôi khi cũng mơ ước có một người vợ giỏi giang trong việc nội trợ. Nhưng mà có cái gì không ổn. Xã hội và gia đình bây giờ cần thêm những

bàn tay lao động, và bớt đi những cái miệng chỉ biết ăn uống và phát biểu linh tinh.

Không đọc được những ý nghĩ trong đầu thằng con trai cả, bà mẹ vẫn dài dòng kể lể bằng giọng nhừa nhựa:

– Ở trong trường, cũng cố mà sinh hoạt với người ta, cho khỏi bị đánh giá là còn lưu luyến chế độ cũ.

Chế độ cũ và chế độ mới thì có khác gì nhau. Hắn vừa nhìn lướt qua những món ăn (có đáng gọi là những món ăn hay không, không biết nữa?) bầy trên cái mâm vênh vẹo, trầy trụa, vừa cay đắng nghĩ thầm. Mẹ ơi, sao mà hết trứng vịt luộc tới trứng vịt chiên không mỡ thế này không biết. Ừ, hẳn cũng có chút khác biệt giữa ngày xưa với bây giờ. Nếu có chút trí nhớ chỉ cần nhìn lướt qua mâm cơm, là thấy ngay sự khác biệt. Hắn nói, mắt không nhìn mẹ:

– Mẹ mặc cảm quá!

Bà mẹ đang xới cơm, chợt ngưng tay lại.

– Hả?

Hắn cười mỉm:

– Mẹ mặc cảm thua trận.

Bà mẹ lại tiếp tục cái động tác dở dang, xới cơm ra ba cái bát sành sứt mẻ:

– Cha mày! Giọng bà dịu xuống - Tao thời nào thì cũng là "nhân dân" thôi, mặc cảm làm gì cho mệt xác - Bà trở lại với câu chuyện dở dang mà thằng con cứng đầu cứ mưu toan cắt ngang - *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài* con ạ.

Trời đất! Bây giờ bà già lại viện dẫn cả ca dao, tục ngữ ra để dạy con nữa. Mẹ lẩm cẩm mất rồi. Càng về già, mẹ lại càng ưa nói nhiều; hèn chi mấy con nhỏ em hết dám ngồi ăn chung cơm với mẹ. Lũ em gái thường ăn cơm trước, vì tụi nó còn bận đủ thứ công việc - cả riêng lẫn chung - để vừa trở thành đứa con gái mẫu mực của gia đình và dòng họ, vừa trở thành mẫu người vừa hồng vừa chuyên thời thượng của đất nước. Hắn với tay chan thêm chút nước mắm vào bát cơm lổn nhổn những khoai với sắn, lan man nghĩ tiếp. Tụi nhỏ ăn cơm trước có thể vì mẹ muốn nhường món trứng vịt luộc cho thằng con trai đầu lòng; thằng con có nhiệm vụ nối dõi tông đường ('Rõ

khéo vớ vẩn; tông với dường gì cái thời buổi đảo điên này!'), hay chỉ tại tụi nhỏ ngán nghe mẹ viện dẫn ca dao tục ngữ?

Ông bố lặng lẽ chan nước mắm vào chén cơm của ông. Những cử động của ông già ngập ngừng, như vướng mắc những ngại ngần áy náy, băn khoăn. Hấn liếc nhìn bố:

– Ăn trứng vịt đi bố, còn nhiều mà, đừng nhường cho con.

– Ừ - ông già lừng khừng - thì bố vẫn ăn đấy chứ.

Bố lại nói dối cho con yên lòng đấy ư? Trong tất cả những bữa ăn chung bấy lâu nay, có bao giờ thấy bố gắp thức ăn đâu. Mà cả con cũng nói dối nữa. Có mỗi một cái trứng vịt luộc thì nhiều thế nào được cơ chứ! Riết rồi đời sống này toàn những thứ giả: lời nói, cử chỉ... Ngay cả cái món gọi là nước mắm kia cũng giả tuốt. Sao không gọi là nước muối cho trung thực. (Rõ chán, mấy con nhỏ em không nên thân này! Trước khi pha, phải giã muối hột cho vụn ra. Để nguyên hột muối lổn nhổn thế này thì còn ra cái thể thống gì!)

Bà mẹ nhất định không chịu lạc đề:

– Còn việc học hành thì thời buổi này cũng có khó khăn đấy, nhưng cố gắng; *có công mài sắt* thì cũng *có ngày phải* nên kim.

Hấn đưa tay xua một con ruồi đang lởn vởn bay phía trên đĩa trứng vịt luộc. Cái trứng vịt đã được cắt đôi ra, một ửa dầm nát vào nước mắm, rữa ra cái màu vàng đục, nửa kia nằm trơ trọi trên đĩa, như ngọn đồi trọc duy nhất nhô lên trên vùng đồng bằng trơ trọi. Đĩa rau muống kế bên xanh thẫm như một dám rừng già khẳng khiu cây lá. Con ruồi mắc dịch này mắc mớ chi cứ chọn đĩa trứng vịt luộc mà lượn qua lượn lại. Hấn lầm bầm rủa:

– Cái con ruồi khốn kiếp này!

Bà mẹ cười mím chi, ví von bóng bẩy:

– Cái giống ruồi, thời nào cũng có!

Hấu quay nhìn mẹ, nheo mắt:

– Mẹ sâu sắc cứ như một triết gia.

Bà mẹ đang gắp cọng rau muống, chấm vài đĩa nước mắm, chợt ngưng hẳn mọi động tác, để ném ra một câu trả lời ngắn, gọn:

– Bố mày là triết gia chứ ai - Nói xong, bà gắp cọng rau vào bát cơm mình, hỉ hả nói tiếp - Tối ngày ông ấy cứ trầm ngâm. Tẩm ngẩm, tầm ngầm; người ta bảo "*tầm ngầm chết voi*" còn bố mày thì chẳng

những không giết được thứ gì mà còn toàn bị người ta giết. - Bà và mếng cơm vào miệng, nhai một cái, rồi nhồm nhoàm nói tiếp - Thời buổi này mà ông ấy cứ đạo thánh hiền...

Mẹ khó tính quá, hay mẹ đã lẩm cẩm mất rồi, hấn nghĩ. Bố cũng phấn đấu, vất vả lắm chứ. Ngày xưa, một mình bố chẳng nuôi được cả nhà là gì? Bây giờ đâu phải tại bố. Ngày xưa, bằng tuổi con, bố đã có một mái gia đình riêng để trông nom, vun quén. Còn con của mẹ bây giờ, phấn đấu biết bao nhiêu với con nhỏ bạn gái mà vẫn không thể nào "*giành lấy chính quyền về tay nhân dân*" được. (Cái bài hát "*Xuống đường*" này nghe cũng hay quá chứ!). Sao mẹ không thấy được những khó khăn ngoài khả năng giải quyết của con người.

Ông bố đang lầm lì nhai cơm, chợt cắn phải hòn sạn, phát ra một tiếng "cạch" khô khan. Ông ngưng nhai, nhăn mặt, làm những vết nhăn hằn xuống và đậm nét, như những nét vẽ sậm màu trên một chiếc mặt nạ cũ:

– Cha nó, cơm với gạo gì mà toàn đá với sỏi!

Ông buông đũa, nhả miếng cơm xuống mâm, luồn ngón tay vào trong miệng, lay lay chiếc răng hẳn đang ê ẩm vì hòn sạn.

– Có sao không?

Bà vợ ân cần hỏi. Hấn nhìn bố ái ngại, nhưng không biết nói gì. Hấn vốn ít nói, tới độ lầm lì. Trong nhà, hấn là đứa trẻ ít nói nhất. Trong tổ, trong lớp, hấn là người chỉ mở miệng khi bắt buộc phải phát biểu.

– Cơm gạo kiểu này dám có ngày gẫy cha nó hết răng.

Bà mẹ liếc nhìn thằng con trai:

– Gạo thằng Vinh lãnh ở trường về đấy!

Tự nhiên, hấn dâm ra bực mình. Hấn muốn ném ra vài câu để bênh vực cái món gạo chế độ mà hấn được phát mỗi hai tuần ở trường. Nhưng sự chán nản làm cho những ý nghĩ vướng lại trong cuống họng. Bà ơi là bà! Gạo ân sủng đấy, ở đó mà chê. Không có nó thì biết trộn cái mớ khoai mì - mà không củ nào là không bị hư, bị sâu mà bà mua ở cửa hàng lương thực - vào cái gì mà nấu đây!

Cái im lặng nặng nề lại ập xuống. Vinh nghe được cả tiếng vù vù dập cánh của con ruồi đen đúa. Và nốt miếng cơm cuối cùng vào trong miệng, ông bố vừa thận trọng nhai, vừa chậm rãi:

– Con đi học cũng rán để ý xem ở đâu có việc gì để bố có thể làm được, nhớ về cho bố biết liền.

Ơ, thì ra lại cái câu nói công thức mà bố vẫn nói mỗi ngày, trong bữa ăn chiều, khi bố có được cái hạnh phúc ngồi bên vợ và thằng con trai hai mươi bốn tuổi đầu nửa thầy nửa thợ, vô tích sự. Tội nghiệp ông già! Bố làm con áy náy. Ngày xưa bằng tuổi con, bố đã nuôi được ông bà nội một cách thoải mái. Mà hồi đó, bố cũng chỉ là ông lính quèn thôi, chứ có phải quan quyền gì đâu. Còn con bây giờ, con là trí thức xã hội chủ nghĩa. *Trí thức không bằng đống phân trâu*, cha nội nào đó nói cũng đúng quá đó chứ. Con chán con quá. Mẹ nó, một hột sạn! Bà già chê cũng phải. Cơm với gạo gì toàn đá với sỏi. Hay là trong lúc đùng sức người để biến sỏi đá thành cơm, người ta không lao động hết năng xuất, để còn sót lại ít nhiều sỏi, đá?

– Bị sạn nữa đấy à?

Bà mẹ hỏi. Hàm răng ê ẩm làm hắn dâm quạu, nhưng cũng rán tử tế với mẹ:

– Vâng, hòn sạn lớn hơn hạt gạo.

Ông bố đã buông chén đũa, đang chống tay, nhổm người đứng dậy, cũng ném cho hắn cái nhìn ái ngại:

– Ừ, nhai cẩn thận, chứ không lại gẫy hết răng đấy.

– Vâng. Hắn đưa lưỡi lùa búng cơm cho câu trả lời gượng gạo lọt ra khỏi cửa miệng.

Ông bố đứng dậy, xỏ chân vào đôi dép buộc bằng dây thép, lững thững đi ra phía nhà sau. Vinh dùng lưỡi rà hàm răng xem có bị mẻ cái răng nào không. Bà mẹ bỗng nói:

– Con Hạnh dạo này sao lâu quá khoug thấy nó xuống chơi.

Thôi rồi, bà già bắt đầu nhập đề rồi đây! Hắn than thầm. Bà già chuyên môn chờ những lúc ông già không có mặt, để đặt ra với con những vấn đề gai góc. Có ông bố ở đó, hắn có dược một đồng minh đáng tin cậy. Tránh nhìn mẹ, hắn trả lời cho qua:

– Bận học thi, mẹ à.

Bà mẹ cau mày:

– Thi cử gì tao nghe nói hoài, lần nào cũng nghe nói thi với cử...

– Bữa nào mẹ hỏi thẳng cô ấy thì biết chứ gì.

Chút giận dỗi troug giọng nói thằng con trai làm bà mẹ dịu giọng:

– Thì tao cũng hỏi thăm vậy thôi. Chuyện hai đứa bay đến đâu rồi?

Hắn cười nhạt:

– "*Một trăm con gái thời nay ấy...*" mẹ à!

Bà già đặt cái bát sành xuống mâm, ngơ ngác:

– Hả?

Nụ cười cảm thông nở trên môi, hắn trấn an mẹ:

– Cũng thường thôi mẹ ạ.

Tội nghiệp bà già quá chứ. Cứ tối ngày sợ thằng con ế vợ. Thời buổi này mà bà già còn cứ mong có cháu nội để bế. Phải như con có phép mầu để trở lại được cái thời thơ ấu cho mẹ tha hồ bồng bế, mà con không phải học đòi kiếm sống bằng những bon chen, lừa lọc. Để con khỏi phải nhói tim mỗi khi thấy "con Hạnh" đá lông nheo với những thằng chức sắc học chung trường.

Tiếng nước chảy từ cái bình tích ra cái ly thủy tinh rồ rồ phát ra từ góc phòng. Ông bố đang ngồi trầm ngâm uống trà. Lâu nay, ông phải dè sẻn hết mức để kéo dài những giây phút thưởng thức hương vị của gói trà Ban Mê Thuột do một ông bạn già đi buôn chuyến về tặng. Những câu đối thoại rời rạc giữa vợ và thằng con trai, ông đều nghe được hết, nhưng thỉnh thoảng ông mới góp một câu vào câu chuyện của hai mẹ con. Nghe hai mẹ con Vinh bàn chuyện lứa đôi tương lai xa vời, ông hắng giọng, vọng về phía mâm cơm, triết lý:

– Chiếm được thành thì dễ hơn giữ được thành nhiều lắm.

Chao ơi, bữa nay sao bố giống cái nhà ông Khổng Minh thế không biết (hay là ví bố như ông Tôn Tử có lẽ chính xác hơn). Lâu lắm mới thấy bố nói chuyện kiểu Tam Quốc chí. Hắn cười mỉm, liếc nhìn về phía ông già, gật gù, cảm thông.

– Có chiếm được đâu mà giữ!

Tim hắn chợt nhói lên sau câu giễu cợt của bà mẹ. Bà ơi là bà! Sao cứ phải nói ra những sự thực phũ phàng làm chi nhỉ. Những sự thực mà chỉ nghĩ tới thôi là đã nhói đau rồi, cần gì phải nhắc tới nữa.

Bà mẹ loay hoay dùng đôi đũa dầm nát nửa quả trứng vịt luộc còn lại trên đĩa, nửa quả trứng dè sẻn, dành cho phần thứ nhì của bữa cơm.

– Bố mày thì chỉ được cái triết lý vụn.

Tiếng rít lọc xọc từ cái điếu bát thuốc lào, vọng ra như thay cho câu trả lời hể hả của ông bố. Ông hít một hơi thuốc dài, rồi khoan thai thở ra một làn khói trắng, như ống khói một chiếc tầu biển thời cách mạng kỹ nghệ Âu châu. Chờ cho cơn sảng khoái lắng xuống bớt, ông chậm rãi:

– Ôn cố tri tân. Mẹ mày thì biết cái gì! Không có gương người xưa thì lấy gì mà soi thấu, và am hiểu chuyện thời nay.

Bà mẹ chế nhạo:

– Tôi thấy những điều ông nói chẳng đúng được lấy một phần nhỏ.

Ông già ném xuống mâm cơm một cái nhìn khoan dung, kẻ cả:

– Tại bà không nhìn ra được những điều sâu xa...

Bà vợ vừa xua tay đuổi ruồi, vừa thong thả trả đũa:

– Sâu chỗ nào? Chẳng hạn cái chuyện *tam bất tường, tứ bất tường* gì đó ông vẫn nói, tôi thấy có đúng được chút nào đâu.

À, thì ra bà già ấm ức cái chuyện Tàu Đông Chu Liệt Quốc, hay Cổ Học Tinh Hoa gì đó mà bố vẫn kể. Mà câu chuyện ấy cũng hay, nói về một ông vua (nước Tề, nước Tấn gì đó...) một hôm cùng đoàn tùy tùng đi săn. Vừa lên núi, cả đoàn gặp ngay một con cọp gầm gừ chặn đường, cái ông nhà vua lẩm cẩm, bèn ra lệnh đổi hướng về phía đồng bằng. Vừa mới xuống thung lũng, lại gặp ngay một con rắn hổ mang phì phò giận dữ. Nhà vua, vốn tin dị đoan (y hệt những ông vua nước An Nam nhà mình) bèn ra lệnh trở về hoàng cung, và triệu hồi ngay quan ngự sử vào vấn kế. Vua nói dại khái rằng hôm nay trẫm cùng đoàn tùy tùng đi săn. Vừa lên non là gặp hổ dữ, vừa xuống bình nguyên là gặp mãng xà. Trẫm e rằng đó là điềm chẳng lành (hắn thích giọng kể của bố khi nói tới đoạn này, và cái câu chữ Hán ông hay đọc bằng giọng trầm trầm âm vọng: "*Tam bất tường, tam bất tường...*"). Quan ngự sử mới điềm đạm giải thích đại khái là làm thiên tử trị vì thiên hạ, thì chỉ cần chú ý tới ba điều chẳng lành, thứ nhất, nước có người tài mà không biết, thứ hai, biết mà không dùng, thứ ba, dùng mà không tin. "*Nay bệ hạ lên núi gặp mãnh hổ, xuống thung lũng, gặp mãng xà, đó là chuyện thường tình, chẳng có chi là điềm chẳng lành cả*". Ấy thế, câu chuyện Tàu bố đọc đâu đó, trong Cổ Học Tinh Hoa thì phải, và vẫn thường kể đi kể lại một cách

say mê, như kể về một niềm ước mơ thời trai trẻ, mỗi khi ngồi xuôi hai tay bất lực trước miếng cơm manh áo của gia đình.

– Mẹ mày không thấy đó sao? Cả ba điều chẳng lành ấy đều nhan nhản khắp nơi trên đất nước này.

Ông bố nói, với một chút hờ hững quen thuộc. Bà mẹ buông chén đũa, trề môi thách thức:

– Vậy sao cái *triều đại* này không sụp đổ, hay suy tàn cho ứng nghiệm cái lời ông nói?

Ông bố nhún vai:

– Chẳng chóng thì chầy, mẹ mày ạ. Bà cứ chờ xem.

– Chờ đến tận thế. Ngày xưa chỉ có một cái ngai vàng, nên khi có cả ba điều chẳng lành thì ngai vàng sụp đổ. Bây giờ, có tới cả triệu cái ngai vàng...

Bà già bữa nay sao nói những câu chí lý. Cả cái giọng của bà nữa, hôm nay sao lạnh và khô khan như giọng của một bà chánh án tòa án nhân dân. Mẹ ơi! nhưng mà bà già nói đúng, đúng đến lạnh người. Hàng triệu cái ngai vàng của các đấng thiên tử thời đại. Cái sự thực máu me, tanh tưởi đến lợm giọng. Biết chừng nào mới ứng nghiệm những lời dạy của người xưa.

Chờ cho bà mẹ ngưng nói, ông bố đẩy ghế đứng dậy, lững thững bước ra ngoài. Lúc đi ngang mâm cơm, nơi vợ và con trai đang ngồi, ông dặn dò thằng con:

– Nhớ nghe Vinh. Rán để ý tìm cho bố một việc gì đó. Lao công, quét dọn - giọng ông hơi chần chừ - hốt rác cũng được. Thấy ở đâu cần người, hỏi cho bố liền.

Hắn gật đầu vội, như không muốn để cho nỗi ngậm ngùi có cơ hội thắt ngang cuống họng:

– Vâng, bố ạ.

Bóng ông già biến đi sau khung cửa hẹp. Bà già liếc theo bóng chồng, chép miệng:

– Ông ấy đi *chạy mánh* đấy!

Mẹ khe khắt quá. Trẻ như con đây mà còn trầy da tróc vẩy với miếng cơm manh áo, nói gì người lớn tuổi như bố. Hắn nghĩ thầm, và toan nói ra ý nghĩ đó với mẹ, lại thôi.

2–

– Cơm nước gì sao giờ này chưa nấu vậy Hằng?

Vừa bước vào nhà, hắn đã hỏi con em, đang lui cui quét nhà. Thường thì giờ này con nhỏ loay hoay trong bếp, nấu nướng. Gần bốn giờ chiều rồi, mắc chứng gì mà con nhỏ này còn lừng khừng ở đây. Có hết gạo đây không hở trời. Vinh than thầm trong bụng. Hằng ngưng quét, chống hai bàn tay lên nhau, dựa trên đầu cán chổi, nhìn anh bằng con mắt tươi rói:

– Bữa nay, bố dẫn đi ăn tiệm.

– Mày lại vẫn cái tật lý lắc. - Vinh bĩu môi.

– Không, em nói thật mà. Bố mới - Con bé ghé sát tai anh, nói nhỏ - bố mới lại *trúng mánh.*

Cặp mi mắt Nhật Bản của hắn nhướng lên cùng với câu phán cộc lốc:

– Xạo!

– Không, em nói thật đấy. Bố đưa tiền cho mẹ đi mua cà phê Ban Mê Thuột, mua đường cát trắng, mua trà, mua bột ugọt... Toàn những thứ đắt tiền. Bố còn đưa tiền bảo mẹ đi mua con vịt về đánh tiết canh cả nhà ăn, và mua chai rượu thuốc cho bố nhắm.

Hình ảnh đĩa thịt vàng lườm (từ cái ngăn bị bỏ quên nào đó của trí nhớ) hiện ra ngay trong óc hắn, đầy vun, tròn trịa, mỡ màng bên cạnh đĩa tiết canh màu đỏ sậm, có những lát gan mỏng rải lên trên cùng với dậu phụng rang giã vụn. Ơi cái ngăn trí nhớ bị bỏ quên. Tiết canh vịt, thịt vịt luộc chấm nước mắm gừng, có khác gì những ý niệm trừu tượng chỉ có trong tư duy, như *hiện sinh, hữu thể, tư bản, vô sản, phạm trù*, vân vân và vân vân...

Hắn làm bộ nhìn ra cửa, để con nhỏ em ranh mãnh không thấy được cái cần cổ di động khi nước miếng ứa đầy trong miệng được nuốt xuống cái ực.

– Bố cũng tài đấy anh Vinh nhỉ.

Hắn treo cái túi vải lên chiếc đinh đóng trên tường, nhún vai, y hệt một ông thày trong trường Đại học Tổng Hợp ("*Tất cả những cái cặp phạm trù đó, nếu các anh chị không nắm được thì...*". Cái nhún vai; ơi, cái nhún vai vẽ lên được cả một vùng đêm đen tối ám của nhân loại).

– Tao nghĩ bố *hên*.

Hằng trề môi:

– Cũng phải có tài nữa chứ.

Vinh ngồi xuống chiếc ghế bố, ngoái cổ ra phía sau bếp như tìm kiếm. Căn bếp vắng tanh, vắng ngắt. Hắn yên tâm, cười mỉm:

– Tao thấy bố cũng thường thôi. Nhờ *hên*. Tao đã từng *chạy mánh*, tao biết...

Nhìn anh bằng một nửa con mắt nheo nheo. Hằng ngờ vực:

– Anh cũng biết *mánh mung* nữa sao?

– Sao không?

Vinh trả lời một cách tự tin:

– Em thấy anh lúc nào cũng đạo mạo như ông cụ, một thứ đệ tử chân truyền của đức Khổng Tử.

Hắn triết lý vụn bằng một câu đã nghe bà mẹ nói lần thứ một triệu lẻ mấy:

"*Miệng đói, đầu gối phải bò*", mày.

Hằng tiếp tục đẩy cán chổi:

– Em tưởng anh chỉ biết dỗ dành bà Hạnh, mỗi lần bà ấy nhõng nhẽo thôi chứ.

Hắn làm như không nghe những lời châm chọc của đứa em gái. Mặc dù cái tên "Hạnh" mỗi lần được nhắc tới, đều làm lòng hắn nhói đau. Hắn ủ rũ:

– Tại tao chưa *hên* đấy thôi. Mẹ đâu rồi?

– Mẹ đi mua cà phê, đường, rượu nếp than cho bố.

– Sao mày không đi mua cho mẹ. Mẹ già rồi, để cho mẹ nghỉ ngơi.

Hằng vẫn không ngừng tay chổi:

– Mẹ nói để mẹ mua được giá rẻ hơn. Mẹ quen mấy *đường dây* cà phê Ban Mê Thuột.

"Đường dây, đường dây...", làm cứ như truyện phim tình báo Liên Sô. Hắn thầm nghĩ và liên tưởng tới bộ phim tình báo có cái tên là lạ: "*Mười bảy khoảnh khắc của mùa xuân*". Phim nói về những cuộc đấu trí giữa điệp viên Nga và bọn Quốc xã. Phim đen trắng và

dài như không bao giờ có thể kết thúc. Khi năm tập đầu chiếu ở rạp Rex cũ, hắn cũng đã dẫn "con Hạnh" đi xem.

"Con Hạnh" khó khăn quá, nên suốt trong những tập đầu, hắn không làm gì khác hơn được ngoài cái việc... coi phim, nên mới hiểu phần nào cái cốt truyện lòng vòng, luẩn quẩn. Phim còn dài (hình như mười lăm tập cả thảy) nhưng hắn đã ugưng coi, vì "con Hạnh" vừa có một thằng bạn mới cùng trường. Nghĩ tới cô bạn gái bạc tình, hắn dâm ra buồn não nuột.

– Anh làm gì mà thở dài thườn thượt thế? Bộ chưa trúng mánh rồi buồn hả?

– Làm gì đến nỗi, tại "cái thời" của tao chưa đến đấy thôi.

Hằng luồn cái chổi vào dưới gầm ghế sa lông. Vinh gác hai châu lên chiếc bàn gỗ, tránh chỗ cho em gái quét dọn. Ở troug nhà, Vinh là anh trai cả, không khác gì ôug hoàng tử của một triều đình trọng nam khinh nữ. Tới giờ, thỉnh thoảng bố còn nhắc đi uhắc lại câu "*nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*" dù chị em Hằng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì cái nền kinh tế èo uột của một gia đình không có ai là công nhân viên nhà ước.

Có tiếng dép lẹp xẹp ngoài sân. Vinh nhìn ra. Bóng bà mẹ nhạt nhòa trong khung nắng chiều vàng úa. Một tay bà lễ mễ xách cái túi ny lông màu xám xịt, tay kia trĩu nặng cái giỏ mây cũ, đã chia ngọt sẻ bùi với gia đình này không biết từ hồi nào.

Hằng lơi tay chổi, quay ra, hoan hỉ:

– A, mẹ về rồi!

Con bé thật buồn cười. Già cái đầu, có chồng có con được lắm rồi, mà còn cứ như trẻ con. Mỗi lần có gì vui hay buồn, đều không giấu được những cảm xúc hời hợt nhất thời. Tiếng reo vui tở mở của em gái làm hắn thấy ngay được vạt nắng vắt ngang vai áo nâu của mẹ, mỗi buổi sáng mẹ về chợ của suốt một thời thơ ấu hắn đã qua.

Bóng bà mẹ lom khom cái lưng gầy mỏng mảnh. Những móu dồ xách trên tay kéo dôi vai trĩu xuống, trơ trọi cặp xương dòn gánh, hằn rõ hai bên cái cổ gầy xanh những đường tĩnh mạch ngoằn ngoèo. Hằng buông chổi chạy ra, lăng xăng xách tiếp dồ cho mẹ. Cô lắc lắc cái giỏ mây có con vịt màu nâu xám. Con vịt kêu lên quàng quạc như cãi cọ, phản đối.

– Trời Phật ơi! Lâu lắm mới lại được cầm trên tay một con vịt sống, còn đủ cả xương, cả thịt, cả tim gan, phèo phổi...

Hấn chậm rãi đứng dậy. Mắt hấn sáng lên, y hệt đôi mắt ấu thời mỗi lần lục giỏ mẹ, tìm quà chợ.

– Tiết canh vịt hở mẹ?

Bà mẹ đi vùn vụt ra sau nhà, ném lại câu trả lời, như viên thuốc trách móc có bọc đường yêu thương:

– Rõ là tham. Mẹ xách muốn gẫy tay, mà cậu cả lại chỉ hỏi chuyện tiết canh vịt.

Hằng vừa lắc lắc cái giỏ, vừa hùa, bằng giọng mỉa mai:

– Con trai cả mà!

Hấn lẽo đẽo đi theo mẹ và em gái ra sau bếp, vừa mắng em, vừa lắp bắp chữa thẹn:

– *Con gái là con người ta.* Đừng bày đặt phát biểu linh tinh.

Con vịt chợt kêu lên quang quác, như, muốn trả lời thay cho Hằng, lúc cô đặt cái giỏ xuống đất. Bà mẹ hỏi:

– Bố đâu rồi?

– Bố đi công chuyện. - Hằng nhanh nhẩu trả lời.

Vinh thêm:

– Bố đi *mánh mung.*

Bà mẹ lấy cái gáo, múc nước trong thùng phuy, xối lên hai chân lấm tấm bùn, nói nhỏ:

– Tụi bay đừng dùng những chữ như vậy, làm mất giá trị ông ấy. Ông ấy làm ăn đàng hoàng, thẳng thắn, chứ có lươn lẹo gì đâu, mà gọi là *mánh mung.*

Hằng ngước nhìn mẹ, đôi mắt lấp lánh ánh nắng chiều hôm, tinh nghịch:

– Mẹ có biết bố *mánh mung* gì không?

Bà mẹ lườm đứa con gái rượu:

– Cha mày!

Vinh thấy mẹ và em vui, cũng vui lây. Hấn thấy mẹ như có vẻ đổi khác, dễ chịu hơn, vui tính hơn và hay bênh vực bố hơn, kể từ khi biết bố *trúng mánh.*

Chiều nay, vâng, chiều nay, cả nhà ăn tiệc lớn. Hấn thấy bồn

chồn quá sức, tưởng chừng như có đám cháy âm ỉ lửa than trong lòng. Một phần, có lẽ tại sự thành công liên tiếp của bố trong việc kiếm miếng cơm, manh áo cho gia đình. Liên tiếp mấy tuần qua, ông làm ăn cách nào đó mà đem về cho gia đình được những món tiền kha khá, đủ để cả nhà có những bữa ăn thịnh soạn, những bữa ăn có đĩa thịt vịt luộc vàng hườm, có đĩa cua rang muối đỏ thẫm (ôi cái màu cua rang muối, như màu của chân trời vùng biển, những lúc mặt trời sắp lặn).

– Mẹ cou mày xong cả chưa?

Tiếng ông bố sang sảng vọng vào nhà, khi bóng ông vừa kịp in đậm trên khoảng vuông khung cửa. Hằng nhanh nhẩu:

– Đói dữ rồi bố ơi.

– Đói thì đi.

Vinh hỏi em gái:

– Còn hai chị em con nhỏ công chúa lọ lem đâu rồi Hằng?

Hai chị em công chúa lọ lem là biệt danh của hai con em gái - một đứa mười hai, một đứa mười bốn tuổi - của Vinh.

– Tụi nó chắc cũng sắp về tới. Hôm nay tổ hợp gia công bắt làm thêm cho đạt chỉ tiêu.

Câu nói của Hằng bắt Vinh nghĩ ngay tới những dòng chữ viết trên cái nền đỏ chói của tấm bảng khổng lồ dựng bên công viên Tao Đàn trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. (Đường Hồng Thập Tự ngày xưa đấy, nơi Vinh đã từng lẽo đẽo đi theo Hạnh, xin xỏ chút tình yêu thời mới lớn). Những dòng chữ đập chan chát vào mặt người đi đường, và không ai là không tối tăm mặt mũi vì những chỉ tiêu của cái kế hoạch năm năm, mười năm gì đó, đại loại *mấy trăm triệu tấn lương thực, mấy trăm triệu tấn phân bón* - khổ lắm, đã phải thắt lưng buộc bụng như thế này thì sản xuất làm sao được chừng ấy tấn phân! - *mấy trăm triệu máy móc, nông cụ, mấy trăm triệu, mấy trăm triệu vân vân và vân vân*... Ôi, trên cõi đời này sao lại có lắm kẻ lộng ngôn đến thế! Vinh lắc lắc cái đầu, như để tự trấn an rằng đó chỉ là giấc mộng của những người lãnh đạo lãng mạn. Phải giàu tưởng tượng lắm (hay có óc khôi hài siêu đẳng) mới nghĩ ra được những chuyện... nhảm như thế. Thôi, thắc mắc làm chi cho mệt xác. Vinh vừa toan bảo Hằng đi tìm hai đứa em, thì hai cô về tới. Vinh nghe được những tiếng tíu tít, rất trẻ con của hai cô em trước khi thấy hai cái bóng dã

bắt đầu có vóc dáng thiếu nữ, hiện ra nơi khung cửa. Hai con nhỏ này, lớn rồi mà lúc nào cũng ríu rít như những con chim non vô tư lự.

Từ nhà trên vọng xuống tiếng rít thuốc lào sòng sọc, và tiếng ông bố:

– Bây giờ đi ăn phở tiệm nào đây?

– Ơ, phở hả? Bố *trúng mánh* nữa rồi.

– Cha mày!

– Phở Châu.

– Phở Tài Sửu.

– Quốc doanh đi!

Tiếng bà mẹ và bầy con gái nhao nhao.

Hằng ngắt:

– Dẹp quốc doanh đi, toàn là nước lã.

– Nhưng mà tô lớn.

Vinh chêm:

– Con thấy mì "cùi" là nhất.

Bà mẹ gật gù:

– Mẹ cũng thấy mì "cùi" là nhất nhưng tao chỉ ngại cái bệuh cùi của bà mẹ già, mẹ lão chủ tiệm.

– Ghê thấy mồ!

– Trời Phật ơi, lỡ lây thì chết!

– Tưởng tượng cái tay của anh Vinh cứ cụt đi dần dần...

Bầy con gái lại lao xao. Bà mẹ át giọng tất cả bằng một quyết định:

– Thôi, để bố mày chọn là hay nhất.

– Phải rồi, để bố chọn.

– Bố *trúng mánh*, để bố chọn.

– Cha mày, đừng nói bố *trúng mánh* chứ.

– Bố chọn đi bố.

Ông bố vừa lững thững đi ra nhà sau, vừa cười một cách khoan dung, như không hề bận tâm đến cuộc thảo luận đầy hứng khởi của vợ và bầy con. Ông nhỏ nhẹ:

– Thôi, mỗi ngày đi ăn một tiệm vậy. Hôm nay, bắt đầu bằng mì "cùi".

Bầy con gái vỗ tay reo mừng. Trời Phật ơi! Vậy là bố *trúng mánh* lớn lắm đây. Vinh bần thần suy nghĩ. Mình thua bố xa rồi. Phải làm sao chạy chọt, kiếm việc làm gấp. Mình thua bố xa lắc xa lơ, Vinh ơi. *Thông minh nhất nam tử*, cái ngữ này thì biết bao giờ mới làm nên cơm nên cháo... Mì "cùi", chao ơi, những sợi mì vàng hườm, óng ả dầu mỡ lấp lánh hiện ra trong trí nhớ. Vinh lén nhìn bố mẹ và lũ em, trước khi nuốt nước bọt một cái ực xuống cổ họng.

3–

Câu chuyện kéo dài một cách dè dặt, gượng ép. Cả hai bên dường như cùng thủ thế vì có những điều không tiện nói ra. Vinh có cảm giác của một đứa con trai mới lớn, đi hỏi vợ, gặp phải ông bố vợ tương lai khó tính. Hắn tần ngần:

– Nhưng sao chú Sáu biết là có trộm?

– Cứ vài bữa lại mất một món, sao lại không biết?

Gã đàn ông trả lời, nét mặt gã vẫn cứng như chiếc mặt nạ đất sét khô. Chỉ có đôi mắt hơi nhiều tròng trắng và hàng râu mép linh động là chan hòa sự sống.

– Chú Sáu!

– Hả?

– Thôi...

Thấy Vinh ngại ngần, gã khuyến khích:

– Có gì thắc mắc chú em cứ hỏi, *goa* giải đáp *hớt*.

Lấy hết can đảm, Vinh hỏi:

– Dạ, như vậy chú Sáu trả bao nhiêu?

– Tùy chú em. *Goa* trả *mão* hay tính theo công nhựt cũng được.

Vinh băn khoăn:

– Chú Sáu trả *mão* cách nào?

– Tới khi nào làm xong việc, mới lấy tiền.

Chà, cách này coi bộ khó dữ đây, Vinh nghĩ. Nhưng nếu gã cứ ép cũng đành chịu. Từ hồi bé đến giờ, hắn có bao giờ phải đi tìm việc và phải trả giá thêm bớt như thế này đâu. Mở miệng ra nói

chuyện tiền bạc nó ngưỡng ngượng thế nào ấy. Chữ nghĩa, câu kệ cứ loay hoay trong cuống họng. Miệng mở ra rồi, thành toàn những lời ậm ừ, bối rối. *Bạc vàng như phấn thổ, nhân nghĩa tự kiên kim*. Câu nói dạy đời của ai đó khi không lại lảng vảng trong óc. Thôi dẹp đi. Nhân nghĩa gì với cái loại người mình đang trả giá bán, mua thế này? Vinh hít một hơi dài để lấy thêm tự tin:

– Còn trả theo công nhật thì sao hả chú?

– Làm nhiêu tính nhiêu. Mỗi đêm hai chục đồng.

Vinh bần thần. Hai chục đồng. Mẹ ơi! Nhiều bằng nửa tháng lương thầy giáo mới ra trường. Chỉ một đêm thôi. Cha! Mình sắp giàu to rồi.

– Chú trả *mão* ra sao?

Gã đàn ông ngồi dựa người ra chiếc nệm dày ở lưng ghế. Vinh liếc nhìn gã, bắt gặp cái cau mày khó chịu. Cái cau mày làm hắn ngại ngùng thêm một chút. Sáu Hào ngần ngừ:

– Chừng nào bắt được thằng ăn trộm rồi *goa* mới trả tiền.

Lấy hết can đảm và tự tin, Vinh hỏi:

– Bao nhiêu, chú Sáu?

– Hai chục ngàn.

Trời thần ơi! Có tiếng đổ vỡ loảng xoảng vọng ra từ những hốc kẹt xa xôi của đầu óc Vinh. Hai chục ngàn, số tiền không thể nào tưởng tượng nổi. Vinh thấy mọi vật bắt đầu quay quay xung quanh hắn. Sáu Hào cũng quay theo cùng với bộ sa lông bọc nhung đỏ thẫm. Cái tủ chè quay vòng vòng, cái ti vi, dàn máy hát cũng quay theo với vận tốc chậm hơn, bồng bềnh, như trôi trên một dòng cuồng lưu ngầu đục. Hai chục ngàn! Lời bố nói dám đúng lắm chứ chẳng phải chuyện đùa. Bố thường bảo "*Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời*". Bố ơi, đời ông nội đã nghèo khó cùng cực. Ông nội phải đi cày thuê, cuốc mướn. Ông nội hồi xưa, từ một gã trai trẻ khố rách áo ôm, trở thành một nông dân già, nghèo vẫn hoàn nghèo. Đến đời bố, cũng vẫn nghèo. Lính mà, thời nào và đất nước nào lại chẳng là giai cấp cùng đinh của xã hội. Gần đến cuối đời, vẫn thấy bố cong lưng đẩy phụ những xe ba gác dầy phân cho nông trường tập thể. Đã tưởng bố có được việc làm để có thể sống qua ngày, nhưng không phải vậy. Đó chỉ là việc làm tạm thời, ngắn hạn. Lý lịch bố xấu quá,

bố không thể đẩy xe phân được. Lập trường của bố không có (hay không rõ rệt như người ta vẫn nói) thành ra không thể giao cho bố việc đẩy xe phân hay bất kỳ công việc gì khác. Bố lại thất nghiệp. Thế là nhà mình nghèo khó được đúng hai đời. Đến con là đời thứ ba. *Không ai khó ba đời*. Đời con hẳn sẽ phải giàu có thôi. Ông bà mình nói đúng lắm chứ. Con sắp được việc làm tốt, lương cao không thua gì bộ trưởng. Con *trúng mánh* rồi. Cái *mánh* mà bố trúng đó, chưa chắc đã có giá trị kinh tế như cái *mánh* mà con đang mặc cả.

Gã đàn ông đưa cái bật lửa lấp lánh lên mồi thuốc. Ánh phản quang từ cái bật lửa mới rọi vào mắt Vinh một tia sắc, nhọn. Hào quang của sự giàu sang lôi Vinh ra khỏi dòng suy tưởng buồn bã. Sáu Hào hút một hơi thuốc dài, ngửa mặt nhả khói lên trần nhà, nhếch mép cười:

– Hai chục ngàn đủ để chú em cưới một con *dzợ*, và tổ chức đám cưới linh đình.

Nụ cười méo mó hiện ra trên mặt Vinh. Trời ơi, Hạnh. Mỗi lần nhớ tới em là phải kêu trời. (Mẹ vẫn bảo "*Kêu trời tội lắm nghe con!*" mà không bỏ được. Làm sao không kêu trời cho được khi mà em bỏ "tui" cái rụp như vậy hả trời!). Vinh nhìu thẳng vào khoảng không, đăm chiêu. Hai đứa còn gì với nhau không nhỉ? Lâu quá không đi chơi chung, không uống cà phê chung, không đưa nhau ra bến Bạch Đằng nhìn những con tàu ốm yếu, gầy gò đậu trên bến sông, cùng mơ tưởng đến một chân trời xa lắc xa lơ, cùng vẽ vời một khoảng vuông ấm cúng của hạnh phúc, tương lai. Cái thằng mà em đang "vui vẻ" với ấy, có hơn anh cái quái gì ngoài chiếc xe cơ quan ông già nó, mà thỉnh thoảng em được quá giang? Hở Hạnh?

– Sao, thích *mão* hay tính ngày ăn công?

Vinh bị Sáu Hào bất ngờ kéo ra khỏi cơn mộng du, đành trả lời bừa:

– Dạ, *mão* cũng được.

– Cũng tốt thôi. Bắt đầu từ tối mai, ăn cơm tối xong, chú em lại đây ngủ, khỏi mang mùng theo.

Vinh gật đầu hấp tấp, như sợ gã đổi ý. Hạnh ơi, có việc làm rồi. Anh cũng sẽ có một chiếc xe gắn mấy Nhật Bản như người ta...

– Chú em sẽ ngủ ở cái kho sau vườn.

Vinh lại gật đầu. Câu thơ Nguyễn Bính viết ngày xưa cứ luẩn quẩn trong đầu óc hắn. *Một trăm con gái thời nay ấy; Đừng nói ân tình với thủ chung...*

– *Goa* có để sẵn "đồ nghề" rồi.

– Dạ.

...Đó là cái thời nhà thơ họ Nguyễn còn trẻ, thời trước chiến tranh. Mấy chục năm sau, sau hai ba cuộc chiến tranh, con người còn đổi thay đến bực nào. Ân tình với thủy chung có còn trong cuốn tự điện nhân sinh không?

– Nhớ đừng đánh nó chết.

Sáu Hào làm Vinh giật mình đánh thót, hấn hỏi vội:

– Dạ, là sao, chú Sáu?

Gã rít một hơi thuốc dài, nhả khói về phía Vinh:

– Chỉ cần đánh gục hoặc gãy tay gãy chưn. Rồi trói lại, để *goa* trao cho công an là đủ.

Vinh băn khoăn:

– Lỡ tay đánh chết nó, có sao không chú Sáu?

Gã trả lời gọn hơ:

– Thì chú em sẽ đi tù chớ sao.

– Cháu tưởng... tưởng... - Vinh lắp bắp.

– Tưởng gì?

– Tưởng cháu làm công cho chú Sáu, chú Sáu bảo đảm cho cháu chứ...

– Tầm bậy - Sáu Hào nhún vai - Một mạng người tưởng dễ sao mày!

– Nhưng mà chú Sáu làm lớn, chú Sáu có thể...

– Không nhưng nhiếc gì *hớt* ráo. Nó ăn trộm thì bắt nó trao cho công an, chú em giết người thì chú em ở tù. Luật là luật mà!

Vinh chới với. Cái "nghề" này cũng *căng* đây. Phải khéo léo đến gần tên trộm, phải đánh mạnh, đủ để tên trộm ngất đi, phải trói được tên trộm và giao cho chủ nhà. Rủi gặp tên trộm to con, có võ, hoặc có mang theo vũ khí thì biết làm sao đây? Thằng ăn trộm này cũng thuộc loại *ăn quen, bén mùi, ăn mãi*. Vinh băn khoăn suy nghĩ. Không biết thằng ăn trộm đã nghèo đến đời thứ ba như mình chưa.

Cầu trời cho nó lấy đã đủ, để không phải nghèo khổ hết cái phần đời của nó, và bỏ nghề đúng lúc, đừng để mình phải giáng cái khúc gỗ sần sùi góc cạnh lên cái lưng khòm hoặc đôi chân se điếu. Mẹ ơi, từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ mình đã bao giờ thẳng tay làm hại một ai như thế này đâu.

– Sợ hả?

Gã bất chợt hỏi. Vinh luống cuống:

– Dạ, đâu có.

– Hay là áy náy lương tâm? - Giọng gã dầy giễu cợt.

– Dạ... đâu có, chú Sáu...

Chú Sáu nghiêm trang:

– Phải gạt bỏ cái chất tiểu tư sản đó đi. Diệt được một thằng ăn cắp là làm sạch thêm một chút cho xã hội. Đó là một việc làm tốt của một con người mới... - Gã ngưng nói để rít một hơi thuốc dài, và ngửa mặt khoan khoái thở khói lên trần nhà - Chú em làm ăn lương thiện là tốt, cái thằng ăn trộm kia đáng bị trừng phạt, thằng đó quả là ngu, muốn làm bậy thì cũng phải có chút máu mặt để thủ thân chớ...

– Dạ... dạ... chú Sáu nói phải. Cháu hiểu rõ mà, chú Sáu.

Vinh chận lời gã, để khỏi phải nghe tiếp đoạn diễn văn quen thuộc cũ mòn. Vinh hình dung căn nhà kho phía sau khu vườn nhà Sáu Hào. Bao nhiêu là đồ đạc quý giá ở đó. Hồi nãy, lúc gã dẫn Vinh đi *tham quan*, Vinh đã tá hỏa tam tinh vì ngạc nhiên. Những đồ đó ở đâu ra? Chú Sáu bây giờ giàu sang có hạng. Hẳn hai đời trước, cha ông chú đã nghèo mạt rệp. Trời chắc cũng về phe chú Sáu nên chú mới trúng toàn những mánh lớn ngoài sức tưởng tượng như vậy.

Sáu Hào vặn vẹo người, bẻ xương sống kêu lụp cụp. Cả hai cùng im lặng theo đuổi những ý nghĩ riêng tư. Chợt, gã nói:

– Tối mai nghe.

– Dạ.

– Nhớ đừng đánh nó chết.

– Dạ.

– Đừng la um xùm. Trói nó xong, chạy lại kêu *goa* liền.

– Dạ.

– Lúc ngủ trong kho đừng gây tiếng động, nó sợ.

– Dạ, cháu hiểu, chú Sáu à.

– Làm tốt, *goa* cho thêm tiền đi nhậu.

– Dạ.

Gã mỉm cười, khoan dung, nhìn Vinh như nhìn một thằng cháu ruột:

– Mà chú em có biết nhậu không?

– Dạ... biết... chút ít.

– Xong việc, chú cháu mình *xỉn* với nhau một bữa.

– Dạ.

– Thôi *dzìa* đi.

– Dạ, chào chú Sáu.

Vinh lóng cóng đứng dậy. Sáu Hào chợt nhoài người ra phía trước, hỏi:

– A, khoan! Mà chú em ngủ có ngày không?

Vinh ngơ ngác:

– Dạ không, mà sao hở chú Sáu?

Gã phì cười:

– Thằng ăn trộm nghe tiếng ngáy, biết là có người, bỏ chạy mất tiêu...

Vỡ lẽ, Vinh cười gượng gạo, gật đầu chào gã, và quay lưng ra về. Bóng hắn nghiêng ngả trong nắng chiều, như bóng một con ma thiếu ăn, ốm đói.

4–

Hương vị của tô mì "cùi" ăn trước đây mấy tiếng đồng hồ, còn như đọng ở đầu lưỡi. Không biết gã chủ tiệm này nấu mì theo công thức nào, mà ngon không chịu được. Ăn no rồi, cũng vẫn thèm, nghĩ tới là ứa nước miếng. Vinh trở mình khẽ, cố không làm cho chiếc giường gỗ kêu cọt kẹt. Hắn ngáp một cái, sâu muốn sái quai hàm. Sao đêm nay khó ngủ lạ lùng. Có lẽ tại mình suy nghĩ vẩn vơ nhiều quá. "Đi làm" được ba hôm rồi. Mọi chuyện vẫn bình thường. "*Mặt trận miền tây hoàn toàn yên tĩnh*". Hắn mỉm cười một mình trong bóng tối, khi liên tưởng đến cái tựa cuốn sách của một nhà văn Đức.

Cả cuốn sách lẫn cái tựa đều hay. Mỗi lần muốn ám chỉ một việc gì đó cứ dậm chân tại chỗ, hắn và lũ bạn thường cái tựa cuốn truyện ra để trả lời ("Ê Vinh, mày với em Hạnh tới dâu rồi? Đã *đưa em vào hạ* chưa? Đưa cái búa tạ, *mặt trận miền tây hoàn toàn yên tĩnh*. Ô, mày yếu đến thế sao? Sư mày!)

Ba đêm liên tiếp, Vinh ngủ trong xó căn nhà gạch bỏ hoang ở giữa khu vườn um tùm cây lá này. Căn nhà, ngày xưa chắc hẳn dùng làm nhà kho chứa máy móc, nông cụ, hay máy phát điện tư nhân của người chủ cũ. Bây giờ, chủ mới cũng dùng căn nhà làm nhà kho, một thứ nhà kho kỳ lạ, chứa toàn đồ dùng đắt tiền, quý giá.

Cha nội Sáu Hào này đào đâu ra toàn những ti vi, máy hát, và xe gắn máy Nhật Bản thế này? Những thứ này tuyệt nhiên không phải công cụ sản xuất theo định nghĩa của môn kinh tế chính trị học Mác Lênin. Chả trấn an mình rằng đây là kho hàng của cơ quan. Cơ quan nào ở trong khu vườn nhà thằng chả nhỉ? Mình có bị lừa không đây. Lạng quạng dám bị ở tù oan lắm. Vinh mở hé mắt, nhìn qua lớp vải mùng, thấu qua bóng tối. Đêm đen, nhưng hắn vẫn thấy được lờ mờ bóng những chiếc xe Honda mới, đứng bên nhau san sát, sừng sững, oai vệ như bọn lính canh, bảo vệ giấc ngủ cho Vinh. Và lờ mờ những tia phản quang yếu ớt, phát ra từ màn ảnh thủy tinh của những máy truyền hình lặng lờ, câm nín. Phải như mình có được một chiếc Honda loại này, và nhà mình có được một cái ti vi, nhỏ thôi, để mỗi tối thứ bảy cho bà già ngồi coi cải lương, bả bớt cằn nhằn ông già đi phần nào. Ông già chạy đôn chạy đáo đi kiếm miếng cơm cho gia đình, thỉnh thoảng mới đem về được một số tiền nho nhỏ. Tội nghiệp bố. Bố *trúng mánh* vặt, con trai bố sắp *trúng mánh* lớn. Chỉ cần đánh gục được tên trộm, giao cho công an là có hai chục ngàn. Cũng gay go đấy, nhưng phải giữ vững tinh thần chiến đấu chứ. Người xưa dạy *đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi*, người nay cũng phán *nhiệm vụ nào cũng hoàn thành*... Toàn những điều hay lẽ phải cả. Phải không bố?

Nghĩ đến bố, Vinh lại chia sẻ với bóng đêm một nụ cười. "*Bố con nhà này kỳ quá! Có việc làm mà cũng cứ phải giấu im ỉm như mèo giấu cứt!*" Bà già nói chuyện nhiều khi trắng trợn không chịu được. Bố *trúng mánh*, bố giấu kín mọi chi tiết mánh mung của bố, hẳn bố có lý do riêng và chính đáng. Như mình đây cũng vậy. Ông

Sáu Hào kêu mình giữ kín mọi chuyện. Kể ra cho bà già nghe, bà thêm lo chứ được ích gì đâu. Chẳng những thế, nhiều khi vui chuyện với mấy bà hàng xóm, à kể ra chuyện làm ăn của mình, thì rồi làm sao còn tên trộm nào dám mò lại cái nhà kho âm u này cho mình bắt?

Vinh trở mình nằm ngửa lại, gác tay lên trán, đăm đăm nhìn lên cái đinh màn hình chữ nhật lờ mờ trong bóng đêm. Tiếng vo ve của một con muỗi đi lạc nào đó vướng víu bên tai. Vinh hít một hơi dài, ém thật sâu cái không khí ẩm ướt còn sót lại của suốt một ngày mưa rả rích vào đáy phổi. Cũng may, vừa sụp tối thì trời ngưng mưa, Trời Phật cũng độ cho mình trong công việc làm ăn. Thử hỏi, suốt đêm nằm trằn trọc thế này mà nghe mưa, thì sống thế nào được. Tiếng ếch nhái, giun dế kêu ran trong khu vườn rậm rì cây cối. Lạc lõng nhất trong chuỗi âm thanh đều đều buồn nản của tiếng ếch nhái và côn trùng, là tiếng *à uôm* của những con ễnh ương gạ gẫm, tán tỉnh nhau. Ơ, có phải vậy không nhỉ? Những con ễnh ương nằm phình bụng kêu than não nuột như những lời tỏ tình làm ướt mềm tới cả cành cây, ngọn cỏ. Hạnh ơi, giờ này em đang làm gì nhỉ. Và có bao giờ em ngờ được rằng anh đang làm cái nghĩa vụ cao đẹp, nghĩa vụ làm sạch cái xã hội mà trên lý thuyết đã sạch như li như lau. Cái xã hội mà ở đó không còn cái xấu, chỉ còn những cái chưa được tốt thôi. *Thời kỳ quá độ nào mà không có những khó khăn. Tổ chức có cái khó khăn của tổ chức, cá nhân có cái khó khăn của cá nhân.* Cái khó của anh là cái tội khố rách áo ôm, cái khó của em là sự lựa chọn. Ơi, mà lựa chọn làm gì cho mệt đầu óc. Ông bà mình chẳng bảo *lắm mối tối nằm không* đấy sao. Các cô chỉ khéo vẽ vời, dứng núi này trông núi nọ. Phải như anh có một cái máy hát và một chiếc xe như một trong những món đồ nằm chồng chất lên nhau trong căn nhà kho này, thì em đâu có phải khổ tâm vì chọn lựa? Vinh thở dài, trở mình, nhìn ra bên phải, ném cho lũ ti vi, dàn máy hát, và xe gắn máy Nhật Bản cái nhìn âm thầm buồn bã. Thằng cha Sáu Hào này cũng khả nghi đấy chứ. Tại sao kho hàng của cơ quan mà lại ở sau vườn nhà thằng chả. Nếu là hàng của cơ quan tại sao gã không phân công cho người của cơ quau canh gác?

Hay là gã mướn mình canh gác vì có thể trả thù lao thấp hơn trả cho công nhân viên. Trong bóng tối của đêm thẫm sâu, ánh sáng

vướng vất đâu đó phản chiếu lại từ trên những cặp kính chiếu hậu đám xe gắn máy, lờ mờ mọi chuyện qua lớp vải mùng, yếu ớt đậu lại trên đôi mắt thèm thuồng của Vinh như kín đáo mời mọc, gạ gẫm.

Ừ nhỉ, tại sao chính mình lại không *chôm* vài món đồ trong cái nhà kho rộng thênh thang này. Sáu Hào dễ gì khám phá ra được. Ban đêm, chỉ một mình Vinh trong khu vườn rộng mênh mông rậm rì cây cối, và vắng tanh vắngng ngắt này. Sáu Hào và cô vợ bé ngủ ở nhà trên, căn nhà ngói khang trang ở tuốt mặt tiền khu vườn. (Cô vợ bé của chú Sáu - Cha mẹ ơi! - trông ngon như một con búp bê Nhật Bản vừa mới qua tuổi dậy thì, và thân thể không khác gì núi đồi, thung lũng ở Hawai trong cơn địa chấn, lúc nào cũng muốn cựa quậy, chuyển mình, xô đẩy lớp mặt đất mỏng teo là lớp vải mút sơ lin và sa teng, để gây tai họa cho đời).

Đêm thăm thẳm thế này, gã hẳn mê mệt bên vợ, còn tâm trí đâu mà lo chuyện vòng vàng, của cải. Chỉ cần xách một cái ti vi, vài cái máy hát về nhà ở giấu đâu đó (đừng cho bà già biết, bả tối ngày nói chuyện đạo đức *đạo Chúa, đạo Phật, đạo Bà La Môn, đạo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, đạo Hồi... đạo nào cũng dạy người ta làm lành lánh dữ.* Bà già ơi, chẳng có đạo nào bằng thứ đạo... đức cách mạng cả. Khổ lắm, nói mãi!). Món đồ lấy về, đem giấu ở xó kẹt nào đó, hôm sau đem ra chợ trời bán. Khỏe ru!

Tim Vinh đập loạn xạ (mới chỉ nghĩ tới ba cái chuyện *chôm chĩa* lặt vặt mà đã thế rồi, thì làm sao mà làm chuyện lớn được! cái chất tiểu tư sản thành thị còn hoài trong dòng máu. Hèn chi người ta cứ nằng nặc đòi bọn hắn phải đứng hẳn về phía giai cấp vô sản. Khi đã vô sản thực sự rồi, thì chẳng còn gì để mất "*Có mất thì cũng chỉ mất đi những xiềng xích*" như cái nhà ông Các Mác, hay Lê Nin gì đó đã nói, thì cỡ nào cũng liều và thí mạng cùi được. Còn như Vinh bây giờ, ít ra hắn cũng còn cái thể diện, cái danh dự gia đình. Bà già cứ nhắc nhở tối ngày rằng *giấy rách phải giữ lấy lề*. Bà ơi là bà, giữ lấy lề rồi đói nhăn răng ra đấy à! Đã bao nhiêu lần Vinh toan cãi lại mẹ như thế, nhưng lại không thành. Vinh thấy tội nghiệp mẹ.

Dường như có tiếng chân bước lép nhép trên nền đất ướt sũng nước mưa lẫn trong tiếng côn trùng râm ran. Thằng ăn trộm đây rồi. Cha mẹ ơi! Vinh điếng hồn và bủn rủn cả tay chân. Hắn chống hai tay, run run ngồi dậy. Đêm tối sẫm như màu cà phê pha đậm. Hỏng

hết, hỏng hết. Run thế này thì hỏng. Ý nghĩ rời chạy qua đầu óc Vinh. Mắc mớ gì lại chọn ngay cái đêm gió mưa ướt át thế này mà đi ăn trộm hở trời! Lựa cái ngày khô ráo, có bị đuổi chạy, cũng không sợ vì trơn trượt mà vấp ngã. Tiếng động lạ mỗi lúc một rõ dần. Đúng là tiếng chân người bước trên nền đất ướt. Dại ơi là dại. Làm ăn mà không nghiên cứu cái yếu tố thiên thời địa lợi gì hết ráo! Khổ cho cha nội, mà cũng phiền cho tôi nữa. Đúng là ma dẫn lối, quỷ đưa đường. Mắc mớ chi lại đi làm cái nghề bất nhân này. Vinh than thầm, mà không rõ là trách móc trên trộm hay trách móc chính mình. Mắc mớ chi lại đi làm cái nghề bất nhân này. Tiếng chân bước chậm hẳn lại, rồi chìm lắng trong chuỗi đồng ca của giun dế và ếch nhái. Cái gì nữa đây. Hay là gã đã linh cảm được rằng có người gác nhà kho. Vinh cố vểnh tai nghe ngóng. Không còn tiếng chân bước. Tên trộm này cũng dám yếu bóng vía và bỏ dở công việc lắm chứ chẳng chơi. Nếu vậy, thì mình mất toi cái cơ hội làm giàu. Trời Phật ơi! Dẫn giùm "nó" vào đây cho con. Nhắc tới Trời Phật, Vinh chợt thấy áy náy khi hình ảnh Thích Ca hiện ra trong trí tưởng. Cái nụ cười của Phật, chao ơi là khoan hòa, thanh thản. Mình đang làm gì thế này. Tay Vinh bất giác mò mẫm dưới cái gối vải, tìm khúc gỗ. Thanh gỗ vuông vức này, *chỉ cần giọng một cú ngay đầu, một cú vừa tay thôi, rồi gọi goa ngay, goa sẽ báo cho công an. Rán đừng đánh chết.* Những ngón tay run rẩy nắm chặt thanh gỗ cứng, khô khốc. Không còn nghe tiếng chân bước lép nhép. Tên trộm này rụt rè. Vái trời cho nó bỏ cuộc. Không thì nó tới số. Dù có nhát tay thì mình cũng phải rán mà giáng cây gỗ xuống đầu nó. Đồ trộm cắp bất lương! Vinh cố lắng tai nghe ngóng, nhưng tiếng chân đã chìm đâu mất trong tiếng nỉ non của côn trùng và ếch nhái.

Thằng ăn trộm này làm gì mà như ma quỷ hiện hình vậy nhỉ. Cầu trời cho nó đánh hơi được rằng nhà kho đang có người canh gác, mà bỏ cuộc. Ăn một cây gậy vào đầu hay vào lưng gì thì nếu không chết, cũng tàn phế. Ấy là chưa kể sẽ phải vào tù, bị đánh đập, bỏ đói, đi lao động cưỡng bách. Hình ảnh người tù, những trại tù khi không hiện ra trong trí Vinh, như khúc phim câm buồn nản. Sao mà khó khăn thế này. Giáng khúc cây xuống đầu một con người, dù là một tên trộm dơ dáy bẩn thỉu đi nữa thì cũng là bất nhân lắm chứ. Tiền bạc mà làm gì. Hai chục ngàn. Ừ, hai chục ngàn... Bố sẽ khỏi

vất vả chạy *mánh*, mẹ sẽ không phải cằn nhằn là bố vô tích sự. Lũ em sẽ có thêm được tấm áo, manh quần mà se sua với thiên hạ. Còn mình, mình sẽ có lại cuộc tình thiếu ăn èo uột. Thôi, cứ nhắm mắt giáng đại xuống. Công việc là công việc. Bỏ đi cái tình cảm hèn yếu của con người. Cứ nhắm mắt là yên ổn lương tâm, như người lính bóp cò vào những bóng quân địch lố nhố phía trước. Việc phải làm thì làm. Vinh rón rén vén mùng chui ra ngoài, mò mẫn dựa sát bức tường nhà không vôi vữa, lởm chởm. Mắt cố xuyên thủng bóng đêm thăm thẳm. Đêm tối, không khác gì đêm ba mươi tết.

Hai đầu gối rung rung, đôi chân như muốn rụng ra khỏi cái thân xác nặng nề, yếu đuối. Khúc gỗ vuông nặng như cái cối đá, trì kéo đôi vai học trò xương xẩu. Trái tim nhảy loạn như thể Vinh giấu một con vật sống, nóng hổi dưới lớp áo ngực trái. Những con ễnh ương ngoài vườn réo gọi con ễnh ương xôn xao trong lồng ngực. Giờ này thằng cha Sáu Hào đang "vui vẻ" bên cô vợ trẻ, với thân thể của đất đai trong thời kỳ tạo sơn, bốc lửa. Vợ Sáu Hào có đôi mắt lá răm của ca dao tình tứ lãng mạn. Con nhỏ ngó bộ chịu chơi. Mới gặp Vinh đâu được hai lần mà đã đá lông nheo loạn xạ. Phải chi, phải chi... Ừ, phải chi mình có con bồ *sừng sực* như vậy, thì đời sống có ý nghĩa biết mấy. Cú đá lông nheo hôm nọ là có ý nghĩa gì chứ. Mời mọc, thách thức, hay chào hỏi bâng quơ? Con nhỏ ấy, biết đâu lại chẳng có lúc mò mẫm xuống căn nhà kho này mà chọc ghẹo, mà "nài hoa ép liễu" mình nhỉ? Cầu cho tiếng bước chân bên ngoài là tiếng những bước chân rụt rè của người đàn bà có làn da trắng bóng như giấy quyến viết thư tình ấy. Cha mẹ ơi! Nếu như đó là "con nhỏ" thì mình biết làm sao đây! Tim Vinh đập vội hơn một chút với ý nghĩ hoang đàng lạng quạng trong đầu óc. Nếu tiếng chân người bước rụt rè ngoài kia là của "nàng", thì cũng dành "nhắm mắt đưa chân" chứ biết làm gì hơn được. Lại có tiếng chân. Lần này chậm rãi, thong thả. Hình ảnh của người đàn bà căng đầy dưới lớp áo mút sơ lin và chiếc quần sa teng bóng lưỡng, rụt rè đếm những bước ngắn lên bậc thềm căn nhà kho tăm tối, hiện ra rõ mồn một trong trí Vinh. Hắn dựa cứng vào tường xi măng tróc lở, như sợ ngã. Hơi thở gấp gáp, trĩu nặng.

Bóng đen hiện ra lờ mờ trong cái khung vuông tối sẫm của khung cửa. Trong trí Vinh hiện ra hình ảnh một cái đầu tóc uốn quăn, đôi

bờ vai tròn, hai gò ngực cao nhọn, xôn xao, nhớn nhác. Vinh cố nheo mắt, xoáy tia nhìn, như mũi khoan sắc vào phiến đêm dày, nặng. Đôi mắt mỏi rời, những thớ thịt hai bên khóe mắt co giật như lên cơn động kinh cục bộ. Không phải *con nhỏ* rồi. Con nhỏ đầy đặn chứ đâu có mỏng teo kia. Thằng ăn trộm! Bỏ mẹ rồi, đúng là thằng ăn trộm. Tim Vinh muốn vỡ ra vì rối nhịp. Đôi chân như bị bắt vít xuống nền xi măng lạnh toát. Hai đầu gối run rẩy, lắc lư. Điệu này thì hỏng mất rồi.

Tên trộm - hẳn nhiên là tên trộm rồi - rón rén đặt những bước chân thận trọng lên thềm căn nhà kho lạnh, tối như nhà mồ. Tiếng chân lép nhép bùn nước chạm xuống nền xi măng ẩm ướt. Vinh cảm thấy rõ là cả người hắn run lên vì hồi hộp. Mí mắt lại co giật, cổ họng siết nghẹn, lồng ngực xẹp xuống phình lên hoảng loạn. Hai tay rã rời, yếu duối, hai chân lúc lắc, run rẩy ở khoảng hai đầu gối rã rời. Bóng người đã bước lọt hẳn vào phía trong cái khung hình chữ nhật nơi hai cánh cửa đã bị tháo gỡ từ lâu. Vinh biết rõ mình đang run, run như thằn lằn đứt duôi, hắn biết rõ cái hình ảnh con thằn lằn vừa bị cắt đứt duôi, hắn run hơn thế nhiều lắm. Hắn không nghĩ ra được phải làm gì trong hoàn cảnh này. Bóng đen mò mẫm khéo léo, tiến đến góc nhà tối ám. Vinh cố nén hơi thở để tên trộm khỏi nghe thấy. Trong óc hắn tuyệt nhiên không có một ý tưởng nào liên quan đến sự bắt trộm. Hắn, như đứa bé bị ma nhập, đứng sững, banh cặp mắt không hồn cố thọc sâu cái nhìn vào bóng tối dậm đặc.

Tên trộm, hẳn phải thông thạo đường đi nước bước lắm rồi, vì Vinh thấy gã đi thẳng lại phía góc nhà, chỗ để ti vi và máy hát. Một giọt nước ở đâu đó, chảy từ trán Vinh, vòng qua thái dương xuống má, viền theo môi hắn. Bộ nhà kho này dột chắc. Trời hết mưa từ lâu rồi. Vinh liếm giọt nước đọng trên khóe môi. Hắn cảm được vị muối trong giọt nước mát lạnh. Mồ hôi! Chao ơi, hồi hộp đến đổ mồ hôi hột thế này ư. Bóng người khệ nệ khiêng một vật hình khối, ì ạch đi về phía khung cửa. Vinh vẫn run như đang bị tra tấn bằng một dòng điện hạ thế. Phải làm sao đây? Khúc gỗ vuông này, chỉ cần nhắm bóng đen, giáng xuống. Sợ thì nhắm mắt lại và niệm Phật. Việc cần làm thì phải làm cho xong. Hai chục ngàn đâu dễ gì kiếm. Đánh nhẹ tay thôi, không đến nỗi chết. Nhưng lỡ nó chết thì sao đây. Hai bàn tay thư sinh trói gà không chặt đã có bao giờ giết một

sinh vật nào đâu, ngoài những con kỳ nhông trên những đụn cát thời thơ ấu. Mẹ ơi! Sao mà run cầm cập thế này. Thật là tồi tệ. Đừng run chứ. Mình làm sao thế này. Cái thân xác khốn nạn không còn chịu sự chi phối của đầu óc. Đừng run, đừng run. Hít một hơi thở dài đi, rồi, ấn xuống. Có bớt run được chút ít, phải không nào. Hít thêm một hơi nữa. Thế, tốt đấy. Bỏ mẹ rồi! Thằng ăn trộm đã biến đấu mất tiêu. Tiếng chân bước lép nhép trên nền đất ướt xa dần, rồi chìm xuống đáy vũng tạp âm rền rĩ của côn trùng và ếch nhái. Vinh nghe thấy tiếng mình thở phào. Vậy là xong. Khúc gỗ vuông rơi xuống đất, phát ra một tiếng động khô khan, cộc lốc trong đêm.

Vinh co hai nắm tay mỏi rời tê dại. Những ngón tay cứng ngắc. Yếu quá. Vậy là mất toi hai chục ngàn. Không chừng còn bị Sáu Hào đổ thừa là thông đồng với kẻ trộm. Thôi chết rồi. Chuyện này có thể xảy ra lắm đây. Sáu Hào mà, tin thế nào được. Tim Vinh chưa kịp trở lại những nhịp hài hòa, lại rối lên vì lo lắng. Thật là tai họa. Có tiếng chân người. Phải không? Vinh cố nín thở, lắng nghe. Những con ếch, những con ễnh ương, những con dế, những con côn trùng phá đám này khi không đua nhau kêu ran. Tiếng chân di lép nhép trên nền đất ướt. Đúng là tiếng chân. Lần này, có vẻ mạnh dạn hơn. Có lẽ tin vì căn nhà kho không có ai canh chừng. Tới số, con ơi! Vinh mím môi, cúi xuống nhặt cây gỗ lên, cầm chắc trong tay. Lần này không thể để vuột mất con mồi. Thằng ăn trộm khốn kiếp. Đồ sâu bọ! Vinh chợt thấy bình tĩnh trở lại. Bình tĩnh hơn lúc nãy nhiều. Có tiền rồi, có hai chục ngàn rồi, Vinh ơi. Rán lên. Chỉ cần rán đừng đánh nó chết. *Nó chớt là chú em ở tù à nghe!* Đánh trúng lưng, chắc không chết được đâu. Rán nhắm ngay lưng mà đánh, chỉ cần chờ lúc nó cúi lom khom nhấc món đồ lên, là cứ việc đập. Dễ dàng, đơn giản. Việc làm này cũng không có gì ác đức, công việc là công việc. Không có gì phải ngại ngần. Những ý nghĩ đuổi bắt nhau hụt hơi trong đầu Vinh. Hắn thấy yên tâm phần nào, và rón rén mò mẫm đi về phía góc kho hàng. Tiếng chân bước đến gần lắm rồi. Đúng là tên trộm ăn quen, trở lại *vớt* thêm chuyến hàng nữa.

Vinh nép mình vào bóng tối. Không gian đen như mực tàu. Vinh như nghe thấy được cả tiếng đập của trái tim mình, hấp tấp, hoảng loạn. Bóng đen lờ mờ hiện ra ở khoảng chữ nhật đen nhờ nhờ của khung cửa. Gã rụt rè đi về phía góc nhà, nơi những ti vi và máy hát

xếp chồng lên nhau. Gã khéo léo tới mức không gây một đụng chạm nhỏ nào vào những món đồ để bừa bãi trong gian nhà. Gã thông thạo đường đi nước bước, nên gã chẳng cần quan sát kỹ, mà dù có quan sát, thì cũng chẳng cách nào con mắt người thường có thể nhìn xuyên qua được lớp mực tàu đậm đặc của khoảng đêm trong cái kho hàng, ở giữa khu vườn tối tăm rậm rì cây cối. Nên gã không thể nào thấy Vinh, và Vinh cũng khó khăn lắm mới thấy được cái khối đen ốm yếu di động trong vũng tối. Vinh nghe được tiếng thở phì phò của tên trộm. Gã khom người xuống, hình như đang mò mẫm dây ăng ten trên nóc một cái ti vi. Gã ở ngay trong tầm tay của Vinh. Cái lưng khom khom này, chỉ cần giơ cao khúc gỗ, và giáng xuống. Vinh nín thở, khẽ nâng cao khúc gỗ lên khỏi đầu. Cái ti vi có vẻ nặng. Tên trộm ì ạch, loay hoay mãi chưa nâng lên được. Hai chục ngàn. Trời ơi! Hai chục ngàn. Xong vụ này thì giải nghệ. Nhất định hứa với lòng như thế. Giải nghệ. Có hai chục ngàn quá đủ rồi. Vinh hít một hơi dài, nín thở và nhắm mắt giáng khúc gỗ vuông vuông xuống khoảng cong cong của vệt đen trong đêm tối keo đặc. Một tiếng động mềm khô khốc vang lên cùng với một tiếng hét tắc nghẹn của một con vật sống. Tiếng đổ ngã của một vật mềm nặng nề giộng xuống nền gạch khô lạnh. Rồi, chỉ còn lại tiếng giun dế ran ran.

Vinh buông khúc gỗ, quăng mình chạy ra phía khung cửa. Hắn thấy mình chìm lỉm xuống vũng đêm đen bao la, dày đặc. Gió thổi vù vù hai bên tai tê ngắt. Giun dế kêu ran. Hai bàn chân trần tê buốt ném xuống nền đất ướt những bước trơn trượt. Những tàn lá đẫm nước quật ngang mặt đau điếng. Mắt đổ hào quang sáng lòa. Vinh nhắm hướng căn nhà gạch lao tới, hoảng loạn, như một cơn lốc. Đất vườn ướt át, trơn trượt. Vinh vấp phải một mô đất hay một khúc rễ cây cứng ngắc, những đầu ngón chân đau điếng. Hắn lảo đảo, trượt như bay lướt đi trên nền đất sũng nước. Mẹ ơi! Mặt hắn đập xuống một vũng nước lạnh ngắn ngắt. Nước văng tung tóe. Đám côn trùng quanh quẩn đâu đó chợt im bặt. Vinh lồm cồm ngồi dậy, khom mình chạy tiếp. Căn nhà gạch phía trước lờ mờ ánh đèn đỏ mềm, ấm cúng.

Vinh đập cửa, gọi không ra hơi:

– Chú Sáu... Chú Sáu à! Bắt được... bắt được thằng... ăn trộm... rồi.

Có tiếng chó sủa đâu đó trong những xóm làng lân cận. Lũ chó

có tật sủa hùa. Phút chốc, khắp nơi râm ran tiếng chó sủa vang vọng. Vinh gõ cửa dồn dập.

– Chú Sáu ơi, bắt được... tên trộm rồi... chú Sáu...

Có tiếng bàn ghế chạm nhau trong căn nhà ấm áp ánh đèn hồng. Tiếng người ho lọt qua khe cửa. Vinh nhận ra giọng ngái ngủ, lè nhè của Sáu Hào:

– Phải Hai Vinh đó không mày?

– Dạ, cháu đây - Vinh thở hổn hển - Vinh đây. Đánh được thằng ăn trộm rồi, chú Sáu à.

– Dzậy sao?

Vinh nghe tiếng châu loạt xoạt, tiếng mở cửa lạch cạch, và Sáu Hào hign ra trong ánh đèn hồng dịu mờ huyền ảo. Bóng người đàn bà lờ mờ phía trong. Trời ơi, con nhỏ khoác trên mình mỗi một tấm khăn lông màu đỏ thẫm dưới ánh đèn hồng. Người đàn bà đứng co ro, ngơ ngác nhìn ra. Đèn mờ, nhưng Vinh thấy cái đầu tóc rối bù của người đàn bà. Đầu tóc rối, điểm cho nàng nét man dại, rừng rú. Sáu Hào lúng túng khoác lên người bộ quần áo pyjama trắng lợt tẩm màu hồng của ánh đèn. Gã sửa soạn lưng quần. Vinh thấy rõ gã xoay cái dây thắt lưng đeo súng. Cái báng súng đen ngòm nổi rõ trong bóng đêm.

– Chú em có sao không mà sình lầy tùm lum dzậy?

– Dạ, bị ngã, chú Sáu.

– Nó đâu rồi.

– Dạ, gục rồi.

Gã thọc chân vào đôi dép:

– Nó có chết không đó Vinh?

Vinh lúng túng:

– Dạ, dạ... chắc không dâu chú Sáu...

Gã với tay, lấy cái đèn pin máng trên tường, quay đầu lại nói với vợ:

– Khóa cửa cho anh nghe em Ba - Và xoay lại nói với Vinh - Thôi đi, mày.

Không nghe "em Ba" trả lời, nhưng Vinh thấy thật rõ đôi mắt ngái ngủ của người đàn bà nhướng lên, chớp chớp... Hắn xoay lại, đi trước, dẫn đường cho Sáu Hào. Gió đêm luồn vào dưới lớp áo

quần ướt sũng, làm hắn run lập cập. Nhờ Sáu Hào rọi đèn pin phía trước, nên Vinh tránh được những vũng nước mưa đen ngòm trong vườn đêm. Căn nhà kho lù lù trong đêm tối, âm u như ngôi nhà mồ.

Ánh đèn pin cắt đêm tối thành vệt sáng hình nón nhọn. Vinh vừa thở vừa nói:

– Chú Sáu kêu công an chưa?

– Trói nó lại, rồi trao cho công an cũng được.

Tiếng bước chân hai người nhèm nhẹp trong đêm rộn rã tiếng giun dế và côn trùng, làm xao động cái tĩnh lặng cố hữu của đêm. Vinh thoáng thấy Sáu Hào rút súng ra khỏi bao đeo ở thắt lưng. Có tiếng lên đạn lạch cạch. *Thằng ăn trộm, mày tới số rồi con ơi!* Vinh nghe tiếng gã gầm gừ trong cuống họng. *Chống cự là tao bắn bỏ mạng!* Vinh đâm hoảng. Rắc rối to rồi đây. Vinh chưa bao giờ thấy tận mắt cảnh người bắn người, ngoài vài lần phải đi dự hành quyết những tử tội hồi vài năm trước. Hồi đó, Vinh nghe tiếng súng nổ, nhưng mắt cố nhìn về một phía khác, nơi có những gợn mây trắng nõn của bầu trời xanh ngắt.

Hai người rón rén bước lên bậc thềm. Bàn chân trần đi trên nền đất ẩm ướt lạnh toát làm Vinh rùng mình. Hắn thì thào:

– Đừng bắn nó, chú Sáu à!

Sáu Hào lặng thinh. Vinh bắt đầu thấy hồi hộp trở lại. Hai người co ro đếm từng bước dè dặt tiến vào nhà kho. Bóng tối dạt ra hai bên. Những xe gắn máy lô nhô giương những cặp mắt kiếng chiếu hậu, thò lõ nhìn hai người. Lũ ti vi, máy hát lố nhố ở cuối phòng. Ánh đèn pin vạch rõ một thân người nằm co quắp như con tôm èo uột. Vinh thở phì phò một cách khó khăn. Tên trộm dây rồi. Cầu Trời Phật cho nó đừng chết. Lạy Trời...

Sáu Hào đi bênh cạnh Vinh, rón rén bước đến gần xác người. Thằng ăn trộm mặc cái áo màu nâu và chằng vá đụp. Màu này tiệp với bóng tối, dễ lẫn vào đêm đen. Cũng biết tính toán lắm chứ. Cầu Trời cho nó đừng chết, cầu Trời Phật... Cái lưng áo oằn cong đẫm loang máu đỏ. Đừng chết! Thằng ăn trộm ơi! Vinh thoáng thấy đôi vai tên trộm nhúc nhích. Vậy là nó chưa chết. Cám ơn Trời Phật.

– Mày lật mặt nó lên coi, Vinh.

Một tay rọi đèn piu, một tay chĩa súng vào tên trộm, hai chân

dạng ra thủ thế, gã ra lệnh cho Vinh. Hấn run run cúi xuống níu lấy vai áo tên trộm. Đừng áy náy, Vinh ơi. Xong chuyến này, có hai chục ngàn rồi là giải nghệ. Hãy bình tĩnh, Vinh ơi. Hấn lẩm thẩm trong miệng và níu vai áo tên trộm, giật mạnh. Cái thân người yếu duối, mỏng manh lật hẳn qua một bên, cái đầu hớt cua đụng vào cạnh cái ti vi hiệu Sharp còn mới tinh phát ra một tiếng động mềm, khô khan.

Giữa tiếng hòa ca đều ran của giun dế và ếch nhái, chợt khuấy lên một tiếng thét kinh hoàng xé tan đêm tối. Sáu Hào hững hờ, lùi lại một bước. Cái đèn pin trong tay gã hơi chao đi. Ánh sáng trắng bệch xao động mất vài giây. Vinh nhào xuống cái hình người mềm nhão dưới chân. Ánh đèn pin chao chao, nhưng Vinh thấy quá rõ khuôn mặt quen thân, khuôn mặt hằn những nếp nhăn khổ ải của cuộc đời. *Bố! Trời ơi! Bố...*

Tai hấn ù đi, mắt hấn mù lòa dưới ánh đèn pin chói gắt. Hấn chồm lên xác người đàn ông èo uột, lăn lộn, hoảng kinh trong cơn động kinh toàn diện hãi hùng.

– Ê, Vinh. Mày làm cái gì kỳ dzậy?

Trong đêm tối, bóng Sáu Hào lù lù hằn rõ lên vách tường mờ mờ tối, trông như một xác chết vừa đội mồ sống dậy.

Hoàng Chính

HOÀNG XUÂN SƠN

nhớ anh võ ngọc trác

Vườn thảm chừ mấy o đi hết
lá trúc mô trổ giọng bông đùa
con quạ quạ kêu buồn tổ quạ
Đập Đá chừ lạnh ngắt người qua.

Nhớ yên xưa cười hiền như nắng
như bông trang bông bụt sau hè
cặp gương trắng như lòng yên trắng
yên lên ngàn có chộ hồn quê?

ĐẶNG HIỀN

đã qua một ngày không gọi nhau

Đã qua một ngày không gọi nhau
Anh tự hỏi
Lòng mình có nhớ
Nhớ mắt em ngoan
Nụ cười hiền
Một trăm "miles"
Sao thấy
Cứ như gần
Lòng cứ hẹn
Mai mốt rồi sẽ gặp
Trăng đêm nay
Trăng mới, vẫn chưa đầy
Ngón tay nhẹ
Đếm bao ngày nhung nhớ
Quẩn quanh buồn
Theo giọng hát hôm nao
Trăng đêm nay
Trăng mới, vẫn chưa đầy
Tình đôi ta
Tình mới, vẫn chưa yên
Cali 9-1993

TRẦN MỘNG TÚ

Gửi Mai Thảo

rượu thu

Đêm qua trời cầm nguyên bình rượu
rót xuống không gian mời mùa thu
Sáng nay gió vực vào hiên trước
những lá phong say mặt đỏ nhừ

trăng kim nhũ

Trăng kim nhũ tràn vào cửa sổ
trải lên giường một tấm chăn vàng
Cởi áo ra đắp trăng đi ngủ
không dám cựa mình sợ trăng tan

vào thu

Ta về vấp phải bóng đêm
Mảnh trăng xanh cắt giữa thềm chiêm bao
Trái tim hụt nhịp ba đào
Cái thân nhẹ hẫng ngã vào mùa thu

mưa xanh

Gió đã đến vuốt ve trên mái gỗ
Mảnh gỗ khô nằm đợi suốt mùa hè
Giọt mưa xanh dịu dàng lên tiếng gọi
Mái cong mình rạo rực lóng tai nghe.

NGUYỄN NGUYÊN THANH

bàn tay cụp bàn tay xòe phạm tiến duật từ "vòng trắng" đến "số không"

(Nhân đọc bài: "Nói chuyện với nhà thơ Phạm Tiến Duật" của Vương Nhu - Hợp Lưu số 9-1993)

Năm 1974 may mắn được trở ra Bắc khi quân phục còn vương khói lửa chiến trường và hành trang cuộc đời chỉ là những bài thơ được đông đảo bạn đọc yêu thích yêu thích như *Lửa đèn, Tắt lửa, Tiểu đội xe không kính...* đứng trước một hậu phương đầy tang tóc: biết bao cô gái trẻ mất chồng (những đồng đội xấu số của Duật) với một màu trắng khăn tang đè nặng mái đầu xanh, trái tim thi nhân của Phạm Tiến Duật đã rung lên đau đớn:

VÒNG TRẮNG

Khói bom lên trời thành một cái vòng đen
Trên mặt đất lại sinh bao vòng trắng
Tôi với bạn tôi đi trong yên lặng
Cái yên lặng bình thường đêm sau chiến tranh
Có mất mát nào lớn bằng cái chết
Khăn tang vòng tròn như một số không
Nhưng bạn ơi ở bên trong vòng trắng
Là cái đầu bốc lửa bên trong

Tiếc thay, bài thơ khá tài hoa ấy cũng lại là một dấu chấm đen trong cái nghiệp văn chương của Duật.

*

Thật tình tôi viết bài này không phải vì có sẵn định kiến với Phạm Tiến Duật, mà do một nguyên nhân sâu xa hơn là kẻ cơ hội dù có đổi màu đa theo hoàn cảnh vẫn không che giấu được cái đuôi "Tôn Hành Giả" của mình.

Trong khi trả lời phỏng vấn của Vương Nhu, Phạm Tiến Duật - nhà thơ vẫn lên án dân chủ đa nguyên (1) - đã biết bảo vệ chế độ cùng những đặc ân được ban phát của anh ta (2) một cách khéo léo và thông minh. Trước câu hỏi về lý do và mục đích đến Hoa Kỳ, Phạm Tiến Duật trả lời rằng anh ta được mời đến chỉ "để đọc thơ" cho một buổi hội thảo lớn với chủ đề "*Nhớ Tết Mậu Thân 1968, bàn về cuộc chiến tranh Việt Nam*", có nghĩa là không dính dáng gì đến chính trị!

Sau khi đưa ra nhiều nhận xét khá sắc sảo và thông thái về thơ ca, hội họa, Phạm Tiến Duật đã từ từ bộc lộ rõ cái đuôi "Tôn Hành Giả" của mình. Cố tránh không dùng cụm từ "văn chương phản kháng", Phạm Tiến Duật chỉ nói rằng thơ Việt Nam ngày nay đã "*rất khác trước*". Được hỏi khác thế nào, anh ta lý luận:

"*Nếu như trước kia thơ được sáng tác trong hoàn cảnh chiến tranh, giống hệt như bàn tay ta nắm lại để trở thành một nắm đấm, và như vậy, yếu tố cá nhân bị giảm thiểu đáng kể. Còn khi chiến tranh kết thúc, bàn tay ấy mềm mại xòe ra và mỗi ngón tay phải trở thành mình*".

Nghe qua tưởng rằng chí lý, song cái ẩn ý đằng sau lối ví von kiểu "*nắm đấm*" đó là âm mưu xóa sạch tội trói buộc, đàn áp văn nghệ của Đảng: thơ văn ngày xưa vì chiến tranh nên cần sắt máu, nay trở về với hòa bình, với cội nguồn nhân bản, hoàn toàn do ý thức và tấm lòng của văn nghệ sĩ chứ không phải do bị đè nén hay cưỡng ép của bất cứ thế lực chính trị nào!

Thật trơ trẽn khi cái lối nguỵ biện đó chẳng khác gì "nắm đấm" giáng trả lại chính Duật, mà bài thơ "*Vòng trắng*" là một ví dụ.

Sở dĩ "*Vòng trắng*" có được giá trị nghệ thuật và nhân bản là vì được viết từ trái tim với những nỗi niềm thương đau rất chân thật, rất mềm yếu, rất trân quý cuộc sống của con người. Tức là biết "xòe" tay ra để viết (nói theo cách của anh ta) chứ không phải cương lên như "nắm đấm", mặc dù cuộc chiến tranh lúc đó chưa kết thúc.

Đã quen thói "bán mình", khi nhắc lại bài thơ (*Vòng trắng*) bị Đảng phê bình, đánh dấu một cái mốc quan trọng trên con đường tiến thân (cúi đầu làm theo mọi sự chỉ bảo của bề trên để chuộc tội, điển hình là bài thơ "*Ca ngợi mặt trời*") Phạm Tiến Duật tỏ vẻ ngây thơ:

"Không phải chính quyền, mà là một số người cụ thể tôi không tiện nêu tên ở đây, đã gây ra cho tôi rất nhiều phiền hà, mệt mỏi" (3).

Thật y trang luận điệu cũ mèm: những sai lầm, tội ác của Đảng lâu nay là do một số cá nhân gây ra, chứ Đảng ta vẫn trong sạch và đúng đắn. Vì vậy chỉ việc thí những con tốt, thậm chí nếu cần cả xe pháo mã trong công cuộc đổi mới là đủ để chạy tội cho "Đảng vĩ đại"!

Vậy thì những cá nhân mà Phạm Tiến Duật nói đó là ai, chẳng lẽ khi còn quyền lực họ không đại diện và thực thi mọi chỉ thị "sáng suốt" của Đảng, mà cụ thể là cán bộ phụ trách văn hóa tư tưởng? Không lẽ Phạm Tiến Duật cố tình chối bỏ một sự thật: trong chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực kiểu Stalin ở Việt Nam, cá nhân cán bộ Đảng chỉ là số không, cái khung gỗ chứa đựng các chủ trương chính sách của đảng Cộng sản Việt Nam?

Giới văn nghệ Hà Nội hẳn chưa quên vào những năm cuối của thập niên 80, Phạm Tiến Duật đã "bán mình" chỉ vì hám quyền và lợi: Viết một bài phê bình rất bốc thơm một cuốn truyện nhạt thếch và vô duyên của Tổng biên tập báo Văn Nghệ, Đào Vũ - cấp trên của anh ta. Bài viết được mang đi gõ cửa khắp các tòa báo ở Hà Nội (cho có vẻ khách quan) nhưng khốn nỗi chẳng ma nào nhận đăng, cuối cùng đành phải mang về in ngay trên báo nhà, "mẹ hát con khen hay" vậy! Ngoài ra, khi đã có được một chút quyền lực, anh ta sẵn sàng lạm dụng như việc trao giải thơ (giải ba) của tuần báo Văn Nghệ cho một nữ sinh viên trường Đại học Sư Phạm Hà Nội I, chỉ vì ham muốn rất riêng tư.

Là một người có nhân cách và ngay thẳng như thế (!) nên sau một hồi lập luận vòng vo, mập mờ, dĩ nhiên Phạm Tiến Duật cuối cùng phải khẳng định:

"Tôi từ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sang, tôi nói sợ rằng anh cho tôi ca ngợi nơi mình ở, nhưng tôi vẫn phải nói: Hiện nay đã có tự do trong sáng tác. Nếu như anh đọc trên báo Văn Nghệ hay các báo khác, anh sẽ thấy vô số ý kiến đa dạng đã được chấp nhận".

Đến lúc không tránh được vấn đề "văn chương phản kháng" ở trong nước, Phạm Tiến Duật biện bạch:

"Có thể nói văn học lúc nào cũng tiềm tàng tính phản kháng ở

bên trong. Đó là sự chống lại cái ác. Tôi rất hoan nghênh sự việc này".

Và: "*Hiện nay phong trào 'văn chương phản kháng' trong hay ngoài nước thế nào, có tốt hay không còn do một điều kiện nữa, đó là phản kháng cái gì, phản kháng ai? Tôi nghĩ đây chỉ là hiện tượng tất yếu của một xã hội trong buổi giao thời thôi*".

Lập luận của anh ta đầy mâu thuẫn: dã thừa nhận "*tính phản kháng*" của văn học là "*chống lại cái ác*", một điều tốt đáng "*hoan nghênh*", anh ta còn bẻ cong lại ngay sau đó: "*văn chương phản kháng*" *có tốt hay không tốt? Và muốn tốt thì phải có điều kiện: "phản kháng cái gì, phản kháng ai?*", hệt như lời lẽ của một cán bộ tuyên huấn quen hăm dọa các nhà văn trong nước tại một buổi uốn nắn lệnh lạc nào đó!

Không hiểu vô tình hay cố ý, khi gián tiếp công nhận Việt Nam có "*văn chương phản kháng*" thì theo lý luận phản kháng là chống lại cái ác của anh ta (rất chính xác), hóa ra đảng Cộng sản Việt Nam chẳng ác quá hay sao mà có cả một "*phong trào văn chương phản kháng*" như thế? Văn chương phản kháng ở Việt Nam hiện nay ai cũng biết là chống lại một chế độ thối nát, vô nhân đạo cụ thể chứ không phải là một cái ác chung chung nào cả, thưa nhà thơ Phạm Tiến Duật!

Khi nói văn chương trong nước đã được tự do sáng tác (nó đã mâu thuẫn ngay với lối lý luận kiểu "*nắm dấm*" đã nói ở trên của anh ta), Phạm Tiến Duật đã cố ý lờ đi một sự thật đau lòng: Văn chương một khi không thể sống tự thân được, phải sống bám vào cơ chế bao cấp, nhất là chế độ độc tài Cộng sản như Phạm Tiến Duật đã thừa nhận, thì đương nhiên văn chương đó phải phục vụ ý đồ chính trị của chế độ, bảo vệ chế độ. Do đó, dưới chế độ độc tài toàn trị, duy ý chí như chế độ Cộng sản Việt Nam hiện nay thì nền văn nghệ Việt Nam làm sao có tự do sáng tác thực sự. Sở dĩ có văn chương phản kháng cũng là vì thế. Những tác phẩm chống chế độ, dạp đổ thần tượng mị dân của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Huy Quang... ra đời được là do vượt thoát bàn tay chi phối của đảng Cộng sản, do đảng Cộng sản đã lâm vào thế bí không dám thẳng tay đàn áp như trước (vụ bắt giam Dương Thu Hương

cũng phải ngụy tạo lý do khác chứ Đảng đâu dám nói thẳng là vì can tội nói xấu Đảng!). Nhưng họ vẫn bị làm khó dễ bằng mọi cách.

Hiện nay đảng Cộng sản Việt Nam đang cố gỡ thế bí như mong đợi lệnh bỏ cấm vận của Hoa Kỳ, vô hiệu hóa sự chống đối của cộng đồng Việt Nam hải ngoại với các chiêu bài hòa bình, hòa hợp, hòa giải, Phạm Tiến Duật cũng thế. Anh ta đã đưa ra một so sánh khập khiễng:

"*Dân văn hóa dễ bắt tay nhau hơn dân quân sự, thế mà các viên tướng của Mỹ đã bắt các viên tướng Việt Nam rồi, huống gì các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ... sao lại không thể bắt tay nhau được?*"

Anh ta đã cố tình "đánh lận con đen" hai cái khác nhau về bản chất làm một: Lính Mỹ, tướng tá Mỹ đánh nhau hay hòa giải với Cộng sản Việt Nam đều do quyền lợi tối thượng của Hoa Kỳ, hoàn toàn mang tính kinh tế và chính trị, mặc dù binh lính họ chẳng thích đánh nhau ở Việt Nam, thậm chí trước đó cũng chẳng có oán thù gì Cộng sản Việt Nam cả, ngược lại còn giúp đỡ "đồng minh" chống thực dân Pháp. Vả lại, sau một cuộc đọ súng dù tàn bạo đến bao nhiêu chăng nữa, những kẻ đối địch ở mặt trận thường dễ quên hận thù. Nhưng văn nghệ sĩ hải ngoại có những mối cựu thù từ đời cha ông họ với Cộng sản Việt Nam (kẻ bị chết oan sau khi đã đóng góp tất cả cho cách mạng, người bị đấu tố đến chết trong cải cách ruộng đất chỉ vì có tiền, có ruộng, không giống giai cấp vô sản có nghĩa là tư bản bóc lột, họ bồng bế nhau chạy vào Nam; những người sinh trưởng trong Nam ít nhiều đã được tự do ngôn luận sáng tác, được sống bằng nghề của mình, đến năm 1975 tất cả phải chạy trối chết ra hải ngoại vì Cộng sản, những ai kém may mắn hay tin tưởng vào chế độ ở lại thì bị bắt cầm tù, cải tạo). Còn tác phẩm của họ thì sao? Chính quyền tịch thu, ngăn cấm, đòi đốt bỏ tất cả vì hệ tư tưởng tiểu tư sản phản động.

Trong khi đó, những văn nghệ sĩ dưới chế độ Cộng sản - con đẻ của chế độ, bị bưng bít thông tin nên phần đông vào hùa với Đảng coi thường văn chương hải ngoại, chỉ có ít người trong số họ thực sự hiểu biết đúng đắn về văn nghệ sĩ nước ngoài, nhưng tất cả vẫn bị hải ngoại coi là bồi bút.

Rõ ràng, mối thù hận xa cách giữa hai bên là thuộc về ý thức hệ, gắn bó với thịt xương, tim óc, không thể dễ dàng giải tỏa. Vậy thì

làm sao các văn nghệ sĩ trong và ngoài nước có thể nhẹ nhàng bắt chước các tướng tá Mỹ được? Tại sao Phạm Tiến Duật không kêu gọi đảng Cộng sản Việt Nam hãy cho tự do lưu hành các tác phẩm của văn nghệ sĩ hải ngoại trong nước trước khi nói đến chuyện "bắt tay" với họ?

Đã thành một thông lệ, để đáp lại bất cứ một lời mời tham gia hội thảo hay đàm đạo văn chương nào ở nước ngoài, đảng Cộng sản Việt Nam vẫn thường "treo đầu dê..." bằng cách đánh tráo người, chỉ cho những văn nô đúng nghĩa đi tham dự. Hậu quả là sau chuyến đi Hoa Kỳ (1988?) Lê Lựu, nhà văn quân đội đang được bạn đọc yêu mến với tiểu thuyết "Thời xa vắng" theo khuynh hướng đổi mới, trở về con đường chính đạo của văn chương, mình thật là mình, đã trở thành gã bồi bút tầm thường với cuốn "Một thời lầm lỗi" cố tình xuyên tạc sự thật nhằm phỉ báng những giá trị nhân quyền ở một nước dân chủ như Hoa Kỳ, thông qua những người Việt vượt biên đi tìm tự do.

Còn bây giờ là Phạm Tiến Duật. Đâu phải anh ta chỉ đi dọc thơ. Đấy chỉ là cái cớ hợp pháp rất đẹp. Thực chất anh ta chính là sứ giả của văn chương "chính thống" đi rao hàng đổi mới dưới mặt nạ dân chủ của đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ một nhà thơ đứng bên bờ cao của chân thiệm mỹ, thế mà chỉ thoáng chốc rơi tõm xuống vũng lầy của văn chương nô bộc, là một sự đánh mất bản ngã, đánh mất bản dạo tự nhiên của người cầm bút.

*

Bàn tay cụp, bàn tay xòe, từ một "*Vòng trắng*" đầy giá trị nghệ thuật và nhân bản, Phạm Tiến Duật ngày hôm nay chỉ còn lại số không rỗng tuếch trong thi nghiệp của mình. Để đổi lại, anh ta có chức quyền, bổng lộc như được đi Hoa Kỳ làm "công vụ" đánh đĩ lương tâm.

Nhưng, dù có làm đến "quan văn nghệ" thì cũng chỉ là: càng trở thành văn nô chính hiệu.

Vì nàng thơ chỉ lộng lẫy kiêu sa, là sự thăng hoa của ngôn ngữ, tư duy, thẩm mỹ và tình cảm của con người khi mà nàng không bị bất cứ một thế lực chính trị nào cưỡng hiếp.

Nhưng "cao xanh" nào có hay: nhiều văn nghệ sĩ trong nước đang dũng cảm dấn từng bước khó khăn mong tìm lại chính mình,

để cho Phạm Tiến Duật được ra nước ngoài mà chẳng đại diện cho ai cả, ngoài bộ mặt đạo đức giả rất sở khanh của một chế độ độc tài.

Berlin 5-1993

---

(1) Xem bài "Về tình hình văn học" của Phạm Tiến Duật trên tuần báo Văn Nghệ Phụ san tháng 7-1990.

(2) Phạm Tiến Duật đang là Ủy viên ban chấp hành (UVBCH) hội Nhà Văn Việt Nam (HNV), phụ trách Hội đồng Thơ, UVBCH hội Nhà Báo Việt Nam, Chi trưởng chi hội Nhà Báo của tuần báo Văn Nghệ.

(3) Với "Vòng trắng", Phạm Tiến Duật như một con ngựa bất ngờ đứng chứng, ngay lập tức bị Đảng đẩy vào hoàn cảnh cô lập: không được viết, nói, bạn viết phải tránh xa như một số cây bút Nhân Văn Giai Phẩm trước đây. Nhưng có lẽ do bản chất tiểu nông: đơn giản, cả tin đầy nông nổi cộng với lòng biết ơn Đảng, Bác, tiếc thay anh ta đã không vượt qua được vòng cấm, không chịu đựng được sự trừng phạt nghiệt ngã và khủng hoảng nội tâm như các văn nghệ sĩ đàn anh. (Người ta vẫn còn nhớ cái dáng đi cô độc, vô hồn, thất thểu, đáng thương của anh ta trong thời gian ấy, trên các vỉa hè Hà Nội). Cuối cùng, Phạm Tiến Duật phải ngoan ngoãn trở về đường cũ.

HOÀNG XUÂN GIANG

vàng thu tháng mười

(Gửi về D.C. và những tấm lòng)

Vàng quá, mùa thu ơi
Những tấm lòng thiếu nữ
Độ lượng em, sương mai
Ướt hồn ta, vừa đủ

Rực rỡ, lối về xa
Giữa vàng thu, lửa đỏ
Những đốm môi, của ai
Bay về theo cơn gió

Ta tìm thấy em giữa muôn trùng lá úa
Hồn chim di ngủ thiếp giữa rừng cây
Và trong ta nhớ rất đầy
Những ngày yêu dấu, bước hài em qua.

NGHIÊU ĐỀ

là cỏ qua rừng...

Rồi gió cũng mở ngày xanh ngắt
Lối mòn quen nằm thở hơi người

Sớm mai đủng đỉnh trên đồi cỏ
Chờ đỏ ta cùng bóng mặt trời

Trải một vùng xanh, hoa rạng rỡ
Thân ta dài hết cõi tịnh yên

Đêm biết lắng nghe rừng cỏ mọc
Mai bạt ngàn bay mỏi cánh chim

Sông nước nổi núi chia trời. Là cỏ
Có ngày ta mọc dấu chân em

Đến tận cùng đời ta từng phút
Thở hết trời mai sớm thảo nguyên.

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI

NẮM TRO

29– Xe hồng thập tự đi đã từ lâu mà cô vẫn ngồi một mình trong căn nhà vắng. Cô chưa nghe xót thương, chỉ thấy toàn thân tê dại. Tất cả quãng đời thơ ấu hiện về, lớp lang thứ tự. Cô thấy lại ngôi biệt thự ở Sài Gòn nhiều thập niên trước, có phòng khách rộng, có chiếc ghế bành kê khuất sát tường sau tấm bình phong, nơi cô hay ngồi một mình mỗi khi có chuyện buồn bã bực dọc. Và bao giờ thấy cô ngồi đấy, ông cũng tìm tới an ủi dỗ dành. Bằng một câu nói, một thỏi kẹo, ông có thể làm tất cả sầu muộn của tuổi thơ tan biến... Cô nghĩ tới thư phòng đầy sách vở của ông, vùng cấm địa cho cả nhà trừ một mình cô được vào... Cô nghĩ đến những chiếc bánh cô tự tay làm cho ông, những chiếc bánh bao giờ ông cũng khen, kể từ chiếc bánh đầu tiên của lớp nữ công gia chánh... Cô nghĩ đến những ngày đưỡng bệnh sau khi cô phục hồi tai nạn xe hơi trên đường lên cao nguyên tìm Lương, những buổi học với ông về công dụng và tính danh các đồ vật để phục hồi trí nhớ... Cô nghĩ đến những tối hai cha con đi bách bộ trong công viên mùa hè vừa qua...

Tất cả đã hết, tất cả, tất cả chỉ có thế... Nước mắt cô trào ra. Thế là hết, hết thật, tuyệt đối hết. Không bao giờ ông sẽ trở lại với cô... Cô chơi vơi chìm xuống, chìm xuống mãi một vực sâu không đáy.

Tầm mắt cô bắt lấy bức tranh phong cảnh treo trên tường như níu lại thăng bằng cho tâm thức. Bức tranh tầm thường của một họa sĩ không tên tuổi vẽ cảnh rừng thu, tương tự như cảnh rừng phong mấy tuần trước cô đi xem với Bảo, bỗng như chuyển động. Cô đưa cườm tay dụi mắt. Như có ma, bức tranh nở ra chiếm hết bức vách, và con đường đất giữa hai rặng cây mở rộng ra thành con đường thật.

"Bác ở nhà thương gọi điện thoại mấy lần mà không có ai trả lời, vội về xem sự thể làm sao..."

Cô nghe tiếng bác Lan nói với cô, xa vắng như tiếng người trong mơ. Và như những nhân vật trong mơ, bác bước vào nhà với một người đàn ông trẻ.

Cô nhận ra bác sĩ Tuấn, cháu ruột bác. Anh ta làm tại bệnh viện ba cô nằm, vẫn thỉnh thoảng đến nhà chơi. Rõ ràng là cả Tuấn và bác Lan đều không hay biết sự việc bức tranh đang biến hình. Họ như tạo bởi vọng tưởng, đứng ngồi đi lại, mà tất cả sinh hoạt ấy hoàn toàn không ăn nhằm gì với sự việc đang xảy ra xung quanh. Họ như không thấy cả con đường đất đang mở rộng, đang thôi thúc cô bước vào.

Cô nhìn vào bức tranh, nhìn đến đâu tầm nhìn rộng theo đến đấy, như chính cô đang đi vào trong cảnh... Từ những ngóc ngách hai bên, cô thấy những vườn cây trĩu quả... Cứ thế, cô ngồi tại chỗ trên sofa mà vẫn bước sâu vào khu rừng, tựa hồ như *đi* không ngược với *ở*, tựa hồ như *đi* với *ở* là một, như chuyện sắc sắc không không của bài kinh Bát Nhã cô học hồi xưa. Quá rừng phong, cô tới rừng cây nhiệt đới của cố quốc, của Hố Bò... Ba cô đang đứng ven rừng, nét mặt tươi tắn, vẫy tay gọi cô... Cô biết ba cô đã chết, nhưng sống chết hóa ra lại không khác nhau... Cô chóng mặt với chân lý mới nghiệm ra...

Bác sĩ Tuấn bước tới sofa và dừng lại bên cô. Vẫn như một bóng ma trong chiêm bao, anh chỉ có hình tướng mà không có thực chất, đứng ngay trước mặt mà không cản trở tầm mắt của cô. Anh bảo:

"Tôi chia buồn với chị. Sống ở thác về... Dầu sao bác ra đi cũng nhẹ nhàng lắm, như ngủ đi thôi..."

Rõ ràng là bác sĩ Tuấn không thấy ba cô đang vẫy cô. Cô trấn an anh:

"Ba tôi đâu có chết... Ông đang gọi tôi kia kìa..."

Cô nói sự thật mà anh cũng sợ hãi. Không nhìn theo ngón tay cô chỉ, anh quay lại bác Lan. Như những bóng ma, họ xầm xì bàn bạc với nhau. Hai người tính đỡ cô vào nhà trong, nhưng cô cứng đơ như gỗ, như người bị bóng đè. Sau cùng, họ bỏ cuộc. Bác Lan ra gọi điện thoại, quay hết số này đến số khác. Còn Tuấn thì bỏ ra xe, lái sau

trở lại với chiếc bị đựng y cụ. Anh ta mở ve thuốc lấy hai viên đưa cô. Rót nước cho cô, anh nói:

"Chị uống đi cho khỏe."

Cô không nhúc nhích. Anh mở bị lấy ra một ăm-pun thuốc nước, bẻ nắp rút vào ống chích. Chĩa mũi kim lên trần nhà, anh bơm cho bọt hơi ra. Rồi vén tay áo ngủ của cô, anh gọn gàng đâm ống chích vào vai cô và đẩy mũi thuốc.

"Mất đã có thần, cô ấy tỉnh lại rồi. Chốc lát thuốc ngấm, ngủ một giấc là khỏe lại."

Cô nghe tiếng anh ta nói với bác Lan. Cô thấy bác tới đứng bên cô. Bác vui mừng:

"Lúc nãy cháu làm bác sợ quá... Cứ ngồi sững thế này, mắt mở trừng trừng mà chẳng biết gì... May mà phòng xa, bác đã kéo anh Tuấn về cùng với bác..."

Cái đau nhức nơi cánh tay mới chích thuốc làm cô tỉnh hẳn. Cô nhìn xung quanh, nhớ lại mọi chuyện, và nước mắt lại trào ra. Cô nghe tứ chi mệt mỏi rã rời.

"Bây giờ chị vào buồng nghỉ nhé."

Bác sĩ Tuấn dìu cô đứng dậy. Gỡ nhẹ tay anh, cô nói:

"Tôi đi một mình cũng được."

Vào đến phòng, cô ngã xuống giường và ngủ thiếp đi.

*

Cô ngủ một giấc dài, mê mệt lẫn với chập chờn thao thức. Thỉnh thoảng cô lơ mơ tỉnh lại nghe những khuấy động từ nhà ngoài vọng vào, gián đoạn, đứt quãng, xa vắng... Có tiếng mẹ cô và Tâm khóc, tiếng Hoài lật đật hỏi han sự thể, tiếng bác Lan với mấy bà cụ trong hội tăng già xê dịch bàn ghế để kê bàn thờ... Cô nghe mùi nhang thoang thoảng từ nhà ngoài từng lúc bay vào...

Cô thức dậy thì trời đã xế chiều, bóng mái hiên cắt xéo lên tấm màn cửa sổ. Chắc cũng phải gần hai giờ rồi, cô tự nhủ. Nhà ngoài, tiếng tụng kinh lại nổi lên, râm ran một hồi rồi chấm dứt. Tiếng cụ Thắng, bạn đạo của mẹ cô:

"Sống ở thác về, cụ ạ. Thôi thì..."

Không biết cụ Thắng nói với mẹ cô hay bác Lan. Câu nói lập lại nhiều lần từ sáng đến giờ, ngay trong giấc ngủ nhiều khi mơ hồ cô

cũng nghe thấy, nhắc nhở cho cô là ba cô đã mất. Sau cùng cô nghe các cụ chào bác Lan và bước ra cửa. Không thấy họ chào mẹ cô, không biết bà lại đi đâu rồi...

Im lặng trở lại.

Cô tỉnh hẳn. Chợt nghĩ đến cảnh nhà tang tóc, đến những việc phải làm, cô choàng dậy thay quần áo bước ra nhà ngoài. Phòng khách bây giờ trống trơn, chỉ còn bác Lan đang bận rộn bầy lên bàn thờ chiếc ảnh bán thâu của ba cô mới phóng lớn.

"Cháu dậy rồi hả?"

"Mẹ cháu đâu?"

"Mẹ lên chùa gặp sư ông. Cháu khỏi lo, có bà bạn đi theo nữa."

Rồi bác cho cô hay Hải và vợ con đã lên phi cơ về Pháp từ sớm. Ngày mai áng chừng lúc các em đã về tới bên ấy, bác sẽ gọi điện thoại báo tin. Tâm và Hoài chưa ra phi trường nên đã kịp bỏ chuyến bay. Hai vợ chồng hiện ra phố sắm sửa vải sô hương dèn để phát tang, và tới tòa báo đưa tờ cáo phó bác đã thảo để kịp đăng số ngày mai.

Bác kết luận:

"Cháu ở nhà đợi mẹ về nhé. Bác ra nhà đòn thu xếp và ghé chợ sắm ít thức lặt vặt. Bác sẽ về ngay..."

"Cháu đi với bác."

Bác miễn cưỡng cho cô theo. Nhưng bác dặn:

"Lát nữa tới nhà đòn, cứ để bác thương lượng với họ. Cháu đang xúc động, dễ bị họ trục lợi lắm..."

Ở nhà đòn ra thấy giờ còn sớm, cô nhờ bác cho cô ghé qua ngân hàng lấy tiền mặt ra trang trải những phí tổn sắp tới. Bác thoái thác, cô phải nằn nì bác mới chịu làm theo ý. Đến nơi, cô đưa sổ cho anh nhân viên phát ngân, ngỏ ý muốn rút hết tiền trong chương mục nhỏ bé của mình ra.

"Xin cô làm ơn đợi cho một phút."

Ngôn ngữ gượng nhẹ cũng như nét ái ngại trên mặt anh thư ký làm cô nghĩ chắc cô trông thiểu não lắm. Anh ta bấm máy vi tính rồi ngẩng lên hỏi cô:

"Cô muốn lấy tiền mặt hay ngân phiếu?"

"Làm ơn cho tôi tiền mặt."

"Nếu vậy thì phiền cô phải đợi thôi. Chắc đến mai chúng tôi mới có đủ số ấy."

Cộng nhẩm cái ngân phiếu an sinh độc nhất cô lãnh đầu tháng với món tiền một trăm đồng ba cô cho mở hàng khi mới mở chương mục, cô ngạc nhiên hỏi:

"Ông bảo ngân hàng không có sẵn ba bốn trăm đồng bạc mặt?"

Bây giờ đến lần anh ta ngạc nhiên:

"Cô có lầm không? Bốn trăm đồng thì chúng tôi có sẵn, nhưng ba mươi ngàn bốn trăm đồng thì không."

Cô làm gì có nhiều tiền như vậy. Cô bực dọc với lối làm ăn không nghiêm túc của ngân hàng:

"Chắc ông lầm với ai rồi. Tôi yêu cầu..."

Bác Lan vội vã can thiệp:

"Hoàng, ông ấy nói đúng đấy. Tiền ấy là ba cháu mới chuyển sang cho cháu. Cháu cần bao nhiêu thì lấy ra bấy nhiêu, rồi bác sẽ cắt nghĩa mọi chuyện..."

Cô vâng lời bác.

*

Ra tới cửa ngân hàng, cô hỏi:

"Thưa bác, món tiền này..."

Không để cô hỏi hết câu, bác giảng giải:

"Tiền ba cho cháu là tiền lương thiện. Tiền ấy ngày xưa ông bán đất cho Mỹ. Giao kèo ký xong, tiền chưa kịp lãnh thì mất nước. Hồ sơ thất lạc, món tiền đã tưởng như mất luôn. Mãi gần đây phối kiểm xong, họ mới viết ngân phiếu cho ba cháu.

"Sau thuế má còn khoảng năm mươi ngàn Mỹ kim với vài trăm lẻ. Như cháu đã biết, ba cháu cho cháu ba chục ngàn chuyển thẳng vào chương mục. Ngoài ra, ông để ra năm ngàn lo ma chay, chỗ còn lại là của mẹ cháu."

"Ba cháu không nhắc đến Tâm với Hải?"

"Chắc ba cháu nghĩ hai em cháu đời sống đã ổn định..."

"Nhưng tại sao bác không cho cháu hay từ đầu?"

Ông yên lặng giây lâu. Sau cùng ông thú nhận:

"Tại vì ngoài chuyện tiền, chúc thư của ba còn một chuyện tế

nhị khác mà bác chưa biết xử làm sao cho ổn... Bác muốn suy nghĩ nốt đêm nay trước khi cho mọi người hay..."

Cô nhìn bác chờ đợi. Đặng chẳng đừng, bác tiết lộ:

"Chuyện khó xử là tang lễ của ba. Ông nhất định chọn hỏa táng. Tro sẽ giữ lại bao giờ về làng được thì đem trải ở sông Hậu..."

30– "Hỏa táng, hỏa táng..." cô lẩm nhẩm lời bác.

Cô lặng người, nghe trong đầu lửa cháy bừng bừng. Té ra bác muốn giấu cô cái bí mật này. Hèn gì lúc bàn bạc với nhà đòn, bác đã không cho cô dự. Hèn gì bác đã không muốn cô tới ngân hàng hôm nay...

Hỏa táng ư? Làm sao ba cô lại nhất định hỏa táng. Ba ơi, ba chọn lựa theo kinh sách mà chăm chỉ tu học gần đây, hay phải chăng sau một kiếp người gần gũi với mẹ, ba đã... Cô không dám nghĩ tiếp...

Bác phân trần:

"Đừng trách bác Hoàng ạ, câu chuyện thật khó nghĩ cho bác. Sáng ngày, bác tính đợi tất các em về đông đủ mới đọc chúc thư. Nhưng ai ngờ cháu nhất quyết đòi rút tiền ra khỏi chương mục hôm nay..."

"Thế còn tờ cáo phó?"

"Bác nói rõ cả... Ngày tháng, địa điểm... Nhưng không nói là hỏa táng... Đằng nào thì tro có mang về quê để rải ở sông Hậu ngay được đâu, chôn tạm ở miếng đất hậu sự cũng tốt thôi..."

Hình ảnh hai lô đất ấy hiện ra trước mắt cô, với những chăm sóc, những tính toán, những mơ ước, những kế hoạch của bà với cuộc sống bên kia cái chết cho hai người... Ông chôn đâu bà chôn đâu, mộ xây làm sao, bà đã trù liệu sẵn sàng. Bà tin sống gởi thác về, và khi về cõi thiên thu bà sẽ vĩnh viễn có ông bên cạnh, có gia đình bác Lan ở ngay láng giềng... Bà đã sắp sẵn mọi chuyện cho ông, ngay cả chuyện bên kia cái chết...

Cô muốn nghĩ đây là biểu hiệu của tình yêu của mẹ cô dành cho ba cô. Nhưng tối hôm qua trong bếp, lúc bà bước ra giữa câu chuyện tâm sự của hai chị em cô, lúc bà bực mình vì lỡ vô tình nhắc đến chị Quỳ, nét mặt bà sao khó khăn nghiệt ngã thế. Đúng tối hôm qua, tối cuối cùng của ông trên đời, bà vẫn còn dày vò mọi người, dày

vò ông. Chỉ có điều rốt ráo như vậy, cạn tầu ráo nước như vậy, mà rốt cuộc rồi cũng chẳng được gì. Cô rùng mình nghĩ sao tình yêu có thể vất vả ngột ngạt đến thế.

Như cũng đang nghĩ đến mẹ cô, bác Lan trầm giọng xuống như nói một mình:

"Bác biết ba mẹ cháu từ hồi cả bọn còn cháu nít. Mẹ cháu là một người đàn bà tốt. Một người đàn bà đức hạnh. Một người đàn bà đặc biệt. Ba cháu là thật vô cùng may mắn... Mà cuộc đời cũng thật là không công bình, mẹ cháu nhận được ít quá... Những ước mơ của bà kể như hiếm khi được thực hiện... Mà bà nào có mơ ước gì cho bản thân..."

Cô nhìn bác ngỡ ngàng. Bác nói về một người đàn bà mà cô không thấy nơi mẹ cô... Chính vì xót xa người đàn bà ấy mà bác đã lúng túng với bản chúc thư. Té ra là bác muốn che chở cho bà. Không biết bác muốn che chở đến đâu.

Bác lại nói:

"Cháu ạ, chết là hết, chỉ người sống là khổ thôi. Ưu tiên phải dành cho người sống, tránh cho người sống những thương tổn không cần thiết... Cháu nghĩ bác nói có phải không? Lo là lo cho người sống, che chở là che chở cho người sống. Người chết thành tro bụi, có còn biết gì nữa đâu."

Thế là bác toan hủy tờ chúc thư. Không, không được, cô tự nhủ. Nghiêm giọng, cô bảo bác:

"Thưa bác, cháu nghĩ dù sao cũng phải tôn trọng ý muốn cuối cùng của ba cháu. Mà còn phải gấp nữa, ngày kia tang lễ phải cử hành rồi..."

Bác Lan nhìn cô như điều đình, như năn nỉ. Cô dứt khoát:

"Bác về ăn cơm đằng cháu nhé. Bác cháu mình phải cho mẹ cháu hay ngay tối nay thôi."

31– Cô mở cửa mời bác Lan vào nhà. Cụ Thắng đang ngồi sẵn trong phòng khách. Cụ nói với cô:

"Tôi vừa đưa cụ bà đi gặp sư ông về. Cụ đang nghỉ trong buồng, chắc đã chợp mắt được một lát."

"Con cám ơn cụ..."

"Nghĩa tử nghĩa tận mà..."

Cụ Thắng đứng dậy cáo từ. Cụ đi rồi, cô nhìn bàn thờ ba cô, thấy hương đã tàn, vội vã thắp thêm ba nén mới. Tấm di ảnh của ba cô làm cô ngỡ ngàng. Cũng vẫn là tấm ảnh quen thuộc nhưng sao khác lạ. Cô biết di ảnh bao giờ trông cũng có gì linh thiêng. Nhưng di ảnh của ba cô, mới có mấy giờ hương khói mà như đã có thần. Cô bị thôi miên. Đôi mắt ông nhìn cô như ngậm ngùi, như có điều gì nhắn nhủ, như có gì không an tâm cho con gái.

Cô khấn thầm, "Có phải ba muốn khuyên con về chuyện Bảo không ba? Ba muốn cau con buổi sáng đi chơi núi, mà ngần ngại rồi để con đi phải không? Có phải ba sợ biết dâu con chẳng sung sướng với anh ấy... Ba ơi, ba quên là con không còn trẻ nít nữa sao..." Rồi chợt nhớ vụ hỏa táng, cô nuốt nước mắt khấn tiếp, "Tại sao lại thế, tại sao hả Ba? Tại sao Ba tàn nhẫn với mẹ như vậy? Con biết tàn nhẫn không phải là bản tính của Ba, vậy thì tại sao? Thuở sinh thời, Ba phải chịu đựng mẹ con đến vậy sao? Ba, bác Lan muốn giấu đi chúc của Ba. Con sẽ không để cho bác làm chuyện ấy, trừ khi ba đổi ý... Ba, nếu Ba đổi ý, Ba làm điềm gì cho con thấy, Ba nhé..."

Đôi mắt ba cô trong ảnh vẫn như quan sát cô... Cô nhắm mắt, cô đợi một cái gì báo ứng, một cái gì dù mơ hồ nhưng ít nhất một cái gì... Nhưng không có gì bất thường xảy ra. "Âm dương cách biệt," cô khẽ nói, để rồi thấm ý câu nói, nước mắt cô giàn dụa. Bàn tay ai đặt trên vai làm cô giật mình quay lại. Bác Lan đang đứng bên cô từ bao giờ.

Bác nói:

"Cháu phải bình tâm cháu ạ. Dừng xót thương quá mà sinh bệnh. Ra ngồi chơi với mẹ đi, mẹ chán đã dậy rồi đấy."

Cô theo bác ra xa-lông.

*

Ngắm mẹ cô ngồi trên ghế bành, cô sửng sốt. Mới từ sáng đến giờ mà bà như già đi mười tuổi. Dáng bà khọm xuống, mắt bà trũng vào, mái tóc như bạc nhiều hơn...

Cô cũng ghi nhận là mẹ cô dẹp và kiểu cách, cái đẹp cái kiểu cách ấy không vì đau khổ tang tóc mà hư hao. Bác Lan nói đúng, mẹ cô là người đàn bà đặc biệt, và cô hiểu được tại sao bác cho ba cô là người đàn ông may mắn nhất đời.

Nhưng chỉ một lát nữa bác sẽ phải cho bà biết sự thật, trong buổi trà này, hay trễ lắm là bữa ăn tối nay. Cô cầu mong bác biết cách ngắn gọn. Như người nhổ răng, cái kìm vặn càng ngắn gọn bao nhiêu cái đau càng nhẹ bấy nhiêu.

Lấy cớ sửa soạn cơm tối, cô đứng dậy cho bác có dịp nói riêng với bà. Vừa làm, cô vừa lắng nghe câu chuyện ở phòng khách. Giọng bà bây giờ bình thản, áng chừng cơn đau đã tạm dịu xuống.

Cô nghĩ lúc này là lúc bác nên nói. Vậy mà không, bác chỉ loanh quanh với mấy câu chuyện chung chung. Bà hỏi bác về sắp đặt ngày mai ở nhà đòn, bác chỉ bàn xuôi, không nói dối, nhưng không bắt lấy cơ hội để vào đề. Khi cô dọn món ăn ra, bà đứng dậy giúp cô đặt bàn. Bà chậm chạp, tựa hồ một động tác nhỏ cũng đòi hỏi rất nhiều cố gắng. Bà lẩn thẩn bày bốn chiếc bát với bốn đôi đũa. Thấy cô nhìn, bà cắt nghĩa:

"Hai em con dặn đừng đợi cơm. Chúng nó đi lo công việc, tiện đâu ăn đấy. Nhưng đừng quên phần ba, con ạ."

Cô xới cơm ra bát. Đến bát của ba cô, cô ngập ngừng. Làm bộ lơ đãng cô đóng nắp liễn cơm lại.

"Mẹ rán ăn một chút cho lại sức..."

Bà không cho cô lạc đề:

"Xới cơm cho ba đi con... Từ sớm nay ba đã được ăn gì đâu."

Vừa thương vừa sợ, cô làm theo lời mẹ. Không khí nặng nề tang tóc. Cô không thấy đói. Chiếc ghế bỏ trống của ông trước bát cơm trắng và đôi đũa như bắt lấy mắt cô.

Bà nói với bác Lan:

"Anh ạ, tôi biết anh ấy chưa đi xa đâu, chỉ quanh quẩn đâu đây thôi. Lúc nãy tôi nằm trong buồng rõ ràng nghe thấy tiếng động trong nhà tắm. Không phải ma cỏ gì đâu, nhà tôi đấy... Bao giờ tắm xong anh ấy cũng treo chiếc khăn tắm ngay ngắn lại trên giá, và bao giờ cũng làm sột soạt tấm màn che nước như vậy..."

"Chị ơi, chị đừng nghĩ quẩn..."

Bà ngắt lời ông:

"Tôi không quẩn đâu. Tôi biết nhà tôi thiêng lắm... Tôi đã định rồi, không những bữa tối, mà bữa trưa bữa sáng, bao giờ cũng phải để sẵn phần cơm nước cho anh ấy... Một đời vợ chồng, không phải

vì sống chết mà xa lìa nhau được... Tôi biết anh ấy vẫn quanh quẩn bên tôi thôi..."

Quay sang cô, bà dặn:

"Từ nay cứ phải như vậy, con ạ."

*

Xong bữa cơm, bác Lan vẫn chưa dám vào dề. Cô dọn đồ tráng miệng ra. Bây giờ câu chuyện trở về những kỷ niệm ngày xưa, những chuyện liên quan đến ông, êm đềm hay ngộ nghĩnh. Thỉnh thoảng bà mỉm cười.

Không biết bác định xử trí làm sao, cái thương tổn càng để lâu càng nặng nề cho tất cả mọi người. Bác chưa dám dứt khoát, thì cô phải giúp bác thôi. Cô nói với bà:

"Mẹ ạ, hôm nay con ra ngân hàng..."

Vô tình, bà ngắt lời cô:

"Mẹ biết rồi... Để mẹ ký sẵn mấy tấm ngân phiếu cho con đi lĩnh tiền. Sáng mai nhớ nhắc mẹ."

Bác Lan lảng đi nhìn ra cửa sổ.

Bà lại nói:

"Mẹ muốn nhờ bác một chuyện. Mẹ muốn bàn với bác về mộ phần ba con. Tang lễ xong, mẹ muốn nhờ bác dứng ra trông coi việc xây cất giùm."

Bà mở hộc tủ lấy ra chiếc phong bì dày cộm. Cô nhận ra chiếc phong bì quen thuộc đựng họa đồ hai ngôi mộ do một kiến trúc sư quen với gia đình vẽ. Cô đã được nhìn thấy họa đồ ấy một lần. Đó là hai ngôi mộ trang nhã, nằm song đôi giữa mấy cây tùng thân cành khúc khuỷu. Đằng sau và xa xa là cảnh sông uốn khúc dưới thung lũng hẹp.

Bà ôn lại với bác những loại cây loại hoa bà muốn trồng, những loại gạch bà muốn lát, những loại cẩm thạch bà muốn cẩn. Bà nói:

"Anh chọn những cây lớn sẵn cho, ít nhất là theo kích thước trong họa đồ. Tôi có ít tiền dành giụm, già rồi không tiêu vào đây thì tiêu vào đâu. Kể như là chỗ ở thiên thu của vợ chồng tôi..."

Bác ừ à. Bà say mê bày tỏ ý muốn xây cả hai ngôi mộ một lúc. Tất nhiên là phần của bà chưa dùng đến, nhưng xây trước cho nó chắc ý, sợ về sau không kiếm được vật liệu thật giống nhau.

"Anh ấy chết đi thì tôi kể như cũng chết rồi. Mà tôi nói thật đấy, tôi không sợ chết đâu. Chết để gần nhau mãi mãi, có gì mà sợ phải không anh?"

Bà nói chuyện chết, mà nụ cười trên môi bà trong sáng. Cô nghĩ sau cùng lời Phật cũng rọi từ bi vào tâm hồn mẹ cô. Cô mơ ước cuộc sống bên kia cái chết sẽ hóa giải những khác biệt giữa cha mẹ, và những khổ đau sẽ đem lại nhân từ cho bà và hàn gắn sự rạn nứt giữa hai mẹ con. Lòng cô như mềm đi. Lâu lắm cô mới thấy lại một cảm tình ấm áp với mẹ. Nhưng mà sao mọi chuyện trễ thế với ba mẹ cô. Cả đến yêu thương cuối đời này, dịu dàng cuối đời này, cũng quá trễ. Cũng trễ như việc thiết kế mộ phần.

*

Vợ chồng Tâm mở cửa bước vào với chị Quỳ. Tâm cất nghĩa:

"Xong mấy việc mua sắm, thấy còn sớm con ghé lại chị báo tin."

Cô nhìn chị Quỳ, thấy chị tiều tụy hốc hác quá trong bộ đồ đen. Cô liếc nhìn mẹ cô, ngạc nhiên thấy bà hoàn toàn bình tĩnh, gần như dịu dàng. Bà lấy trà bánh mời chị. Chị lễ phép chối từ:

"Con ăn rồi, con chỉ xin phép tới lễ bác trai."

"Vậy chị ra lễ đi. Lúc sinh thời bác trai vẫn quý chị. Chị tới như người nhà thế này, chắc dưới suối vàng bác trai cảm động lắm..."

Cô không tin được tai mình. Giọng bà thành khẩn, không chút mỉa mai. Nhìn bà như biết ơn, chị Quỳ lặng lẽ tới bàn thờ. Bà nhìn theo chị. Trong ánh mắt bà, cô tưởng như thấy cái mềm mại của niềm tương thân tương ái giữa hai người đàn bà cùng chia sẻ với nhau nỗi đau tang tóc.

Cô lại thấy bà đẹp, cái vẻ đẹp được tôn lên bởi nét từ bi mới có. Cô lại ngắm cái bán diện quý phái của mẹ, cái cổ thanh lịch của bà, và bất giác cô rùng mình thấy bà mảnh mai quá. Quá mảnh mai với sự thật phũ phàng đang chờ đợi bà.

Bà trở lại bàn việc xây mộ với bác Lan. Tội nghiệp bác, rõ ràng là bác khốn khổ phải bàn với bà những chuyện đã lỗi thời vì bảu chúc thư. Cái cổ cao thanh lịch của bà lại bắt mắt cô, và cô liên tưởng đến cái cổ của người tử tội sắp bị hành quyết. Sự thật sẽ giết bà. Cô bỗng ước mong bác Lan sẽ dứt khoát sẽ ngắn gọn khi tiết lộ bản

chúc thư. Lúc nãy cô nghĩ đến cái đau nhổ răng. Không, cô lầm, cái đau của mẹ cô lớn hơn thế nhiều lắm. Cái đau này chết người. Bác phải dứt khoát ngắn gọn thôi, như một đao phủ lành nghề để nhát chém cho ngọt, cho ít đau...

"Chị ạ..." bác nói.

Bà đứng dậy bảo bác:

"Anh ngồi chơi một lát, tôi ra ngay."

Bà đi vào buồng tìm mấy kiểu mộ chí để hỏi ý kiến bác. Bà đi rồi, bác khẽ hỏi ý cô:

"Cháu tính sao?"

Bây giờ cô không còn quả quyết như lúc mới nghe chuyện chúc thư. Cô khẽ nói:

"Trăm sự tùy bác thôi, cháu làm sao cũng được... Bác nói đúng, với ba cháu, chuyện dương thế này còn quan trọng gì nữa đâu..."

Cô ngạc nhiên với chính lời cô nói. Nét mặt bác tươi hẳn lên. Đứng dậy, bác bảo cô:

"Lụi đụi mà bác chưa kịp lễ ba cháu đấy..."

Bác ra bàn thờ. Cô theo chân bác. Cô nhìn bát hương mới đặt buổi sáng mà đã đầy chân hương. Cô để ý những tàn hương không chịu rớt, kết vòng lại như những chiếc lò so xám. Như đọc được ý cô, bác quay lại khẽ bảo:

"Cháu coi kìa, chân hương kết như thế. Sinh thời thông minh như thế, chắc ba cháu khi chết thiêng lắm."

Bác thắp ba nén hương cắm vào bát. Bác chắp tay vái người bạn quá cố, miệng thì thầm khấn. Bất thần, một ngọn lửa vàng lòe lên, và mớ chân hương đã thành than bùng cháy như bó đuốc. Bác Lan lùi lại, nét mặt tái mét. Chuyện gì xảy ra? Bác khấn ba cô việc gì? Cô thấy bác vái vội thêm mấy cái nữa rồi dụi bớt lửa bát hương để tránh hỏa hoạn. Xong xuôi, bác cúi đầu trở lại ghế đợi mẹ cô.

*

Bây giờ thì bác cả quyết. Khi mẹ cô từ nhà trong bước ra, bác nói với bà:

"Chị ạ. Chị ngồi xuống đi, tôi phải thưa thật với chị."

"Chuyện gì vậy anh?"

"Anh Thuần trối lại là anh ấy muốn được hỏa táng."

"Hỏa táng... Trối lại... Anh nói gì? Tôi... tôi không hiểu..."

"Anh muốn hỏa táng chị ạ... Chúc thư của anh đây..."

Bác đưa chiếc phong bì trắng lấy từ túi áo trong ra. Như sợ hãi, như hốt hoảng, bà dơ cả hai bàn tay về phía trước đẩy chiếc phong bì trở lại, như cố gắng khước từ một cái đau quá lớn.

Rồi giọng vỡ vì xúc động, bà bảo: "Tôi không có kính, anh đọc giùm tôi..."

Bác Lan mời tất cả mọi người ngồi xuống. Bác chậm rãi đọc. Đọc xong, bác ngẩng lên đưa bà tờ chúc thư.

Cô hồi hộp chờ cơn thịnh nộ của mẹ.

Nhưng không, bà không giận dữ không la hét. Mặt nhợt nhạt, bà buông thõng hai tay bỏ rơi tờ chúc thư xuống đất. Mắt lơ láo, bà nhìn bác cầu cứu, nhưng bác tránh mắt bà nhìn lên bàn thờ ông. Bà nhìn sang cô rồi quay sang nhìn vợ chồng Tâm. Như không tìm được sự cứu vãn từ người xung quanh, bà nhắm mắt cúi đầu xuống, hai tay đưa lên ôm mặt.

Bà ngồi như vậy một lúc lâu. Cả nhà yên lặng.

Rồi bất thần, bà thẳng người lại. Mặt vẫn còn tái xanh, gượng gạo một nụ cười khô héo, bà nói:

"Như vậy cũng tốt, gọn gàng mà lại vệ sinh."

Cô muốn chạy tới ôm lấy mẹ.

Bác Lan vớt vát:

"Hỏa táng hay không, tang lễ vẫn cử hành như vậy. Vẫn xây mộ, vẫn chôn tro anh vào mộ phần như đã định từ trước. Bao giờ về Việt Nam sẽ hay."

Hỏng rồi, cô nghĩ. Lo an ủi bà, bác để lòng thương hại quá lộ liễu trong lời trong giọng. Mẹ cô không bao giờ chấp nhận lòng thương hại, và bác Lan quen biết gia đình suốt bấy lâu nay, làm sao lại không biết tính bà.

Môi bà mím lại như dưỡng chỉ. Nét mặt đanh như lòng tự ái bị xúc phạm. Vẻ từ bi mới có biến đi không còn dấu vết. Bà nói:

"Không, tôi không cần xây mộ nữa. Đất sẽ đem cúng chùa. Tiền sẽ đem làm việc nghĩa. Anh nhớ nhắc tôi chuyện này nhé. Mọi việc sẽ đúng như lời nhà tôi trối trăn trong di chúc.

"Nhưng tôi phiền anh một việc. Anh sắm giùm cho tôi một cái

bình thật đẹp để đựng tro. Cũng nhờ anh sắm giùm cho tôi một cái tủ con bằng gỗ quý, loại để đầu giường, để tôi đặt bình tro chồng tôi. Như thế cũng tiện, không có người ngoài dòm ngó khi mình thăm chồng. Mà chồng tôi cũng không bị quấy rầy bởi những vụ thăm viếng tá hơm."

Nhấp ngụm nước trà, bà nói tiếp:

"Mà nói đến chúc thư, anh Lan ạ, chính tôi chưa có chúc thư đấy. Nhưng mà chậm còn hơn không. Hoàng, con vào phòng mẹ lấy cây viết và giấy ra đây."

Cô vâng dạ theo lời. Đưa giấy bút cho chị Quỳ, bà hỏi chị:

"Ngày xưa chị làm thư ký cho nhà tôi phải không?"

"Dạ."

"Ngày xưa nhà tôi vẫn đọc văn thư cho chị chép phải không?"

"Dạ."

"Chị giúp tôi một lần được không?"

"Dạ."

"Tôi sẽ đội ơn chị. Tôi đọc chúc thư của tôi cho chị chép nhé. Ngắn thôi."

Rồi bà đọc như người đọc chính tả:

"*Tôi là bà quả phụ Nguyễn Văn Thuần, nhũ danh Phan Thị Loan Anh. Tôi hoàn toàn tỉnh táo khi làm di chúc này.*

"*Tôi muốn được hỏa táng khi tôi từ trần.*

"*Tro sẽ được trộn chung thật kỹ lưỡng với tro chồng tôi. Bình tro chung sẽ được hàn kín bằng chì, bao giờ về nước sẽ bọc thêm bằng mười cân đồng cho thật nặng thật kín và sẽ thả xuống giữa dòng sông Hậu.*

"*Con trai tôi là Nguyễn Văn Hải sẽ thi hành bản di chúc này.*"

"Cảm ơn chị. Chị làm ơn cho tôi đọc lại..."

Duyệt lại tờ giấy chị Quỳ vừa viết xong, bà lẩm nhẩm khen:

"Chữ chị đẹp lắm. Tốt lắm. Mượn chị cây viết."

Đón cây viết từ tay chị Quỳ, bà cúi xuống ký tên đề ngày vào bản chúc thư. Mọi người sững sờ. Nhưng bà vẫn chưa xong. Bà nói với bác Lan:

"Bây giờ cần hai chữ ký nhân chứng, đúng không anh. Mà nhân

chứng phải là người ngoài, phải không? Chị Quỳ và anh làm ơn ký giùm nhé..."

Giấy tờ ký xong, bà bảo:

"Anh Lan, tôi xin vô phép nhé. Hoàng, Tâm, Hoài, mẹ đi ngủ đây. Chào chị Quỳ nhé. Một lần nữa cảm ơn chị." Nghiệp chướng, cô thầm nghĩ.

Chị Quỳ trả lời mẹ cô:

"Cháu cũng xin phép bác cháu về."

"Phải đấy, chị về nghỉ đi. Chị lo việc cho nhà này nhiều quá, phiền chị nhiều quá. Từ giờ đến hôm đưa ma, nếu có bận thì chị khỏi tới. Chúng tôi hoàn toàn thông cảm..."

Chị quay sang cô như cầu cứu. Cái nhìn của chị như thắt ruột thắt gan. Cô nhắm mắt lại. Rồi cô ngẩng lên nhìn chị, thấy chị chớp mắt thật mau. Khuôn mặt chị đầy nước mắt. Cô giật mình. Cũng cái khuôn mặt này khi chị xót xa nói tới vết thương khi ông trúng mảnh đạn Pháp, máu mê lênh láng mà vẫn phải lặn xuống bùn để lủi về khu an toàn... Cô thương chị... Cô thương cái tình trong sáng và trung thành chị dành cho ba cô, cái tình không làm hại ai, mà trái lại tô điểm cho cuộc sống vì đem lại niềm tin trong lòng cô rằng trong thực tế hàng ngày, con người có thể bận tâm với con người với chừng ấy xinh xắn với chừng ấy thanh thoát...

Cô nhất quyết không để cho mẹ cô ăn hiếp chị Quỳ nữa. Cô nói:

"Nhưng chị tới được thì em cảm ơn chị lắm..."

Chị nhìn cô như biết ơn. Rồi chị quay sang cô. Môi run run, chị nói:

"Đằng nào ngày mai cháu vẫn ra nhà đòn giúp bác tiếp khách khứa tới phúng viếng bác trai. Bổn phận cháu là phải có mặt."

Cô xót xa nhìn theo chị. Cô tự nhủ, từ hôm nay cô không còn bổn phận gì với bà nữa.

(còn tiếp)

ghi nhận đó đây

Giải thưởng National Book Awards 1993

Trong một buổi dạ yến tối thứ Tư 17 tháng 11 vừa qua tại Plaza Hotel, New York, hội đồng chấm giải đã loan báo các đề sách trúng giải Nationak Book Awards cho năm 1993 như sau:

Giải Tiểu Thuyết (Fiction) về tay E. Annie Proulx, 58 tuổi, với truyện dài thứ hai *The Shipping News* viết về cuộc đời gian truân của một thông tín viên nhật báo ở Newfoundland, do nhà Charles Scribner's Sons xuất bản.

Giải Khảo Cứu (Non-fiction) trao cho Gore Vidal, một nhà viết bình luận tiếng tăm của Mỹ với tác phẩm *United States: Essays 1852-1992*, do Randam House xuất bản. Tác phẩm này thu góp 114 bài bình luận ông đã viết trong hơn bốn chục năm qua, về mọi đề tài từ tiểu thuyết Pháp, đại gia đình Kennedy, và thái độ của người Mỹ về tính dục. Vidal hiệu đang ở Ý nên vắng mặt trong buổi phát giải.

Giải Thi Ca về tay A. R. Ammons năm nay 67 tuổi với tập thơ nhan đề *Garbage*, do nhà W. W. Norton & Company xuất bản. Tác giả lấy thi hứng từ những đống rác nằm dọc hai bên xa lộ I-95 ở tiểu bang Florida và qua đó đưa ra những cảm nghĩ của ông về cuộc nhân sinh.

Ngoài ra, Clifton Fadiman, thành viên của ban biên tập Encyclopedia Britannica, và Book-of-the-Month kể từ 1944 được trao giải Distinguished Contribution to American Letters, gồm một huy chương và $10,000.

Trúng số "cặp"

Robert James Waller, chắc các bạn còn nhớ, tác giả *The Bridges of Madison County*, cuốn sách có số bán cao nhất trong hơn một năm qua lại cho ra đời tiếp một tác phẩm có nhan *Slow Waltz in Cedar Bend*, thuật lại chuyện tình giữa một giáo sư đại học và vợ của một đồng nghiệp, lồng trong khung cảnh của Iowa và Ấn Độ. Chỉ trong vòng hai tuần lễ sau khi Warner Books phát hành, cuốn sách này

đã đứng ở vị trí số hai, sau cuốn *The Bridges*, trên danh sách best-seller của The New York Times.

Phấn khởi trước thành công bất ngờ của *The Bridges*, lần này nhà xuất bản đã cho phát hành 570,000 ấn bản ngay lần in đầu tiên. Các nhà phê bình sách của The New York Times tiên đoán cuốn *Slow Waltz* sẽ là một "repeat performance", mặc dù họ không nghĩ là cuốn này sẽ đạt số bán cao đến hơn bốn triệu ấn bản như cuốn trước. Thế là sau hai cuốn sách bán chạy nhất nhì, Robert Waller trở thành tác giả thành công nhất về mặt thương mại trong văn giới Hoa Kỳ trong nhiều năm gần đây. Trước đó, Tom Clancy, tác giả những cuốn truyện trinh thám như *The Hunt for Red October*, *The Sums of All Fear*, *The Patriot Games*, và mới nhất, *Without Remorse*, đã đạt số bán rất cao.

Phản ứng lại hiện tượng *The Bridges*, Ronald Richard Roberts đã viết một tác phẩm nhại lại (parody) cuốn sách của Waller, có nhan *The Ditches of Edison County*, do nhà Plume, Penguin xuất bản, vừa phát hành vào trung tuần tháng 11.

Một trăm nhà văn và trí thức Hồi giáo lên tiếng bình vực Salman Rushdie

Cuối tháng 10 vừa qua, một trăm nhà văn, nhà báo và trí thức Hồi giáo đã mạnh dạn lên tiếng bình vực cho Salman Rushdie bằng cách cho xuất bản ở Pháp một cuốn sách có nhan *Pour Rushdie* chống đối việc lên án tử hình nhà văn này của Khomeini. Trong số những người bênh vực có Mafouz, nhà văn Ai Cập đoạt giải Nobel, Adonis, nhà thơ Liban, một ứng viên giải Nobel năm 1993, và nhiều trí thức tên tuổi khác. Họ lên tiếng bảo vệ quyền tự do phát biểu ý kiến cũng như quyền tự do xuất bản và phát hành những tác phẩm cho dù những sáng tác của họ trình bày một quan điểm khác biệt với những ý kiến chung về những vấn đề lớn của con người.

Trong cuộc triển lãm Frankfurt Book Fair ở Đức gần đây, khi nhà xuất bản cho phép dịch tuyển tập này, chỉ có một nhà xuất bản Mỹ duy nhất dám đứng ra nhận xuất bản bản dịch tiếng Anh *For Rushdie: One Hundred Arab Muslim Intellectuals for Freedom of Expression*, đó là ông George Braziller, người trước đây đã từng xuất bản tập *The Words* của Jean-Paul Sartre.

Trong khi đó, tại Mỹ hồi tháng 10 vừa qua cũng đã có một chiến dịch gởi thư ngỏ lên Tổng thống Clinton yêu cầu ông dùng uy tín của mình để can thiệp hủy bỏ bản án. Hiệp hội các Nhà sách Mỹ đã lưu hành một thư ngỏ, đăng trên The New York Times và phổ biến đến các hiệu sách trên toàn quốc.

Kết quả của chiến dịch vận động này có lẽ đã góp một phần rất lớn vào quyết định của Tổng thống Clinton hội kiến với Salman Rushdie tại tòa Bạch ốc hôm 24 tháng 11, sau khi nhà văn này đã hội đàm cùng Bộ trưởng Ngoại giao Warren Christopher và Cố vấn An ninh Quốc gia Anthony Lake trong một tiếng đồng hồ. Những buổi hội kiến này đã chứng tỏ có một sự thay đổi rõ rệt về thái độ của chính quyền Hoa Kỳ trước những áp lực khủng bố quốc tế. Trước đây, Chính phủ Bush đã từ chối không chịu gặp Salman Rushdie, cho rằng làm như thế sẽ gây nhiều hiểu lầm tai hại trong khối Hồi giáo. Tuy buổi diện kiến với Clinton chỉ kéo dài không đầy năm phút, nhưng Rushdie đã rất hân hoan khi được vị nguyên thủ Hoa Kỳ tuyên bố "chính phủ của ông sẽ đứng cạnh Rushdie trong việc chống lại những đe dọa khủng bố". An ninh tại tòa Bạch ốc đã rất chặt chẽ, tất cả những xe ra vào, kể cả xe của dân biểu và nghị sĩ đều được khám xét cẩn thận, ngăn ngừa việc quân khủng bố có thể đặt bom. Nhiều nhà văn lớn của Mỹ như William Styron và Norman Mailer cũng đã tích cực vận động cho buổi gặp gỡ này. Trước đó, hôm thứ ba, nhà văn này đã dự một buổi tuyên đương tại Massachessetts Institute of Technology (MIT), và ngay sau khi gặp Clinton, đã tham dự một buổi họp báo tại Câu lạc bộ Báo Chí Quốc Gia.

Salman Rushdie, năm nay 46 tuổi, hiện vẫn phải còn sống ẩn náu kể từ ngày Khomeini ban án tử hình ngày 14 tháng 2 năm 1989, mà đến nay Rafsanjani, Tổng thống Iran, từ chối thu hồi vì ông cho rằng Khomeini đã chết nên không ai được phép hủy bỏ bản án. Trong khi đó, nhiều dịch giả hay nhà xuất đã bị quân khủng bố giết hoặc gây trọng thương tại Nhật, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy. Riêng tại Thổ Nhĩ Kỳ đã có những vụ bạo động xảy ra trước các cơ sở của người Mỹ để phản đối việc xuất bản *The Satanic Verses*.

Thực trạng trí thức Nga hậu Cộng sản

Sau khi chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, dần dà thế giới có một cái nhìn rõ hơn về thực trạng trí thức ở các quốc gia như Liên Bang Sô Viết, Đông Đức, nhất là sự liên hệ và thái độ của họ đối với nhà cầm quyền Cộng sản trước đây. Trong các số trước, Văn Học đã bàn đến thực trạng trí thức Đông Đức, qua các bài nhận định cũng như những bài viết về Christa Wolf. Tình trạng hiện thời xảy ra ở Nga cũng là một đề tài đáng quan tâm, bởi lẽ hơn bất cứ quốc gia nào hết, Nga chính là cái nôi của đảng Cộng sản, và trí thức Nga đã cất những tiếng nói phản kháng âm vang nhất trong hơn ba chục năm qua.

Sau những biến cố chính trị và quân sự hầu như dồn dập xảy ra từ ngày đảng Cộng sản bị giải thể và bị chính thức đặt ra ngoài vòng pháp luật, công luận Nga hiện đang quan tâm đến vai trò của giới trí thức trong thập niên sáu mươi. Khuynh hướng chung là phủ nhận những tiếng nói và hành động chống đối của một thế hệ tự hào đã góp phần đưa đến sự sụp đổ của đảng Cộng sản và các nền độc tài chuyên chế ở Liên Bang Sô Viết. Trong thập niên 60, đã có một thế hệ trí thức, đứng đầu là nhà thơ Yevgeny Yevtushenko, người đã gây hứng khởi cho hàng vạn thanh niên Nga qua các buổi đọc thơ của ông tại vận động trường Lenin, và khi Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) loan tin sai lạc là nhà thơ đã tự vẫn, cảnh sát Moscow yêu cầu ông phải đích thân xuất hiện trước bao lơn nhà để trấn an dư luận. Hiện tại, Yevtushenko là một giáo sư thỉnh giảng tại New York University, trong khi đó công luận và báo chí tại Nga kết án ông là người đã hợp tác với KGB. Đồng thời với ông còn có nhiều nhà văn nhà thơ khác, cùng được gọi chung là những sheistidesyatniki - những người của thập niên 60 - đã chờ đợi ba mươi năm để có được tự do sinh hoạt văn học và chính trị, một thứ tự do mà họ đã nếm được chút ít vào thời tan băng của Khrushev.

Thế nhưng khi đã có được tự do mà những người này tranh đấu, họ lại gặp một sự chống đối của thế hệ trẻ hơn họ. Những người trẻ này thách thức, nếu không nói là phủ nhận, những đóng góp tiên phong của thế hệ sáu mươi vào việc giải thể đảng Cộng sản và và các nền độc tài. Các chương trình truyền hình cũng như phát thanh liên tiếp chĩa mũi dùi công kích những người sheisti [tiếng gọi tắt giới trí thức và văn nghệ sĩ thời sáu mươi], và ngay cả những người

trước đây đứng cùng hàng ngũ với họ cũng đã phủ nhận công trình của họ. Yevtushenko cho rằng ông cũng như những người sheisti tự hào là đã "đi tiên phong trong việc đòi tự do" dưới các chế độ Sô viết. Họ thật sự tin tưởng những tranh đấu chống các nền độc tài chuyên chế của họ đã làm nền tảng cho những cải cách của Mikhail Gorbachev và Boris Yeltsin ngày nay. Trong khi đó giới trẻ lại cho rằng "những người sáu mươi không được cầm nhầm cái hào quang chiến thắng đánh bại chủ nghĩa cộng sản", như lời tuyên bố của Andrei Malgin, một nhà phê bình xã hội, 34 tuổi, cầm đầu chiến dịch công kích thế hệ đàn anh. Ông còn nói thêm "Họ nghĩ rằng họ là những người đối kháng, nhưng thật sự không phải thế. Vì nhắm mắt làm ngơ trước những điều mình biết, họ chỉ làm cho chế độ mạnh thêm mà thôi".

Trong một cuộc bút chiến sôi nổi xảy ra vào mùa hè năm nay trên tạp chí Stolitsa (Thủ Đô) với Yegor Yakolev, một biên tập nổi tiếng của thời sáu mươi, Malgin đã nói lên những lời nặng nề nhất. Ông cho những người thời sáu mươi là những người ham mê quyền lực, vì vậy họ đã đứng chung hàng với nhà cầm quyền, họ đã khoác lên chủ nghĩa Cộng sản một bộ mặt nhân bản qua sự xuất hiện của họ ở các quốc gia Tây phương, và họ rụt rè chấp nhận sinh hoạt trong khuôn khổ của hệ thống quyền lực đó mà không bao giờ tính đến chuyện lật đổ. Ngoài ra ông còn lên án các nhà trí thức của thời sáu mươi vọng ngoại, những người lưu vong vẫn ham sống ở các quốc gia Tây phương và không chịu hồi hương.

Để phản ứng lại, Yakolev nêu lên những rắc rối của chế độ kiểm duyệt nhà nước trong thập niên 60, và cho rằng không nên phán xét người khác nếu mình chưa sống qua thời kỳ đó. Những trí thức của thời sáu mươi này có người đã trở nên quá nổi tiếng trên thế giới, cho nên cuộc tranh cãi càng có một tầm mức quan trọng và lớn lao. Trong số đó phải nhắc đến nhà thơ Yevtushenko, nhà văn Alexander Solzhenitsyn, nhà thơ Joseph Brodsky (hai vị sau này đã đoạt giải Nobel Văn Chương), nhà thơ Andrei Voznesensky; nhạc sĩ và nhạc trưởng Mstilav Rostropovich, và hai nhà làm phim Andrei Tarkovsky và Andrei Konchalovsky.

Dĩ nhiên có một số người trong nhóm này tránh khỏi tai tiếng: ai cũng biết đến sự can đảm của Alexander Solzhenitsyn và Ros-

tropovich khi họ chống đối nhà cầm quyền Sô viết đến nỗi phải lưu vong. Có lẽ những sự chống chọi hiện thời của những người thời sáu mươi này cũng khốn đốn không kém những sự chống đối của họ vào thời Khroushev, và sự áp đặt chính sách chuyên chế năm 1964 của Brezhnev, nhất là sự chống chọi lúc này là để bảo vệ danh tiếng của họ.

Cùng trong lúc đó, một số trí thức của thời sáu mươi lại cảm thấy thất vọng khi thấy những tự do phát biểu và tự do chính trị họ đã nhọc công tranh đấu nay lại bị những biến cố khác cuốn hút theo. Afanasiev, 59 tuổi, trước đây là một đảng viên Cộng sản thuộc giới trẻ chống độc tài rút khỏi sinh hoạt chính trị sau khi đã dành đời mình tranh đấu cho tự do, tuyên bố: "Nét nổi bật nhất của những người thời sáu mươi là họ là những người rất lý tưởng và lãng mạn. Đối với chúng tôi, đạo đức là một đức tính không thể nào lay chuyển được - không trộm cắp, không nhận hối lộ". Ông còn cho rằng những người làm chính trị trẻ thời nay lại cũng chỉ là "những người tham nhũng như những người trước. Làm sao chúng tôi có thể đứng chung hàng với họ được".

Ngoài ra, còn một điểm tế nhị khác, là vẫn còn có sự phân biệt rõ ràng giữa những người của thời sáu mươi và những người đối kháng chính quyền. Thế hệ trẻ ngưỡng mộ những người đối kháng, vì họ cho đó là những người đã thật sự hy sinh đời mình và sự nghiệp để tranh đấu chống lại các chính quyền Sô viết. Afanasiev cũng nhận rằng những người thời sáu mươi không phải là những người đối kháng khi ông nói: "Chúng tôi đã hình dung ra một liên bang Sô viết trong khuôn khổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi không chủ trương loại bỏ xã hội chủ nghĩa". Yevtushenko lại lý luận rằng những người chống đối thế hệ ông ngày nay đã có những phương tiện mà ngày xưa ông không có, đó chính là văn khố, nhưng cũng lại chính nhờ những nỗ lực của những người đồng thời với ông mà bây giờ giới trẻ mới có được. Thế hệ sáu mươi tôn sùng V.I. Lenin, nhưng nay văn khố đã tiết lộ Lenin cũng chỉ là một người sắt máu không kém gì Stalin, cho nên lớp người sáu mươi lại khó biện hộ được cho việc làm của mình trong quá khứ. Cả hai luận cứ của Afanasiev và Yevtushenko đã làm cho nhiều người đồng thời với họ bất mãn. Người phản đối mạnh nhất có lẽ là Vasily Aksyonov,

một nhà văn đã nếm mùi Cộng sản ở trong các trại lao động khổ sai cùng với cha mẹ ông. Ông nói: "Tôi không thấy có sự khác biệt giữa Cộng sản và Phát xít. Đối với tôi, sinh hoạt trong Komsomol [tổ chức thanh niên Cộng sản] chẳng khác gì sinh hoạt trong hàng ngũ thanh niên của Hitler". Aksyonov lưu vong năm 1980, và hiện đang dạy Văn chương tại Đại Học George Mason, Virginia.

Giới trí thức trẻ ngày nay tuy chống đối thế hệ sáu mươi nhưng cũng đã ngậm bồ hòn làm ngọt. Họ quan tâm đến các khía cạnh của đời sống mà trước đây họ đã bị bưng bít, thăm dò, tìm kiếm và thử nghiệm những đường lối sáng tạo mới. Những tổ chức văn học nghệ thuật mới xuất hiện, kể cả những tạp chí như Novi Mir (Thế Giới Mới) đăng những sáng tác của Solzhenitsyn, Yevtushenko Aksyonov, và các rạp hát mới xây như Taganka và Sovremennik diễn những vở kịch phóng tác từ văn học cổ điển Nga và dung nạp nhiều kịch tác gia trẻ.

Có lẽ cuộc đời và sự nghiệp của Yevtushenko minh chứng được những khúc mắc, những thỏa hiệp, những dàn xếp mà những người của thời sáu mươi phải trải qua hơn bất cứ ai. Sinh năm 1922 tại Siberia, ông đã trở thành một nhà thơ có hạng năm 1961 khi bài thơ "Babi Yar" xuất hiện trên tạp chí văn học chính thức của nhà nước, khơi lại những tranh luận từ lâu đã tắt về thái độ kỳ thị người Do Thái của nhà cầm quyền. Năm sau, ông đăng bài "Stalin's Heirs", báo động tinh thần của nhà độc tài vẫn còn mạnh nơi những người theo Stalin. Sự nghiệp của ông chập chờn giữa hai trạng thái: khi thì được nhà nước ban ân, lúc lại bị khiển trách. Trong những chuyến tham quan ngoại quốc do sự sắp đặt của nhà nước, và dưới cặp mắt cú vọ của công an, ông đã giúp khoác một bộ mặt nhân bản lên chủ nghĩa Cộng sản, và nếu cần, ông sẽ không từ chối viết lại một bài thơ theo ý nhà cầm quyền. Và cũng vì thế, chính quyền Sô viết đã có được cơ hội chứng minh cho thế giới biết là không phải nhà văn nhà thơ chống đối nào cũng bị đối xử như họ đã đối xử với Solzhenitsyn, hay bị kết án tù vì tuyên truyền chống Sô viết như Andrei Sinyavsky và Yuli Daniel, nạn nhân của những sự đàn áp thời Brheznev. Đối với giới trẻ ngày nay, những liên hệ không rõ ràng đó của Yevtushenko đồng nghĩa với sự tiếp tay ngạ quỷ của những người thời sáu mươi, khiến Malgin đã tố giác: "Giới sáng tạo

thượng lưu của chúng tôi đã chẳng thấy lương tâm áy náy chút nào khi họ thăm viếng những tai to mặt lớn của đảng và KGB. Thế mà họ lại còn hãnh diện nữa chứ. Những thế hệ sau chẳng bao giờ làm những việc đó". Yevtushenko lại nói: "Có lẽ lúc đó chúng tôi quá coi nhẹ phần chính trị. Có lẽ chúng tôi hành động chưa đúng mức [chống chế độ]. Nhưng chúng tôi cho là có thể cải thiện được chủ nghĩa xã hội - đó là ước mơ chung của mọi người".

Ông phản đối ý kiến cho rằng ông đã hợp tác với nhà cầm quyền. Ông kể là đã từng viết thư phản đối nhà cầm quyền nhân vụ khủng bố các nhà văn, và vụ xua quân vào Tiệp Khắc năm 1968, rồi cho những lời kết án ông là "ngu xuẩn".

Những người thời sáu mươi so sánh thời kỳ tan băng Khroushev và tình hình ngày nay cho rằng thời đó họ cảm thấy lạc quan hơn bây giờ. Afanasiev nói thêm: "Chúng tôi đã thoát được tù ngục tri thức và dạo lý mà chúng tôi đã bị giam hãm. Đây không phải là một chuyện nhỏ. Nhưng chúng tôi chưa thấy nước Nga sẽ đi đến chỗ chúng tôi muốn, thật sự tự do và thật sự dân chủ". Ông kết luận: "Thời của chúng tôi vẫn chưa đến. Nhưng khi thời cơ đến, chúng tôi sẽ chẳng còn ai".

(Viết theo tài liệu của Los Angeles Times, Ngày 1-10-1993)

Federico Fellini ngôi sao của những minh tinh

Vài năm sau khi chôn cất Alberto Moravia trong một lễ quốc táng huy hoàng, Roma lại nghiêng mình vĩnh biệt một ngôi sao vừa tắt. Đạo diễn Federico Fellini đã mất ngày 31 tháng Mười sau một cơn trọng bệnh kéo dài mấy tuần. Ngôi nhà thờ rực rỡ nét họa Michelangello dĩ nhiên không đủ chỗ đón nhận linh cữu của Fellini và đoàn người dài dằng dặc bên sau. Từ tổng thống xuống đến thường dân, từ tuổi học sinh đến những bậc cao niên, mọi người đã đến bày tỏ lòng thương tiếc một tay phù thủy thượng thặng của Nghệ Thuật Thứ Bảy, một bậc sư của các phim trường Cinecitta và một giáo chủ đã tung lên vòm trời phim ảnh thế giới biết bao ngôi sao, biến họ thành minh tinh. Anita Ekberg, Anouk Aimée, Anthony Quinn, Sylvana Magnani, Marcello Maestroiani, Donald Sutherland, Claudia Cardinal...

Nhớ lại Fellini, người ta không thể chỉ nhớ tới một thời đại hay

một tác phẩm rực rỡ. Sự nghiệp của ông, trải dài trên bốn mươi năm, phải có nhiều đạo diễn mới gánh vác nổi. Ông là một thiên tài điện ảnh, với sự nghiệp đa diện, đi cùng một cuộc sống vô cùng phong phú. Fellini khởi đầu với các loại phim hiện thực, sau đó chuyển qua phim khôi hài và thành công với *The White Shiek*, 1952. Ông đẩy xa điện ảnh tới những chân trời ít ai dám bước tới và bắt đầu được toàn thế giới ngưỡng mộ với loại phim tự truyện *Vitelloni*, 1953; tân hiện thực *La Strada*, 1954; *La Dolce Vita*, 1960; *8 1/2*, 1963. Ba bộ phim sau cùng được tôn vinh khắp nơi, Fellini bèn tung hứng sự nghiệp như trò đùa với những tác phẩm tột cùng châm biếm, lột trần tất cả, như *Satyricon*, 1969; *The Clowns*, 1970; *Roma* và ngoan ngoãn trở lại kỷ niệm ấu thơ với *Amarcord*, 1973, rồi tiếp tục dưa ống kính tung hoành trên những kích thước mới lạ và bất ngờ, *Casanova*, 1976; *E La Nave Va*, 1983; Ginger and Fred, 1985. Phim *Intervista* của ông, quay năm 1987 là một kiểm điểm của bốn mươi năm phim ảnh. Phim cuối của ông *La Voce Della Luna*, quay năm 1990, gần như là một di chúc điện ảnh đưa những sinh hoạt hàng ngày lên đỉnh cao của nghệ thuật ẩn dụ.

Chưa kể hàng tá huy chương bằng vàng về điện ảnh của Âu châu, Federico Fellini được năm giải Oscar - giải chót mới năm nay để tôn vinh toàn bộ sự nghiệp. Nhớ tới Fellini, người ta nhớ tới một nhà sáng tạo luôn luôn mở ra những chân trời mới, dạp cả lên những đài hoa của danh vọng để bước vào gai chông trong việc tìm kiếm đó. Ông sống khá thọ, 73 tuổi, một cuộc sống cực kỳ phong phú tới những ngày cuối. Đời ông trải những thăng trầm mà cũng phải nhiều người chung nhau mới kham nổi.

Năm 1960, phim *La Dolce Vita* được đưa ra đại hội điện ảnh Pháp tại Canue, chủ tịch Hội đồng Giám khảo là nhà văn Georges Simenon (gần sáu mươi năm sáng tác, chừng ba trăm cuốn sách, từ trinh thám tới những tác phẩm văn chương lớn, một hiện tượng). Phim được giải danh dự. Năm 1977, Fellini tung ra phim về một tay Sở Khanh nước Ý, *Casanova*, vào dịp đó, Fellini gặp Simenon trong một cuộc hội ngộ kỳ thú. Để tưởng nhớ Fellini, và cả Simenon đã ra đi mấy năm trước, **Văn Học** xin lược dịch bài Simenon phỏng vấn Fellini năm 1977 đó.

Fellini, Simenon

Georges Simenon:

– *Tôi chẳng bao giờ đi ciné, bạn biết đấy...*

Federico Fellini:

– Tôi cũng vậy.

– *Trước hết, phải nói với bạn... Tôi chưa bao giờ như vậy... Nhưng xem "Casanova" của bạn, tôi đã khóc.*

– Cám ơn...

– *Sau khi hoàn thành một tác phẩm đồ sộ như vậy ("Casanova"), bạn thấy cảm giác ra sao? Bã người? Háo hức? Bạn có thấy như nhẹ người? Hay mệt mỏi? Bạn gặp nhiều chướng ngại trong phim này lắm mà.*

– Ừ, tôi cũng vậy. Thực ra, quay xong một phim tôi cũng chẳng thấy sướng được lâu. Vừa bắt đầu quay là mình đã muốn nó chóng xong. Nặng nề và ngộp thở quá. Nhưng, quay xong là tôi cũng chẳng

nghỉ được, tôi phải bắt vào một cái gì mới ngay. Không có gì là mình thấy như mình vô tích sự. Bạn cũng thấy như vậy chứ.

– *Quả vậy... Tôi à, xong một cuốn tiểu thuyết, tôi có hai ngày tươi rói, gọi champagne lên... Thế rồi, sau hai ngày, mình lại bảo với mình: "Không, cái đó chẳng ra chi cả."*

– Khi bạn làm việc, bạn được dột nhiên thoát khỏi mọi hệ lụy của cuộc sống hàng ngày. Ai cũng nể mình lúc đó. Bạn cóc có phải lịch sự với người này, bày tỏ tình yêu với người nọ, hay nộp tiền cho ông nhà nước, hay đi hớt tóc, đóng giày. Công việc là một cái cớ tuyệt trần! Nhưng khi xong việc, bạn lãnh trọn mọi thứ lên đầu, vì vậy mà tôi cho rằng mình sẽ lại sớm tìm cách thoát khỏi cái trạng thái vô trách nhiệm đối với xã hội để chỉ lãnh cái trách nhiệm sáng tạo, cái trách nhiệm mà mình chỉ chịu với ma. (...) Để dòi tiền phim *Juliette des Esprits*, tôi phải hứa với nhà sản xuất một *Satyricon*. Do đọc Pétrone - khá trễ tràng - tôi đã xúc động thật và nhờ vậy, cú đó thành công. Nếu vậy tại sao không tính cú tiếp với Casanova? Vì vậy mà tôi quay *Amarcord*. Rồi có hôm, cũng đến lúc mình phải đọc Hồi ký Casanova chứ. (...) Mình với cha này có gì giống nhau không ta? Gã đó không phải là một nghệ sĩ, hắn chẳng bao giờ nói về cảnh vật, hay con trẻ, chó mèo, cóc có gì hết. Chỉ viết một cuốn tràng giang như niên giám điện thoại. Gã là một thằng kế toán, thằng kiểm kê, một tay chơi tỉnh lẻ tưởng mình là thứ bảnh mà thực sự chưa ra cái chi cả, lang thang trong đời mà chưa sống, hắn là một thứ hồn ma bóng quế của chính hắn. (...) Tôi ghét hắn vô tả và cóc muốn dây với thằng đụt này. Nhưng tôi vẫn quyết định, dù không muốn, thực hiện một cuốn phim về đời chàng. Một cuốn phim về một cuộc đời trống rỗng, một gã ưa phô diễn mà quên sống thực. Có lẽ, ngay từ thời đó, tôi đã muốn vẽ ra cái tâm lý một nghệ sĩ, cũng phô diễn trên sân khấu cuộc đời, cũng thấy chóng mặt vì đời trống không. Lại thêm một lý do chính đáng nữa để không muốn làm phim này. Bộ phim này, mà tôi muốn dội ra ngay từ đầu, đã chẳng là một lằn ranh rõ rệt trong sự nghiệp của tôi mà còn trong cả cuộc đời của tôi nữa. Sau phim này, cái phần phiêu hốt và lông bông của tôi, cái phần dụ dự, suốt đời tìm cách dàn xếp thỏa hiệp, cái phần không bao giờ muốn trưởng thành, cái phần đó ở trong tôi cuối cùng phải chết dứt luôn. Phim Casanova này, quả là một "khúc quanh cuộc đời" như

người ta hay nói vậy, nó là sự nhoài mình qua mé bên kia của cuộc sống.

– Lúc nào là lúc bạn thực sự bắt tay vào một cuốn phim?

– Phim bắt đầu khi tôi đăng rao vặt tìm người. Không tìm tài tử, tìm người. Khi đó tôi mới mở một văn phòng, hoàn toàn vô danh, ở một miệt nào đó, Rồi tôi đợi. Lúc đó thiên hạ lớp lớp kéo tới, đủ thứ, những thằng cha điên, những con mẹ khùng, những khuôn mặt, hình dáng, cái mũi, cái cà-vạt, cái chân... Tôi nói hơi lố chăng! Mà bạn, cũng vậy chứ? viết tiểu thuyết, bạn cũng bắt đầu từ một cái mùi nào đó, mảnh địa chỉ, một bài gia chánh nấu ăn!

– Khi bắt đầu viết, tôi không biết tiểu thuyết của mình sẽ kết thúc làm sao.

– Tôi cũng vậy, chẳng biết là phim mình quay sẽ chấm dứt thế nào. Tôi ngó thiên hạ, họ hát cho tôi, ở trong đầu tôi, những bài thánh ca trong lễ Ngự cáo. Tôi ghi chép nhiều lắm, chụp hình nhiều lắm, và hứa lia chia với tất cả: "Thế nào cũng vào phim tôi". Vì vậy mà thiên hạ mới đồn Fellini là thằng xạo! Tại vì, dĩ nhiên làm sao nhận hết cả mọi người... Cái giai đoạn rao vặt đó cũng là lúc tôi hành nghề một cách tàn ác nhất: chẳng hạn, tôi đăng báo tìm một con mẹ khổng lồ. Tôi kêu: "Kiếm cho tôi tất cả những bà to xác trong xứ mình về đây." Và họ tới, đứng thành hàng khổng lồ toàn những mụ khổng lồ, dọng vào cửa tôi. Tôi, nhỏ thó bên sau cái bàn nhỏ xíu, tôi ngó mụ to con đầu tiên bước vào và xua tay đẩy ra: "Chưa đủ bự!" Sau phần rao vặt tôi mới nguệch ngoạc vẽ và bất chợt thấy là mình phải bắt tay vào việc. Phim chưa chuẩn bị hết, truyện phim chưa xong, tôi vẫn chưa chọn đủ diễn viên và cũng chưa nghĩ ra tất cả cảnh trí, nhưng biết là mình phải khởi sự. Nếu không, mọi việc sẽ rõ ràng ra, mà tôi cóc muốn vậy. Nhưng, nhà sản xuất thì đòi vậy! Hai tuần đầu quay phim là tôi lang bang trong những mâu thuẫn. Tới đâu không biết... Mình có cảm tưởng như không điều khiển cuốn phim nữa, chính cuốn phim mới điều khiển mình, nó biết sẽ đi tới đâu. Từ đó, tôi cứ cố ở trong tư thế sẵn sàng như vậy, sẵn sàng khám phá ra chuyến đi... (...)

– Như mọi người sáng tác, bạn bị ảnh hưởng bởi tuổi ấu thơ. Vô hình chung, bạn bị tuổi thơ rượt đuổi.

– Đúng, sự nối kết với tuổi thơ là đặc tính của mọi loại người

sáng tác. Nhưng, dư luận chung mơ hồ gán cho hiện tượng đó một sự hạn hẹp, có tính chất che chở, gần như tiêu cực. Người ta nhìn nghệ sĩ như một "đứa trẻ to xác", một người lớn chưa phát triển tới nơi.

– *Sự thật thì ngược lại.*

– Nghệ sĩ coi tuổi thơ như một giải pháp giữ thế quân bình giữa cõi vô thức và cái ý thức. Ở con trẻ thì luôn luôn như vậy, không có phân biệt giữa mình và thực tại. Sau đó là tan vỡ hết, giáo dục, nhà trường, gia đình, xã hội sẽ dựng cho nó cái khung ghê khiếp và cứng ngắc của những giá trị gương mẫu. Đứa trẻ không biết là có nên chối từ hay không, nghệ sĩ thì cố quên những gì đã được dạy dỗ, và tiếp tục ngốn thẳng lấy đời sống, cho dù có khi bị tan tành vì những giằng xé tất nhiên đó. (...) Trong những tác phẩm của bạn, bạn rất chăm chú nghiêng mình tìm hiểu những khốn khổ của những kẻ bạn gọi là "bọn bé mọn". Trong khi tôi, tôi có cảm giác rất nực là chỉ quan tâm đến chính mình.

– *Này Fellini, bạn cứ yên tâm đi, vì người khác thì cũng chỉ là tôi thôi! (...) Làm sao mình có thể lạc quan được khi đã có gốc rễ ăn sâu vào thế giới?*

– Nhưng hẳn bạn cũng có cảm giác là mình đã làm được cái gì chứ?

– *Không. Giấc mơ từ xa xưa của tôi chỉ là có một căn phòng nhỏ trong khu phố buôn bán, được viết mà không kiếm nhiều tiền hơn là nhu cầu ăn uống của mình (...). Tôi chẳng bao giờ ham cái gì lớn cả.*

– Bạn và tôi, tụi mình chỉ kể lại toàn những chuyện thất bại. Tất cả các tiểu thuyết của Simenon chỉ là câu chuyện về một sự thất bại. Còn phim của Fellini? Có gì khác đâu? Nhưng, tôi phải nói với bạn, phải cố nói cho bằng được... Khi đóng sách của bạn lại, dù là một truyện kết thảm, và thường thì kết thảm, người ta vẫn tìm thấy một nguồn sinh lực mới. Tôi cho rằng nghệ thuật là như vậy, đúng vậy, nghệ thuật là khả năng chuyển bại thành thắng, biến khổ đau thành hạnh phúc. Nghệ thuật, đó là phép lạ...

TC. phỏng dịch L'Express. Số ra ngày 11 tháng 11, 1993.

tòa soạn và bạn đọc

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ: hiệu sách Tú Quỳnh Westminster CA, Ha T. Trinh Montreal Canada, Lê Đ. Thiềng Seattle, Tuan N Ngo Silver Spring MD, Nguyen Cuong France, Barr Smith Libr/University Adelaide Australia, Giao Nguyen Modesto CA, Nguyễn Hoàng Lân Seattle, Anh N. Mather Horseshoe Bay TX, Hai v. Chu Alexandria VA, Hàn Song Tường Houston TX, Trần Quí Phiệt TX, Carrie Estelle Doheny Mem. Lib. Australia, Đỗ Xuân Trực Tulsa OK, Tưởng Năng Tiến San Jose, Bui Tram Walnutcreek CA, Suzy Ngo Canoga Park CA, Joseph Luan Bui Garden Grove CA, Lê Quốc Uy Ottawa Canada, Menzie Lib. Australia, Wisconsin Univ. Lab., Lê Tấn Lộc Canada, Trần Ngọc Toàn Springfield VA, Nguyễn Văn Hoa Newton KS, Phạm Thị Khuyên Grand Prairie TX, Bichlan T. Ly Arlington IL, Hung Nguyen Boston MA, Kim Thanh Akkarach Silverspring MD, RMIT Librairies Coburg VIC Australia, Biblio Ville Montreal Canada, La Thạch Hà Canleyvale Australia, Mr. & Mrs. Thanh Bui Gaithersburg MD.

Bài vở nhận được trong tháng 11-1993: *Quẩy bạn hè 93, Mời em lên ngựa gửi* từ Montréal Canada, *Mưa rơi* gửi từ Huntington Beach CA, *Cho đàn ngang cung* gửi từ Gatineau Canada, *Người cộng sản cuối cùng, Stalin của Tố Hữu* gửi từ Virginia, *Lá thư Đông Âu số 1/93* gửi từ Berlin Germany, *Hành lộ nan* gửi từ Garden Grove CA, *Cuộc chiến đấu* gửi từ Worcester MA, *Vàng thu* tháng 10 gửi từ Montreal Canada, *Tự họa 1* gửi từ Boston MA, *Bụi gửi* từ San Francisco CA, *Mẹ, Từ tà áo em, Uẩn khúc, Khước từ* gửi từ San Jose CA, *Cánh* gửi từ Australia, *Say* gửi từ Seattle WA, *Cõi tình ngàn dâu, Tháng gió động* gửi từ Springfield VA, *Một ngày cuối năm* gửi từ San Francisco CA, *Para Elisa* gửi từ Ontario Canada, *Tháng Chạp* gửi từ Houston TX, *Xuôi ngược miền quê* gửi từ Bolingbrook IL, *Nỗi buồn xa xứ, Vắng bạn, Cõi thế* gửi từ Lawndale CA, *Sau nỗi trống không, Bóng ngã đêm về* gửi từ Gatineau Canada, *Phải chi em là mộng, Đêm - Mười ngón tay - Và gió* gửi từ El Monte CA, *Dường dừng, Cớ chi mùa*

đông gửi từ Montreal Canada, *Một nhà sưu tập sưu tập tranh* gửi từ St. Mesmin France, Khảo luận về Phan Khôi, và *16 bài thơ* gửi từ San Jose CA.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Một cảnh hai quê, tập truyện của Nguyễn Tấn Hưng, Thế Giới San Jose USA xuất bản, bạt của nhà văn Võ Kỳ Điền, tranh bìa của Vũ Thái Hòa, phụ bản của Cao Bình Minh và Vũ Thái Hòa. Thêm "một" tác phẩm mới của nhà văn hết sức sung sức hiện nay và có thói quen đặt tên tác phẩm của mình bắt đầu bằng chữ "một": *Một đời để học, Một thuở làm trùm, Một chuyến ra khơi, Một kỷ niệm đẹp, Một lần xuống núi, Một thoáng trong mơ, Một nỗi buồn riêng...* Võ Kỳ Điền nhận xét rất đúng về truyện Nguyễn Tấn Hưng: "Nguyễn Tuân ngày xưa đã nói: ở đời có những sự thật không nên nói ra. Nhưng ở "Một cảnh hai quê", và những cuốn khác của bạn, bạn đều nói tuốt luốt hết, không chừa một điều gì. Hèn chi Nguyễn Hưng Quốc có lần nhận định: Da số nhà văn Miền Nam đều có một nhu cầu thố lộ tình cảm, bộc bạch tâm sự. Điều đó quá đúng nhưng nên thêm, trong số các cây bút miền Nam, Nguyễn Tấn Hưng là người viết thành thực nhứt".

Sách dày 204 trang, giá 12 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Thế Giới 3023 Centerwood Way, San Jose CA 95148. Phone: (408) 274-5171 hoặc (714) 265-2665.

Những mảnh đời chắp vá, tập truyện ngắn của Sĩ Liêm, Miệt Vườn xuất bản, bìa Phạm Văn Bảo, phụ bản Cao Bình Minh, thư thay lời bạt của Võ Kỳ Điền. Đây là tác phẩm thứ nhì được xuất bản của Sĩ Liêm, sau tập "Tình nghĩa thầy trò" xuất bản cuối năm ngoái. Sĩ Liêm là một nhà văn trẻ ở Pháp có lối viết truyện rặt văn phong miền Nam: ngôn ngữ y như ngôn ngữ nói, xây dựng nhân vật đơn giản thiên về ngoại hình hơn là nội tâm, nhiều chất hoạt kê, nhờ vậy đọc Sĩ Liêm rất vui, ít phải suy nghĩ nặng đầu. Có nhiều điểm giống nhau giữa truyện ngắn của Sĩ Liêm và truyện của Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Văn Ba, Hồ Trường An.

Sách dày 230 trang, giá 12 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Miệt Vườn, P.O. Box 25321 Winston-Salem, NC 27114-5321 U.S.A.

Bên này bức tường Bá Linh, tập truyện của Vũ Nam, Miệt Vườn xuất bản, bạt của Nguyễn Tấn Hưng, bìa và phụ bản của Vũ Thái Hòa. Vũ Nam là nhà văn hiện ở Đức, đã từng cộng tác với các tạp chí Văn Học, Văn, Làng Văn, Sóng, Nắng Mới, Độc Lập, Viên Giác... Đây là tác phẩm thứ ba của Vũ Nam, sau hai cuốn "Sau ngày tang" và "Bên dòng sông Danau" do Viên Giác xuất bản năm trước. Mười truyện ngắn của Vũ Nam đề cập tới thân phận những người Việt sống ở Đức, nhất là những người đi lao động ở xứ người để giúp gia đình lại gặp đúng vào lúc bức tường Bá Linh sụp đổ, mở ra những hy vọng và những thảm kịch mới. Người Việt hiện sống rải rác trên khắp thế giới, nhưng vì đa số người viết định cư ở Mỹ và Pháp, nên tác phẩm của Vũ Nam đem tới cho văn học hải ngoại những chất liệu mới, khác với các đề tài quen thuộc như đời sống tại Việt Nam và tại các nước Pháp, Mỹ.

Sách dày 200 trang, giá 10 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Miệt Vườn P.O. Box 25321 Winston-Salem, NC 27114-5321 U.S.A.

Mây trắng thong dong, thi tập của Huyền Không, bút hiệu của Thượng tọa Thích Mãn Giác, Thanh Văn xuất bản, bìa của Đinh Cường, khuôn nhạc của Hoàng Quốc Bảo. Tác giả tâm sự trong Lời vào tập: "Những bài thơ được gom lại trong tập này mang nhiều dấu vết của kỷ niệm, giữ lại rất nhiều hình bóng, ghi lại chứng tích của một cuộc lữ chưa dừng. Thơ vẫn thủy chung với tất cả. Thơ vẫn đầy tình, thơ rất bao dung. Người chia xa, thơ ở. Cảnh cũ chìm lắng, thơ sống. Thơ đi hát rong trên mắt đời phiêu muộn. Thơ thắp sáng mắt thương trên mỗi mặt người. Trong thơ, có cái nhỏ nhoi của một hạt cát và có cái to lớn của một mặt trời. Tập thơ này được cưu mang và viết ra giữa những cơn đau trên giường bệnh, trước những tin buồn từ quê hương, trong giăng mắc nỗi nhớ niềm thương không nguôi... thế mà, thơ vẫn bình an trong ý thức, troug trắng troug tâm hồn".

Thi tập in trên giấy quí mầu nâu nhạt, dày 130 trang, giá 10 Mỹ kim.

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn. *Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:*

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

TÌM ĐỌC:

Tập truyện

đôi bờ

Lê Thị Thấm Vân

... M. có hai điều kiện cốt yếu: thành thật và tâm hồn. (Khi mình thành thật, mình có lập dị nó vẫn duyên dáng. Khi mình có tâm hồn, mình có vụng về nó vẫn xúc động người khác). Ngoài ra M. có khả năng, cứ thế mà tiến...

Như Hạnh. Virginia, HoaKỳ.

... Lê Thị Thấm Vân là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phản ảnh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật.

Cần đọc để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoại ...

Đặng Tiến. Báo Diễn Đàn, Pháp.

Sách có bày bán tại các nhà sách. Hoặc liên lạc:

Trần Mạnh
P. O. Box 360923
Milpitas, CA 95035

Giá 8 Mỹ kim, tính luôn cước phí.

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, VA 22042
(703) 560-0388/ 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, TAI NẠN XE CỘ
NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN: Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN

P.O. BOX 647, Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390 FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản **Minh Văn** trân trọng giới thiệu:

1. **NGÀY QUANH QUẨN** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập tám truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 207 trang.
2. **NIỀM VUI UNG THƯ** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 196 trang.
3. **CÕI SA MÙ** (truyện dài) $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 452 trang. Bối cảnh của truyện được xây dựng tại Chương Thiện (Vị Thanh), một thị xã nghèo nàn và heo hút ở miền Nam, thời gian sau năm 1975. Tác phẩm nói lên tình huống hỗn mang trong xã hội và cảnh đời lầm than của người dân trong một giai đoạn đau thương của đất nước.
4. **KẺ ĐÀO MỒ** (tập truyện) $11.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 220 trang.
5. **CỬA ĐỊA NGỤC** (truyện dài) $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 560 trang. Bối cảnh của truyện xây dựng tại Gò Quao, một huyện nhỏ, nghèo nàn và hiu hiu ở miền Nam, thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). Tác phẩm nói lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đày nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của chính mình.
6. **CHÂN TRỜI LAM NGỌC** (ký sự) $11.00
Ký sự của **Hồ Trường An**, nói về mười hai tác giả, dày 220 trang.
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn.

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAYOUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

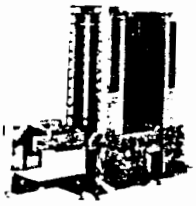

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

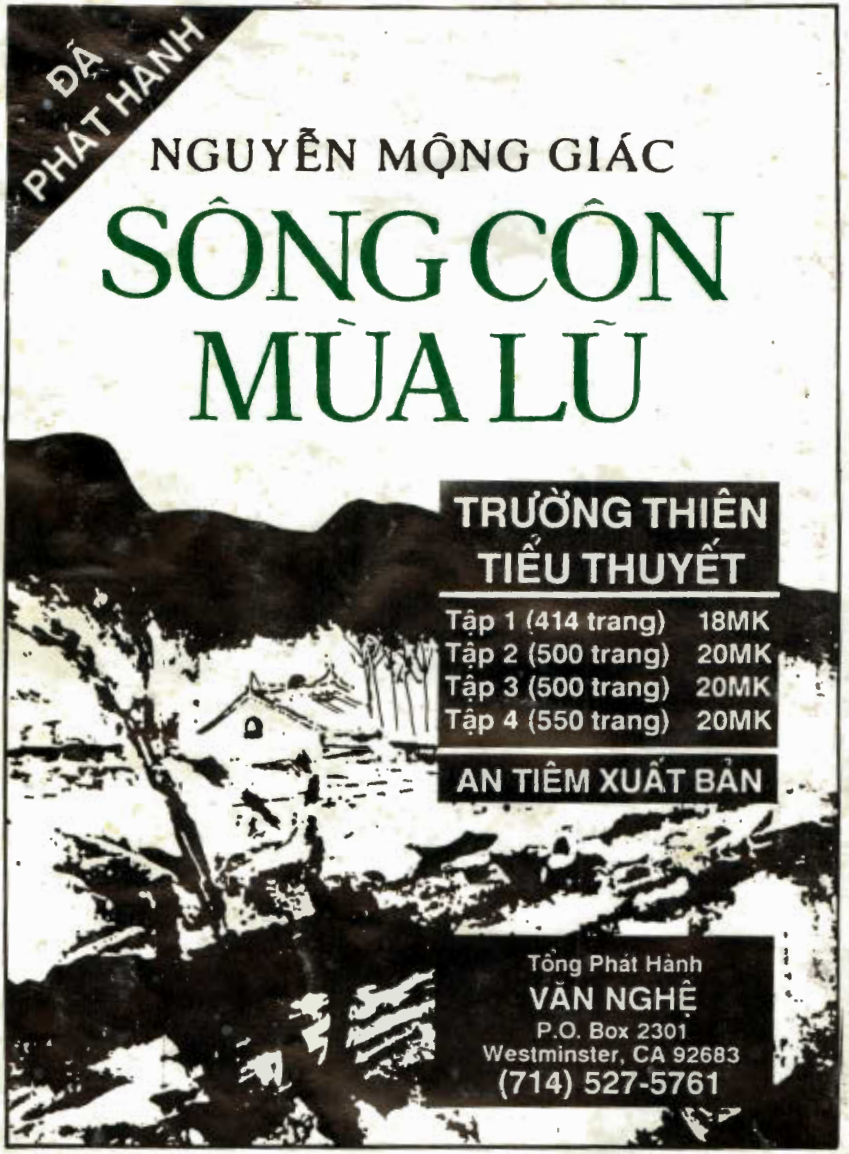
ĐÃ PHÁT HÀNH
NGUYỄN MỘNG GIÁC
SÔNG CÔN MÙA LŨ
TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT
Tập 1 (414 trang) 18MK
Tập 2 (500 trang) 20MK
Tập 3 (500 trang) 20MK
Tập 4 (550 trang) 20MK
AN TIÊM XUẤT BẢN
Tổng Phát Hành
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Giá $3.50

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761